

Danh sách thành viên tham gia nghiên cứu đề tài và đơn vị phối hợp chính

T T	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện
1	Lê Thị Ngọc Uyên	Đại Học Ngoại Ngữ, ĐH Huế, Tổ Thực hành tiếng	Viết tổng quan nghiên cứu của đề tài
2	Hồng Cúc Anh	Đại Học Ngoại Ngữ, ĐH Huế, Tổ Thực hành tiếng	Xử lý số liệu định tính
3	Trần Thị Thu Hồng	Đại Học Ngoại Ngữ, học viên cao học ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh	Xử lý số liệu định lượng

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC HUẾ

1. Thông tin chung

1.1 Tên đề tài

NGHIÊN CỨU HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGỮ (CODE-SWITCHING) TRONG CÁC GIỜ LUYỆN KỸ NĂNG NÓI CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TIẾNG ANH TẠI ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

1.2 Mã số: DHH2020-07-70

1.3 Chủ nhiệm đề tài: TS. Phan Thị Thanh Thảo

1.4 Cơ quan chủ trì đề tài: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

1.5 Cơ quan phối hợp thực hiện: Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

1.6 Thời gian thực hiện: 1/2020-12/2021

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài này được thực hiện nhằm nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong các giờ học luyện kỹ năng Nói tiếng Anh, đồng thời khảo sát ảnh hưởng của việc sử dụng chuyển ngữ đến việc thực hành kỹ năng Nói tiếng Anh, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển kỹ năng ngôn ngữ này của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Nghiên cứu tập trung vào các mục tiêu cụ thể như sau :

- Tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm chuyển ngữ, lý do sử dụng chuyển ngữ, mức độ sử dụng và các loại chuyển ngữ đã được sử dụng trong các giờ luyện Kỹ năng Nói;
- Khảo sát những ảnh hưởng việc sử dụng chuyển ngữ trong việc rèn luyện Kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên;

- Đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

3. Tính mới và sáng tạo

Trong môi trường học tập tiếng Anh như một ngoại ngữ trên khắp thế giới, hiện tượng chuyển ngữ vẫn xảy ra với tần suất cao hay thấp tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Đây là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu đang quan tâm do những ưu điểm cũng như hạn chế của sử dụng chuyển ngữ đối với việc học một ngôn ngữ mới. Theo khuynh hướng đó, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nhận thức của những sinh viên Việt Nam về hiện tượng chuyển ngữ trong các giờ học luyện kỹ năng Nói tiếng Anh.

Thứ nhất, đây là nghiên cứu đầu tiên về hiện tượng chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại Huế khi cho đến thời điểm khảo sát năm 2020, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện về vấn đề này, đặc biệt đối với sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh thì việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất, hay tiếng mẹ đẻ hầu như không được phép trong lớp học Nói tiếng Anh. Tuy nhiên, trong bối cảnh thực tế, nhiều sinh viên năm thứ nhất mặc dù đã có nhiều năm học tiếng Anh từ các trường Phổ thông cơ sở và Phổ thông trung học, đây là lần đầu tiên được học riêng kỹ năng Nói tiếng Anh nên có nhiều lúng túng và khó khăn, do vậy việc sử dụng chuyển ngữ là điều không thể tránh khỏi.

Thứ hai, tham gia nghiên cứu còn nhóm sinh viên năm thứ hai với tần suất sử dụng chuyển ngữ ít hơn, vì vậy nghiên cứu đã so sánh việc sử dụng chuyển ngữ của các nhóm sinh viên năm thứ nhất và thứ hai nhằm thu được nhiều kết quả có giá trị trong việc đánh giá năng lực Nói tiếng Anh của sinh viên với cấp độ khác nhau. Chẳng hạn, sinh viên năm thứ hai đã trải qua một thời gian học tập (2 học kỳ) với kỹ năng Nói trong khi đó sinh viên năm thứ nhất lần đầu tiên học kỹ năng này.

Thứ ba, trên cơ sở kết quả điều tra khảo sát, nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp để sử dụng chuyển ngữ một cách phù hợp và hiệu quả nhằm cải thiện việc rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nói riêng và trong nước nói chung.

4. Các kết quả nghiên cứu đạt được

Nghiên cứu đã thu được các kết quả có ý nghĩa trong việc mang lại kiến thức về khái niệm chuyển ngữ, nhận thức được ảnh hưởng của việc sử dụng chuyển ngữ đến quá trình rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất và năm thứ hai của Khoa tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Cụ thể như sau :

4.1 Nhận thức của sinh viên về chuyển ngữ

4.2 Thực trạng sử dụng chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất và năm thứ hai: tần suất sử dụng, các loại chuyển ngữ được sử dụng, so sánh việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên năm 1 và năm 2

4.3 Những ảnh hưởng của sử dụng chuyển ngữ đến việc rèn luyện kỹ năng Nói của sinh viên

5. Sản phẩm

5.1 Sản phẩm khoa học :

- 01 bài đăng ở Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và đào tạo số đặc biệt tháng 9 năm 2021(Tạp chí được tính 1.0 điểm theo danh mục tạp chí tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước năm 2021)
- 01 bài báo đăng ở Tạp chí Khoa học Xã hội nhân văn, Đại học Huế (Tạp chí được tính 0.5 điểm theo danh mục tạp chí tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước năm 2021)

Cả hai bài báo đều có phản biện có chỉ số ISBN chi tiết như sau :

- Phan Thị Thanh Thảo, Trần Thị Thu Hồng (2021). Thực trạng sử dụng chuyển ngữ của giáo viên tiếng Anh trong các hoạt động nói

tại một số trường Trung học phổ thông ở thành phố Huế. *Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và đào tạo*, ISSN 2354 0753. Số đặc biệt tháng 9/2021

- Phan Thi Thanh Thao (2021). Code-switching use of English major students at English speaking classes at University of Foreign Languages, Hue University. *Journal of Social Sciences and Humanities, Hue University*. Vol 130 No. 6D(2021), ISSN (Print) 2588-1213, ISSN (Online) 2615-9724, <https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v130i6D.6289>

5.2 Sản phẩm đào tạo : 01 luận văn cao học chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh đã được bảo vệ thành công với đề tài ***“Nghiên cứu việc giáo viên tiếng Anh sử dụng chuyển ngữ trong hoạt động nói tiếng Anh tại một số trường PTTH thành phố Huế”***.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021

Cơ quan chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

INFORMATION ABOUT THE RESULTS OF THE RESEARCH PROJECT GRANTED BY HUE UNIVERSITY

1. General information of the project

1.1 Project's title:

INVESTIGATION ON CODE –SWITCHING IN SPEAKING SKILL PRACTISING LESSONS OF ENGLISH MAJOR STUDENTS AT UNIVERSITY OF FOREIGNLANGUAGES, HUE UNIVERSITY.

1.2 Project code: DHH2020-07-70

1.3 Chief Investigator: Dr. Phan Thi Thanh Thao

1.4 Host institution: The University of Foreign Languages, Hue University

1.5 Implementing duration: 24 months (from January 2020 to December 2021)

2. Study objectives:

This project was conducted to study the code-switching phenomenon at English speaking classes, and investigate the influences of code-switching use on the students' practice of English Speaking skill, thereby providing some solutions to develop this language skill of English language major students at University of Foreign Languages, Hue University.

The study focuses on the following specific objectives:

- exploring students' awareness of the code-switching concept, the reasons for code-switching use, the frequency of code-switching use and types of code-switching used at Speaking classes;
- surveying the impacts of code-switching use on the students' practice of English speaking skill;
- Proposing some specific measures to use code-switching effectively to develop English speaking skills for English language major students, the University of Foreign Languages, Hue University.

3. Novelty and creativeness of the study

In the learning environment of English as a foreign language all over the world, the code-switching phenomenon still occurs with high or low frequency depending on many factors. This issue has been concerned by many researchers due to the advantages and limitations of code-switching use for learning a new language. Accordingly, this study aims to find out the Vietnamese students' perception of code-switching at English speaking classes.

This is the first study on the phenomenon of the code-switching use of English-language major students in Hue as until the present survey by 2020, no research has been done on this issue, especially for English major students. For students majoring in English, the use of the first language or the mother tongue, is hardly allowed at an English speaking class. However, in the real context, many first-year students, despite having spent many years learning English at lower secondary schools and higher secondary schools, have learnt separately English speaking skills for the first time. Thus, they have some difficulties in this language skill and their use of code-switching at English speaking classes is inevitable.

In addition, participants in this study are the second year students with lower frequency of code-switching use. Therefore, this study also presents the comparison of the code-switching use by the first-year and the second-year students to provide many valuable results in assessing students' English speaking competence at different levels. Take an example, the second-year students learnt Speaking skill during the two-semester period while the first-year students have learnt this skill for the first time.

Finally, based on the survey results, some solutions on using code-switching appropriately and effectively have been offered to improve the

English speaking skill of students at the University of Foreign Languages Hue University in particular and in the whole country in general.

4. Results obtained

4.1 Students' perception of code-switching

4.2 The reality of code-switching use by the first-year and the second-year English major students: the frequency of code-switching use, types of code-switching use, and the comparison of code-switching use between the freshmen and sophomores.

4.3 The impacts of code-switching use on the students' speaking skill practice.

5. Project outputs

5.1 Publications :

- Phan Thi Thanh Thao, Tran Thi Thu Hong (2021). The reality of code-switching use by English language teachers in speaking activities at some high schools in Hue city. Vietnam Journal of Education, Ministry of Education and Training, ISSN 2354 0753. Special issue in September 2021.
- Phan Thi Thanh Thao (2021). Code-switching use of English major students at English speaking classes at University of Foreign Languages, Hue University. Journal of Social Sciences and Humanities, Hue University. Vol 130 No. 6D(2021), ISSN (Print) 2588-1213, ISSN (Online) 2615-9724, <https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v130i6D.6289>

5.2 Training and education outcomes : One Master thesis on the topic « *The EFL teachers' use of code-switching in English speaking activities at some high schools in Hue city* » has been completed.

Dat: 11th November 2021

**Host Institution
tor**

Project investiga-

MỤC LỤC

Danh sách thành viên tham gia nghiên cứu đề tài và đơn vị phối hợp chính.....	i
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	ii
DANH MỤC BẢNG	xiii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	xiv
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU	xv
PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. Bối cảnh nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong và ngoài nước.....	1
II. Tính cấp thiết của đề tài.....	5
III. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu.....	6
IV. Nội dung báo cáo tổng kết.....	7
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN	9
1.1 Chuyển ngữ.....	9
1.1.1 Định nghĩa	9
1.1.2 Phân biệt khái niệm chuyển ngữ (code-switching), trộn ngữ (code-mixing) và vay mượn từ (word borrowing)	10
1.1.3 Phân loại chuyển ngữ	12
1.1.4 Chức năng của chuyển ngữ	13
1.2. Chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh.....	16
1.2.1 Chuyển ngữ - chuyển đổi từ ngôn ngữ thứ nhất (L1) sang ngôn ngữ thứ hai (L2).....	16
1.2.2 Ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh	19
1.2.3 Các nghiên cứu trước đây.....	23
1.2.4 Tóm tắt chương 1.....	27
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	29
2.1 Đối tượng, phạm vi và khách thể nghiên cứu.....	29
2.1.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	29
2.1.2 Khách thể nghiên cứu	29
2.2 Phương pháp tiếp cận và công cụ thu thập dữ liệu.....	31
2.2.1 Phương pháp tiếp cận.....	31

2.2.2 Công cụ thu thập dữ liệu	31
2.3 Quá trình thu thập dữ liệu	33
2.4 Quy trình xử lý và phân tích số liệu	34
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN.....	36
3.1 Nhận thức về chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh	36
3.2 Sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh.....	42
3.2.1 Tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên	42
3.2.2 Giai đoạn sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	45
3.2.3 Lý do sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	47
3.2.4 Các loại chuyển ngữ sinh viên sử dụng	50
3.3 Những ảnh hưởng của sử dụng chuyển ngữ đến việc thực hành Kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên.....	53
3.3.1 Ảnh hưởng tích cực	53
3.3.2 Hạn chế	56
PHẦN KẾT LUẬN.....	61
NHỮNG KẾT QUẢ CHÍNH, Ý NGHĨA, HẠN CHẾ VÀ CÁC ĐỀ XUẤT	61
1. Kết quả nghiên cứu chính	61
2. Một số đề xuất về việc học kỹ năng Nói tiếng Anh	64
3. Ý nghĩa của nghiên cứu	68
4. Hạn chế của đề tài và định hướng nghiên cứu.....	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71
PHỤ LỤC.....	80
PHỤ LỤC 1.....	80
BẢNG KHẢO SÁT DÀNH CHO SINH VIÊN	80
PHỤ LỤC 2. CÂU HỎI PHÒNG VẤN CHÍNH.....	87
PHỤ LỤC 3.....	89
CÁC LOẠI CHUYỂN NGỮ ĐƯỢC SINH VIÊN NĂM 1 SỬ DỤNG TRONG GIỜ LUYỆN NÓI TIẾNG ANH	89
PHỤ LỤC 4.....	95

CÁC LOẠI CHUYÊN NGỮ ĐƯỢC SINH VIÊN NĂM 2 SỬ DỤNG TRONG GIỜ LUYỆN NÓI TIẾNG ANH	95
PHỤ LỤC 5: SẢN PHẨM KHOA HỌC	96
PHỤ LỤC 6: SẢN PHẨM ĐÀO TẠO	96
THUYẾT MINH ĐỀ TÀI	96

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về khách thể nghiên cứu	29
Bảng 2. Thông tin về thời gian học tiếng Anh của khách thể	30
Bảng 3. Thống kê mô tả toàn bộ khảo sát	36
Bảng 4. Nhận thức về chuyên ngữ của SV trong lớp học Nói tiếng Anh ..	39
Bảng 5. Phân biệt chuyên ngữ và từ vay mượn của SV năm 1 và năm 2 ..	40
Bảng 6. Lý do SV sử dụng chuyên ngữ trong các giờ học nói tiếng Anh..	48
Bảng 7. Ảnh hưởng tích cực của việc sử dụng chuyên ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh	54
Bảng 8. Hạn chế của sử dụng chuyên ngữ theo đánh giá của GV đối với SV trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	56
Bảng 9. Hạn chế của sử dụng chuyên ngữ trong giờ luyện nói tiếng Anh.	58

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Tần suất sử dụng chuyên ngữ của SV năm 1 trong giờ luyện nói tiếng Anh	43
Biểu đồ 2. Tần suất sử dụng chuyên ngữ của SV năm 2 trong giờ luyện nói tiếng Anh	44
Biểu đồ 3. Các giai đoạn SV năm 1 sử dụng chuyên ngữ trong giờ luyện Nói tiếng Anh	46
Biểu đồ 4. Các giai đoạn SV năm 2 sử dụng chuyên ngữ trong giờ luyện Nói tiếng Anh	47
Biểu đồ 5. Các loại chuyên ngữ sinh viên sử dụng trong giờ luyện Nói tiếng Anh.....	51
Biểu đồ 6. So sánh sử dụng các loại chuyên ngữ của SV năm 1 và năm 2 trong các giờ luyện Nói tiếng Anh	52

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU

CNTT: Công nghệ thông tin

ESL: English as second language (tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai)

EFL: English as a foreign language (tiếng Anh như một ngoại ngữ)

ĐHH: Đại học Huế

ĐHNN: Đại học Ngoại ngữ

GV: giảng viên

L1: Ngôn ngữ thứ nhất

L2: Ngôn ngữ thứ hai

PTCS: Phổ thông cơ sở

PTTH: Phổ thông trung học

SV: sinh viên

[S1.Int.01]: Sinh viên năm 1 tham gia phỏng vấn 01

[S2.Int.01]: Sinh viên năm 2 tham gia phỏng vấn 01

PHẦN MỞ ĐẦU

Là một ngôn ngữ được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới, tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong chương trình giáo dục ngôn ngữ từ bậc phổ thông cho đến bậc đại học của nhiều quốc gia. Hơn nữa, mục đích đạt chuẩn đầu ra liên quan đến kỹ năng giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ tiếng Anh đối với sinh viên chuyên ngữ trong các chương trình đại học luôn được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, việc học tiếng Anh đang trải qua một cuộc cải cách sâu sắc, đặc biệt kỹ năng Nói. Đây là một trong bốn kỹ năng quan trọng trong việc tiếp thu tiếng Anh và đánh giá năng lực ngôn ngữ tiếng Anh.

Thật ra, *Nói tiếng Anh* vẫn được xem là một trong những kỹ năng khó nhất ở các trường đại học Việt Nam khi cả người dạy và người học đều sử dụng tiếng Anh trong môi trường tiếng mẹ đẻ chiếm ưu thế. Vì vậy, khi thực hiện các hoạt động trong giờ học nói tiếng Anh ở bậc đại học, sinh viên thỉnh thoảng không thể tránh khỏi việc sử dụng tiếng mẹ đẻ (ngôn ngữ thứ nhất) hay còn gọi là chuyển ngữ (code-switching). Thật vậy, đây là một trong những hiện tượng phổ biến khi sử dụng hai hay nhiều ngôn ngữ trong quá trình học ngoại ngữ mà có thể giúp người học tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai một cách hiệu quả (Yusuf, 2009; Yama et al., 2011).

I. Bối cảnh nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong và ngoài nước

Ngày nay, hiện tượng chuyển ngữ xảy ra ở các lớp học tiếng Anh trên khắp thế giới và đã được nhiều nhà giáo dục, nhà ngôn ngữ quan tâm. Việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học thường nhận được những thái độ vừa tích cực và tiêu cực từ người học (Abdolaziz & Shahla, 2015; Dar et al., 2014). Krashen (1982) cho rằng nếu tiếp cận với ngôn ngữ thứ hai (L2) mà dễ hiểu thì việc học sẽ dễ dàng thành công, nhưng nếu người học không thể hiểu tất cả những gì được đề cập bằng L2, họ sẽ không cảm thấy thoải mái khi làm một bài tập hoặc ghi nhớ bài học bằng ngôn ngữ đó. Thật vậy, chuyển ngữ không chỉ làm tăng khả năng hiểu và áp dụng tài liệu của người học mà còn

cung cấp một môi trường học tập tích cực với sự giúp đỡ của các mối quan hệ tốt giữa giáo viên và người học (Moghadam, Samad, & Shahraki, 2012).

Sert (2005) công bố rằng chuyển ngữ có thể được sử dụng để thể hiện cách thức làm rõ ngôn ngữ tùy theo ý định của từng cá nhân, do vậy chuyển ngữ có ảnh hưởng tích cực và quan trọng đối với việc học ngoại ngữ bởi vì khi chúng ta sử dụng chuyển ngữ, chúng ta sẽ xây dựng một cầu nối giữa tiếng mẹ đẻ với ngôn ngữ thứ hai.

Theo Metila (2009), chuyển ngữ giúp kích thích sự tham gia của người học bằng cách tạo ra bầu không khí học tập thoải mái cho phép người học thực hiện các bài tập tốt hơn. Abad (2005) tranh luận với Metila rằng chuyển ngữ giảm sự căng thẳng và tạo mối quan hệ cũng như bầu không khí hòa đồng giữa giáo viên và người học và giúp người học có môi trường học dân chủ và hiệu quả hơn. Metila (2009) còn bổ sung việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học song ngữ nhằm giải thích những khái niệm trừu tượng và các thuật ngữ khó hiểu một cách rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu hơn cho người học.

Ngược lại, bên cạnh những điểm mạnh, Krashen (1985) cho rằng không nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học ngoại ngữ vì cần phải tập trung cao độ việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai để có thể diễn đạt trôi chảy và mạch lạc hơn bằng ngôn ngữ thứ hai. Nhiều người có ý kiến rằng chỉ nên sử dụng chuyển ngữ ở cấp độ ban đầu hay sơ cấp và nên hạn chế ở cấp độ cao hơn (Horasan, 2014). Sinh viên khoa tiếng Anh thường có thái độ phản đối việc sử dụng chuyển ngữ trong sinh viên các khoa khác không có sự phản đối nào (Rukh, 2014; Rukh, Saleem, Javeed, & Mehmood, 2014). Tsukamoto (2012) cho thấy rằng sinh viên thích học ở lớp đơn ngữ để nâng cao việc học và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh, do vậy giờ học nên chỉ sử dụng tiếng Anh mà không dùng tiếng mẹ đẻ nào khác. Ngoài ra, một vài sinh viên tin rằng sử dụng chuyển ngữ không phải là cách hiệu quả để đạt được sự thành công trong việc học ngôn ngữ (Ling, Jin, Tong, Tarmizi, & Sahiddan, 2014).

Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, trong môi trường học tại Việt Nam với người dạy không phải bản xứ nói tiếng Anh, sinh viên là người Việt chiếm 100% với việc sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ thì chuyển ngữ vẫn là một hiện tượng không thể tránh khỏi (Nguyen và Phan, 2019). Chuyển ngữ đã được sử dụng trong ngữ cảnh khi người học phải trả lời nhiều câu hỏi khó, hay tham gia thảo luận, đóng vai trong hội thoại hoặc thuyết trình các chủ đề về văn hóa, ẩm thực, du lịch ở Việt Nam, ví dụ nói về lễ hội văn hóa áo dài, các trò chơi dân gian, các món ăn truyền thống, vv. Trong trường hợp này, người học không cảm thấy tự tin khi giải thích những từ/cụm từ hay cả câu phức tạp bằng tiếng Anh, thì họ có khuynh hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ (Forsyth 2019). Ngoài ra, chuyển ngữ có thể xảy ra để diễn đạt nhanh những ý tưởng hay thông tin trong hội thoại bằng tiếng mẹ đẻ để đảm bảo rằng họ hoàn toàn hiểu rõ những gì giáo viên muốn người học trình bày một cách dễ hiểu, nhanh gọn.

Theo Nguyen (2013), chuyển ngữ có thể xảy ra trong các lớp học nói tiếng Anh khi các giáo viên không phải người bản xứ nói tiếng Anh sử dụng ngôn ngữ khác để trích dẫn lời nói (ví dụ, *Các em biết rằng câu hỏi when did these events happen là gì không?*), giữ nguyên các danh từ riêng (*Who knows the famous Vietnamese epic poem, Truyện Kiều*), làm mẫu phát âm (*Ở đây chúng ta không đọc là read /ri:d/, phân từ 2 chúng ta phải đọc là read /red/*), lặp lại cách phát âm (*Pay attention. || Chú ý. || Similarity. || Tương tự. || Revise. || Ôn tập.*), tự sửa lỗi hay do dự (*Thanksgiving là ngày lễ phục sinh, I'm sorry, là ngày lễ Tạ ơn*), và thay đổi hành động (*Which questions below is each person answering là gì em?*).

Hiện nay, hiện tượng chuyển ngữ trong lớp học nói tiếng Anh đã được nghiên cứu trong bối cảnh dạy học ngoại ngữ, tại Việt Nam nói chung và tại Huế nói riêng. Theo Nguyen (2013), việc sử dụng chuyển ngữ của giảng viên dạy tiếng Anh ở một số trường đại học ở Việt Nam trong lớp học tiếng Anh là một trong những vấn đề đáng quan tâm vừa có ảnh hưởng tích cực và tiêu

cực đến việc dạy học tiếng Anh. Hơn nữa, trên phương diện chức năng ngôn ngữ, chuyển ngữ còn được phân loại như chuyển ngữ khi người nói trích dẫn lời nói, giữ nguyên các danh từ riêng; làm mẫu phát âm; lặp lại cách phát âm; tự sửa lỗi hay do dự và thay đổi hành động.

Nghiên cứu của Cao (2016) về việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên trong các lớp học tiếng Anh chuyên ngành dành cho nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại Trường Cao đẳng nghề du lịch Huế đã cho thấy tầm quan trọng cũng như tần suất sử dụng chuyển ngữ Anh- Việt trong các lớp học nói tiếng Anh khi cả giảng viên và sinh viên đều không phải là người bản xứ nói tiếng Anh trong ngữ cảnh song ngữ. Vì vậy, sử dụng chuyển ngữ có thể giúp sinh viên dễ dàng hiểu một số khái niệm hay các món ăn, văn hóa của các quốc gia khác nhau.

Một nghiên cứu của Tran và Phan (2018) đã tập trung vào việc tìm hiểu sự hiểu biết và thái độ của sinh viên đối với sự chuyển ngữ trong ngành biên phiên dịch, cách sử dụng chuyển ngữ, những thuận lợi cũng như bất lợi của sinh viên ngành biên phiên dịch khi sử dụng chuyển ngữ trong biên phiên dịch. Theo Nguyen và Phan (2019), nghiên cứu việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên ngành công nghệ thông tin trong giờ học nói tiếng Anh tại Đại học Phú Xuân Huế cũng đã được thực hiện nhằm tìm hiểu những lý do và những loại chuyển ngữ nào được sử dụng trong lớp tiếng chuyên ngành công nghệ thông tin tại một cơ sở đại học tại thành phố Huế. Qua đó, có thể thấy được đa số sinh viên CNTT nhận thức được lợi ích của việc sử dụng chuyển ngữ, vì thế họ thường xuyên sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học tiếng Anh để giải thích các một vài thuật ngữ chuyên ngành CNTT, hay nói về các chủ đề đặc biệt, nhấn mạnh, dùng câu cảm thán, lặp lại từ/cụm từ để làm rõ nghĩa chúng. Từ các kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng sử dụng chuyển ngữ hiệu quả để giúp người học giao tiếp tiếng Anh tốt hơn.

Các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam đã đi sâu tìm hiểu bối cảnh sử dụng chuyển ngữ, các loại chuyển ngữ được sử dụng (ở cấp độ trong một

mệnh đề hay một câu; cấp độ giữa nhiều câu trong lời nói), những lợi ích và thách thức của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học tiếng Anh. Tuy vậy, vẫn chưa có nghiên cứu nào về hiện tượng chuyển ngữ trong việc rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại một trường đại học Việt Nam.

II. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển ngữ là một hiện tượng ngôn ngữ thường xảy ra tự nhiên xảy ra trong môi trường người giao tiếp sử dụng song ngữ hay đa ngôn ngữ và có ý nghĩa đáng kể trong quá trình học ngoại ngữ. Nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu hiện tượng ngôn ngữ tự nhiên trong các lĩnh vực ngôn ngữ học và xã hội học. Ngoài ra, nghiên cứu chuyển ngữ trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt việc học tiếng Anh có thể thúc đẩy nhận thức của người học về kiến thức ngôn ngữ này đồng thời sử dụng chuyển ngữ một cách hợp lý và đúng ngữ cảnh sẽ cải thiện hay nâng cao chất lượng học tiếng Anh, nhất là kỹ năng Nói.

Hiện nay, việc sử dụng chuyển ngữ đang được tranh cãi nhiều do hiện tượng ngôn ngữ này đối mặt với cả những ưu điểm và hạn chế trong việc học một ngoại ngữ. Do vậy, nghiên cứu này thực hiện nhằm phân tích rõ những lợi ích và khó khăn đó để có thể đưa ra các đề xuất cụ thể về sử dụng chuyển ngữ một cách hiệu quả trong khi thực hành kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên học ngoại ngữ nói chung và sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh nói riêng tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Xuất phát từ thực tế đó, nhóm nghiên cứu tiến hành thực hiện đề tài “*Nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ (Code-switching) trong các giờ luyện kỹ năng nói của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế*” với mục đích khảo sát thực trạng sử dụng chuyển ngữ của hai nhóm sinh viên năm 1 mới vào trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế và hai nhóm sinh viên năm 2 cùng chuyên ngành Ngôn ngữ Anh trong các giờ học kỹ năng

Nói tiếng Anh. Trên cơ sở nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu sẽ đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức của sinh viên về sử dụng chuyển ngữ, hạn chế hoặc cân bằng việc sử dụng chuyển ngữ nhằm cải thiện việc học kỹ năng Nói cũng như kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho sinh viên trong môi trường học ngoại ngữ ở đại học, đáp ứng mục đích đạt chuẩn đầu ra với khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh sau khi hoàn thành chương trình đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

III. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh, đồng thời khảo sát thực trạng sử dụng chuyển ngữ và ảnh hưởng của nó đến việc thực hành kỹ năng Nói tiếng Anh nhằm đưa ra các giải pháp cụ thể để phát triển kỹ năng ngôn ngữ này cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế.

Mục tiêu cụ thể

1/Khảo sát thực trạng sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh, ĐHNN-ĐHH bao gồm:

+ Tìm hiểu lý do sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói của sinh viên khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

+ Mức độ hay tần suất sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh;

+ Các loại chuyển ngữ được sử dụng.

2/ Nghiên cứu ảnh hưởng việc sử dụng chuyển ngữ trong việc rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh

3/ Đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài dự kiến trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

1. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng chuyên ngữ trong các giờ luyện Nói tiếng Anh như thế nào?
2. Sinh viên đã sử dụng chuyên ngữ như thế nào trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh?
3. Những ảnh hưởng nào của việc sử dụng chuyên ngữ đối với việc rèn luyện kỹ năng nói của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh?

IV. Nội dung báo cáo tổng kết

Báo cáo tổng kết này bao gồm những nội dung sau:

Phần mở đầu giới thiệu bối cảnh nghiên cứu hiện tượng chuyên ngữ và việc sử dụng chuyên ngữ ở các lớp học ngoại ngữ trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, lý giải về tính cấp thiết thực hiện nghiên cứu về hiện tượng chuyên ngữ trong giờ thực hành kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, đồng thời xác lập mục tiêu và các câu hỏi nghiên cứu.

Chương 1 giới thiệu cơ sở lý luận làm nền tảng cho nghiên cứu bao gồm khái niệm chuyên ngữ, phân biệt chuyên ngữ và trộn ngữ, từ vay mượn, xác định chức năng và các loại chuyên ngữ được sử dụng, đồng thời phân tích những ưu điểm và hạn chế của sử dụng chuyên ngữ trong việc học ngoại ngữ nói chung và kỹ năng Nói nói riêng.

Chương 2 trình bày và lý giải việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu, khách thể nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu, công cụ thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, đồng thời mô tả quá trình thu thập dữ liệu, mã hóa để bảo vệ tính riêng tư của khách thể, phù hợp với đạo đức nghiên cứu.

Chương 3 phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu thu được bao gồm nhận thức của sinh viên về hiện tượng chuyên ngữ, tần suất sử dụng chuyên ngữ từ đó so sánh việc sử dụng chuyên ngữ của sinh viên năm thứ và sinh viên năm thứ hai, tìm hiểu nhận thức của sinh viên về những ảnh hưởng tích cực

cũng như các hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ đến việc rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh tại lớp.

Phần Kết luận và đề xuất giải pháp được đưa ra dựa trên cơ sở những kết quả thu được đã trình bày trong chương 3. Các đề xuất dành cho cả người học, giáo viên và cơ sở đào tạo nhằm cải thiện việc học kỹ năng giao tiếp, đặc biệt kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên, cụ thể nâng cao sự hiểu biết về khái niệm chuyển ngữ, nhận thức rõ việc sử dụng chuyển ngữ một cách thích hợp với các ngữ cảnh giao tiếp, hạn chế hay tối giản việc sử dụng chuyển ngữ nhằm phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Chương này trình bày tổng quan các tài liệu nghiên cứu liên quan đến hiện tượng chuyển ngữ bao gồm khái niệm, phân biệt chuyển ngữ với trộn ngữ, chức năng chuyển ngữ, phân loại chuyển ngữ đến việc sử dụng chuyển ngữ trong hoạt động nói tiếng Anh cùng với những ưu điểm và hạn chế. Những cơ sở lý luận này là nền tảng để đưa ra các đề xuất để cải thiện việc học ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai) trong môi trường tiếng mẹ đẻ chiếm ưu thế.

1.1 Chuyển ngữ

1.1.1 Định nghĩa

Chuyển ngữ (code-switching), là một hiện tượng tự nhiên của song ngữ (Cheng & Butler, 1989) hay tự nhiên xuất hiện “khi người nói sử dụng hơn một ngôn ngữ sẵn có để chuyển hay trộn lẫn với ngôn ngữ khác nhằm truyền đạt nội dung lời nói” (Jenkins, 2009). Chuyển ngữ thường được nghiên cứu từ hai lĩnh vực khác nhau: ngôn ngữ học và xã hội học, vì vậy cũng có nhiều định nghĩa khác nhau.

Trên phương diện ngôn ngữ học và xã hội học, khi nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong bối cảnh xã hội và người giao tiếp sử dụng song ngữ, nhiều nhà nghiên cứu đã chú trọng vào thể loại và chức năng của chuyển ngữ (Gumperz, 1982; Myers-Scotton, 1993; Poplack, 1980). Đầu tiên, Valdes-Fallis (1978) cho rằng chuyển ngữ là khả năng hoán đổi hai ngôn ngữ bằng cách chuyển, mượn hoặc trộn các từ với nhau. Gumperz xem chuyển ngữ là việc sử dụng những từ/ngữ gần giống nhau của hai hệ thống ngôn ngữ khác nhau khi phát ngôn (1982). Eastman (1992) gọi chuyển ngữ là một hiện tượng tiếp xúc ngôn ngữ, đặc trưng của các cộng đồng đa ngôn ngữ. Kaschula và Anthonissen (1995) tranh luận rằng chuyển ngữ liên quan đến việc sử dụng hai hay nhiều ngôn ngữ trong cùng một hội thoại, hay thậm chí trong cùng một câu của hội thoại đó. Cook (2001) đã đưa ra khái niệm chuyển ngữ là quá trình chuyển đổi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác trong đối thoại khi cả

hai người nói đều biết cùng một ngôn ngữ đó.

Bên cạnh lĩnh vực xã hội học và ngôn ngữ học, có nhiều nghiên cứu cho thấy sử dụng chuyển ngữ nhằm xây dựng một môi trường tốt cho các nhà nghiên cứu tương lai ở nhiều lĩnh vực khác nữa, đặc biệt giáo dục (Auer, 1998; Canagarajah, 1995; Kang, 2013, Liu, Ahn, Beak, & Han, 2004; Macaro, 2001; Myers, 1990; Nguyen, 2013). Với các định nghĩa ở trên, có thể thấy chuyển ngữ là một hiện tượng tự nhiên xảy ra khá phổ biến trong cộng đồng song ngữ và đa ngôn ngữ, đặc biệt trong các lớp học ngoại ngữ khi người nói sử dụng luân phiên hai ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai nhằm giải thích từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, hay bản hướng dẫn, v.v. Theo Nguyen (2013), trong các lớp học ngôn ngữ, hiện tượng chuyển ngữ đã thu hút ngày càng nhiều nhà giáo dục nghiên cứu các loại chuyển ngữ khác nhau, những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc sử dụng chuyển ngữ đối với người học ngoại ngữ, nhất là kỹ năng giao tiếp nói chung và kỹ năng Nói nói riêng.

1.1.2 Phân biệt khái niệm chuyển ngữ (code-switching), trộn ngữ (code-mixing) và vay mượn từ (word borrowing)

Chuyển ngữ và trộn ngữ

Khái niệm *chuyển ngữ* đôi khi được hiểu là *trộn ngữ*; tuy nhiên một vài nhà nghiên cứu đã phân biệt hai khái niệm này như sau: Muysken (2004) và Wardhaugh (1992) cho rằng *trộn ngữ* xảy ra ở từ vựng trong một câu, còn *chuyển ngữ* là sự chuyển đổi ngôn ngữ giữa các mệnh đề, câu, hay lời nói. Ritchie và Bhatia (2004) (trích dẫn trong Tran, 2012) đã phân biệt *chuyển ngữ* với *trộn ngữ* khi sử dụng các đơn vị ngôn ngữ khác nhau như từ, cụm từ, mệnh đề, và câu qua ranh giới câu trong một bài diễn văn (đối với *chuyển ngữ*) và hình vị, từ, bộ ngữ, cụm từ, mệnh đề và câu trong một câu (đối với *trộn ngữ*). Nói cách khác, chuyển ngữ có thể xảy ra ở các câu hay ở cấp độ giữa các câu với nhau (inter-sentential level), còn trộn ngữ chỉ xảy ra trong một câu (intra-sentential level). Ví dụ, trong cuộc nói chuyện giữa hai người A và B dưới

đây, chúng ta thấy họ đã sử dụng cả chuyển ngữ và trộn ngữ Việt-Anh. “code-switching”, “Mr.” là chuyển ngữ, “bóc phốt” là trộn ngữ “Việt- Anh” từ “bóc” (làm lộ ra), “phốt” có nguồn gốc từ tiếng Anh “fault” nghĩa là lỗi.

A: Sao mà cứ xen kẽ tiếng Anh -Việt thế?

B: Không biết nữa, tao rành hai ngôn ngữ nên *code-switching* cho thoải mái.

A. Vừa rồi biết chuyện gì xảy ra với Mr. D. chưa?

B. À, vụ bóc phốt ấy à...

Thật ra, không có sự phân biệt rõ ràng giữa khái niệm *chuyển ngữ* và *trộn ngữ*, theo Hamers và Blanc (2000) trộn ngữ cũng như chuyển ngữ là sự biến chuyển các yếu tố từ ngôn ngữ A hay từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ B.

Chuyển ngữ và vay mượn từ

Theo Hoffmann (1991), các từ *vay mượn* mang đặc điểm của ngôn ngữ, nghĩa là khi từ vựng của một ngôn ngữ được đưa vào sử dụng trong một hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ khác và được cộng đồng sử dụng sau một quá trình đồng hóa các khía cạnh nào đó. Quá trình đồng hóa có thể xảy ra qua cách phát âm và/hoặc ngữ pháp và/hoặc chính tả.

Một vài nhà nghiên cứu như Haugen (1956) và Poplack (1980) tranh luận có thể phân biệt giữa chuyển ngữ và vay mượn từ dựa vào sự đồng hóa và cấp độ đơn vị ngôn ngữ của hiện tượng. Ví dụ, Poplack (1980) phân biệt rằng vay mượn từ là sự thích ứng của từ vựng với các mẫu hình thái, cú pháp và ngữ âm của ngôn ngữ nhận. Việc sử dụng các từ hoặc cụm từ của một ngôn ngữ đã trở thành một phần của ngôn ngữ khác thì không thể xem là chuyển ngữ, sử dụng thay thế của hai ngôn ngữ (Haugen, 1956).

Các nhà nghiên cứu khác như Gardner-Chloros (2009), Hamers & Blanc (2000), Myers-Scotton (1993) có quan điểm ngược lại khi tranh luận rằng *vay mượn từ* và *chuyển ngữ* là các hiện tượng tiếp nối liên tục. Tương tự, Baker (2006) cho rằng thật khó để đưa ra các tiêu chí phân biệt giữa *chuyển*

ngữ và từ vay mượn bởi vì chúng không phải là các thực thể có thể tách rời nhau. Khi từ vựng của ngôn ngữ được các cá nhân sử dụng đầu tiên, chúng được xem là từ *chuyển ngữ*, nhưng sau một quá trình được sử dụng thường xuyên bởi một nhóm cá nhân hay cộng đồng, chúng trở thành từ *vay mượn*.

1.1.3 Phân loại chuyển ngữ

Điềm qua một số nghiên cứu về chuyển ngữ của nhiều nhà nghiên cứu, chúng ta thấy rằng một số loại chuyển ngữ tùy thuộc vào chức năng hoặc các yếu tố ngôn ngữ của chúng. Blom và Gumperz (1972 & 2000) đã phân loại chuyển ngữ dựa trên các chức năng của chúng thành chuyển ngữ tình huống và chuyển ngữ ẩn dụ (hay chuyển ngữ trong hội thoại). Theo các nhà nghiên cứu này, chuyển ngữ tình huống đề cập đến sự thay đổi về ngữ cảnh hay người tham gia có thay đổi về việc chọn lựa ngôn ngữ, còn chuyển ngữ ẩn dụ xảy ra khi có sự thay đổi chủ đề với cùng một ngữ cảnh và cùng người tham gia. Dựa trên các yếu tố ngôn ngữ học, Poplack (1980) chia chuyển ngữ thành ba loại: 1/ chuyển ngữ xảy ra ở dạng câu bổ sung hay *chuyển phụ cú* (extra-sentential switching hay tag-switching), 2/ chuyển ngữ xảy ra trong một mệnh đề hay một câu- *chuyển ngang câu* (intra-sentential switching), và 3/ chuyển ngữ xảy ra ở cấp độ giữa các câu với nhau - *chuyển liên câu* (inter-sentential level).

Thứ nhất, chuyển phụ cú đề cập đến việc chèn từ hay thêm từ/cụm từ của một ngôn ngữ này vào một câu nói của một ngôn ngữ khác. Ví dụ phần thêm vào bằng tiếng Việt trong một câu tiếng Anh: “À, do you understand what I say? (À, bạn có hiểu những gì mình nói không?)”. Một số ví dụ về các từ/cụm từ tiếng Việt hay được chèn vào lời nói tiếng Anh như: “Trời ơi”, “rõ chưa?”, “Sai không?”, “Ý tôi là”, “như bạn biết đấy”, v.v. Đây là một ví dụ được trích ra từ cuộc trò chuyện của sinh viên về thảm họa thiên nhiên trong lớp nói tiếng Anh của chúng tôi: “**Ý mình là** you have to talk about the special thing you find necessary to bring with you in case of natural disaster” thay vì “**I mean** you have to talk about the special thing you find necessary to bring

with you in case of natural disaster” (Ý mình là bạn phải nói về những vật đặc biệt cần thiết để mang theo trong trường hợp thiên tai xảy ra).

Thứ hai, *chuyển ngữ* đề cập đến các chuyển ngữ xảy ra trong ranh giới mệnh đề hoặc câu. Ví dụ, “*give me some examples of nỗi sợ, à phobia when you were a child*” (hãy cho tôi một vài ví dụ về *nỗi sợ, à nỗi ám ảnh* khi bạn còn nhỏ”.

Thứ ba, *chuyển liên câu* liên quan đến việc chuyển ngữ ở cấp độ mệnh đề hoặc câu (tức là một mệnh đề /câu độc lập được nói bằng một ngôn ngữ này, câu còn lại được nói bằng một ngôn ngữ khác). Ví dụ, *Mình hỏi trước nhé! What do people often scare when they go out at night?* (Mình hỏi trước nhé! Mọi người thường sợ điều gì khi đi chơi đêm?)

Ngoài ra, chuyển ngữ được phân loại theo cấp độ từ, xảy ra khi các từ có cùng một cách viết và cùng ý nghĩa trong hai ngôn ngữ (Bot và cộng sự, 2009, trích dẫn trong Nguyen Q.T., 2014). Ví dụ các từ như “*cafe, gas, carrot, film*” trong tiếng Anh tương đương với những từ “*cà-phê, ga, cà rốt, phim*” trong tiếng Việt. Đôi khi một số từ vựng của hai ngôn ngữ hoàn toàn giống nhau về cách viết cũng như ý nghĩa, ví dụ, *video, vitamin, taxi, robot*, v.v. Do đó, cấp độ khái niệm từ vựng thường được chú trọng trong chuyển ngữ với các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác (Macaro, 2014).

1.1.4 Chức năng của chuyển ngữ

Khi tập trung vào các chức năng của chuyển ngữ, Van Lier (1996) và Moore (2002) đã tiến hành nhiều nghiên cứu về chuyển ngữ trong lớp học. Theo Auer (1998), các yếu tố xã hội hoặc giao tiếp có thể là lý do của việc chuyển ngữ. Chuyển ngữ có thể được sử dụng rộng rãi như một công cụ tương tác (Gumperz, 1982; Dahl và cộng sự, 2010; Yamat và cộng sự, 2011). Chuyển ngữ thực hiện nhiều vai trò xã hội và học thuật trong lớp học, nhằm giải thích hướng dẫn và khẳng định vai trò hỗ trợ trong khi giao tiếp.

Sert (2005) lập luận rằng trong lớp học, người dạy và người học thường sử dụng các chức năng của lời nói để thể hiện bản thân, thay đổi ngôn ngữ vì

các mục đích cá nhân và các mối quan hệ mật thiết giữa các thành viên trong nhóm đang sử dụng song ngữ. Do đó, nhà nghiên cứu cho rằng có hai loại chức năng chuyển ngữ: chuyển ngữ của người dạy và chuyển ngữ của người học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung vào các chức năng chuyển ngữ của người học.

Nhằm tạo nên tính liên mạch hay liên tục của hội thoại giữa những người học, chuyển ngữ mang chức năng giải thích rõ nghĩa của từ vựng hay thuật ngữ bằng ngôn ngữ thứ nhất. Karen (2003) chỉ ra rằng vẫn còn một số vấn đề trong sử dụng chuyển ngữ: thứ nhất, khi nói thiếu một từ chỉ khái niệm của một trong hai ngôn ngữ, thì việc sử dụng chuyển ngữ để bổ sung từ còn thiếu trong lời nói rõ ràng có hiệu quả; thứ hai, một số ý tưởng được diễn đạt dễ dàng bằng tiếng mẹ đẻ, trong trường hợp này, việc sử dụng chuyển ngữ giúp người học thể hiện nhanh chóng và rõ ràng lời nói của họ; thứ ba, việc sử dụng chuyển ngữ có thể giúp người nói giải thích việc một số thuật ngữ hoặc một khái niệm mà họ hiểu nhầm trong ngôn ngữ thứ hai.

Theo Baker (2006), chuyển ngữ có thể được sử dụng để nhấn mạnh một khái niệm quan trọng, thay thế những từ mới/lạ trong ngôn ngữ thứ hai, giải thích khái niệm không có bản sắc văn hóa với các ngôn ngữ khác, giảm bớt sự căng thẳng và mang lại sự vui vẻ thoải mái, hay nhằm giới thiệu các chủ đề mới. Ngoài ra, còn có những quan điểm khác nhau về vai trò chuyển ngữ. Một số người nói rằng việc sử dụng chuyển ngữ có thể giảm khả năng thông thạo ngoại ngữ của người học do năng lực ngôn ngữ của họ bị hạn chế hoặc không đủ tốt để giao tiếp với những thành viên khác trong lớp học ngoại ngữ. Tuy vậy, một số người khác coi chuyển ngữ như một công cụ hữu ích để trò chuyện một cách tự nhiên trong lớp học song ngữ.

Trong nghiên cứu của Abdullah (2010) về thái độ của sinh viên khi sử dụng chuyển ngữ được xem như một công cụ giảng dạy ở trường đại học khoa học sức khỏe, ông đã rút ra bốn mục đích chính từ kết luận của Sert (2005) về việc sinh viên sử dụng chuyển ngữ với chức năng tìm từ tương đương, giữ

tính liền mạch hay liên tục của hội thoại, chức năng lặp lại và kiểm soát sự xung đột. Có thể hiểu rằng chức năng tương đương - một chiến lược mà người học song ngữ thường sử dụng để tìm từ vựng tương đương với từ vựng chưa biết của ngôn ngữ thứ hai từ ngôn ngữ thứ nhất của người nói nhằm khắc phục hạn chế về năng lực ngôn ngữ thứ hai. Trong khi đó, việc giữ nguyên từ vựng của ngôn ngữ thứ nhất là một kỹ thuật được người học song ngữ sử dụng trong khi trò chuyện bằng ngôn ngữ thứ hai nhằm mang lại sự trôi chảy của cuộc trò chuyện. Hơn nữa, việc lặp lại nội dung cần nhấn mạnh và củng cố nội dung lời nói bằng ngôn ngữ thứ nhất thường là mục đích sử dụng chuyển ngữ của người học. Cuối cùng, chức năng kiểm soát xung đột khi sử dụng chuyển ngữ nhằm giải thích mọi hiểu lầm khi người nói không biết ý nghĩa chính xác của một từ trong giao tiếp.

Ngoài các chức năng đã đề cập ở trên, chuyển ngữ còn mang chức năng chuyển đổi chủ đề trong đó người dạy cải thiện năng lực ngôn ngữ của mình bằng cách thay đổi chủ đề. Như Cole (1998) đã nói, người dạy có thể tận dụng tối đa kinh nghiệm học tiếng mẹ đẻ của người học để nâng cao khả năng hiểu ngoại ngữ của mình. Chức năng này có thể thấy khi người dạy thay đổi ngôn ngữ của mình theo chủ đề đang được thảo luận. Với chức năng về mặt tình cảm (Sert, 2005), chuyển ngữ có thể xây dựng sự thống nhất đoàn kết trong lớp cũng như tạo mối quan hệ tốt giữa người dạy và người học. Điều này có thể mang lại bầu không khí tích cực trong các lớp học ngoại ngữ. Về chức năng lặp lại, chuyển ngữ được sử dụng để làm rõ ý nghĩa hoặc làm cho kiến thức trở nên dễ hiểu đối với người học. Ví dụ, người học dùng chức năng này khi chuyển ngữ từ ngôn ngữ thứ hai sang tiếng mẹ đẻ nhằm giải thích ý nghĩa của các hướng dẫn, các khái niệm trừu tượng hoặc một số điểm ngữ pháp. Như vậy, ở đây người học muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu biết ngoại ngữ một cách hiệu quả. Tuy nhiên, việc lặp lại tiếng mẹ đẻ có thể gây ra một số hành vi không mong muốn của người học. Khi người học làm quen với những kiến thức của ngôn ngữ thứ hai nhưng những kiến thức đó lại được

dịch sang tiếng mẹ đẻ, thì sở thích hay kỹ năng nghe bằng tiếng nước ngoài của họ sẽ bị suy giảm. Do vậy, điều này dẫn đến một số ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hay chất lượng học tập của người học (Sert, 2005).

Ngoài ra, trong nghiên cứu của Yletyinen (2004), chuyển ngữ được phân loại thành mười lăm chức năng như: giải thích, yêu cầu trợ giúp, người học giúp đỡ lẫn nhau, tự sửa lỗi sai, chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác, chuyển ngữ để xóa hiểu lầm, không biết ý nghĩa từ vựng bằng tiếng Anh, đánh giá sự hiểu biết, tương tác, nhận xét người học, làm quen với môn học, lời khuyên của giáo viên, học ngữ pháp. Tất cả những chức năng này liên quan đến hầu hết các hoạt động giao tiếp trong lớp học ngoại ngữ giữa người học và đôi khi giữa người dạy và người học. Cook (2001a) tuyên bố đây là một tác động tích cực để sử dụng chuyển ngữ trong lớp học ngoại ngữ.

Tóm lại, các chức năng của chuyển ngữ rất khác nhau tùy thuộc vào mục đích sử dụng trong một lớp học song ngữ. Tuy nhiên, với bất cứ chức năng nào cho người dùng, việc sử dụng chuyển ngữ cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định mặc dù có nhiều lợi ích trong lớp học ngôn ngữ.

1.2. Chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh

1.2.1 Chuyển ngữ - chuyển đổi từ ngôn ngữ thứ nhất (L1) sang ngôn ngữ thứ hai (L2)

Giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai rất quan trọng đối với việc cải thiện ngôn ngữ của người học trong các lớp học ngoại ngữ; do đó, một lớp học ngoại ngữ với 100% ngôn ngữ thứ hai hoặc sử dụng tối đa được coi là một trong những yếu tố quan trọng để người học đạt được kiến thức hay thông thạo kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai đó. Ngoài việc cung cấp cho người học khả năng sử dụng thực sự một ngoại ngữ trong lớp học, ngôn ngữ thứ hai cũng có thể tạo ra một môi trường khuyến khích trong đó người học có thể thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong lớp học (Liu, Ahn, Baek, & Han, 2004 ; Crawford, 2004). Tuy nhiên, bất chấp những lợi ích của việc sử dụng

L2, việc tránh hoàn toàn L1 trong một số trường hợp ở lớp học dường như là không thể đối với giáo viên không phải người bản ngữ, điều này được chứng minh bởi một số nghiên cứu cho rằng giáo viên không phải là người bản ngữ có thể hưởng lợi từ L1 trong một số tình huống. Theo một số nghiên cứu của Macaro (2014), Levine (2003), Liu et al. (2004) và Crawford (2004), L1 có thể được sử dụng để hỗ trợ việc giảng dạy L2 trong lớp học nếu nội dung của các bài học liên quan đến các chức năng và hình thức ngôn ngữ như ngữ pháp và từ vựng, hoặc một số ý tưởng và thông tin phức tạp.

Có ba cách tiếp cận chuyển đổi giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai: phương pháp tiếp cận nội ngữ; phương pháp tiếp cận đa ngôn ngữ; và phương pháp sử dụng tối ưu ngôn ngữ hai.

Phương pháp tiếp cận nội ngữ

Stern (1992) đề cập đến “phương pháp tiếp cận nội ngữ” đối với phương pháp giảng dạy giữ ngôn ngữ hai tách biệt với ngôn ngữ thứ nhất, chẳng hạn, không có bản dịch từ ngôn ngữ thứ nhất hoặc được chuyển sang ngôn ngữ thứ nhất. Có nghĩa là nếu một người muốn áp dụng L2 cho một số mục đích khác, chẳng hạn như tham gia vào một cuộc trò chuyện hoặc nghe một bài giảng, họ không nên dịch nội dung thông điệp đó sang L1. Theo một số tác giả khác như Brown (2000), Cajkler & Addelman (2000), điều rất quan trọng đối với những đứa trẻ học được là phải “đắm mình” trong L2 vì như vậy có thể giúp chúng học và hiểu được ngôn ngữ mà chúng trải nghiệm. Có nhiều tình huống trong lớp học mà ngôn ngữ đích có thể được hiển thị cho người học mà không cần có sự xuất hiện của L1.

Phương pháp tiếp cận đa ngôn ngữ

Mặc dù Stern (1992) từng nói rằng L2 có thể được sử dụng hoàn toàn trong lớp học ngôn ngữ mà không cần dịch sang L1, theo ý kiến hiện tại của ông, việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất trong các lớp học ngoại ngữ cũng nên được xem xét lại. “Phương pháp tiếp cận đa ngôn ngữ” được áp dụng khi L1 được sử dụng trong quá trình học L2. Vì tối ưu hóa việc sử dụng ngôn ngữ

đích được coi là một nguyên tắc trong lớp học ngôn ngữ, L2 nên được sử dụng càng nhiều càng tốt trong lớp học ngôn ngữ nhưng không phải loại bỏ hoàn toàn ngôn ngữ thứ nhất của người học. Cook (2001a) đồng ý với Stern (1992) rằng mục đích của việc sử dụng L1 trong lớp ngôn ngữ là để giúp người học hiểu ngôn ngữ dễ dàng hơn. Hơn nữa, theo Cook (2001a và 2001b), ngôn ngữ thứ nhất chỉ có thể không xuất hiện trong lớp học khi cả người dạy và người học sở hữu ngôn ngữ thứ nhất không giống nhau.

Tranh luận về việc sử dụng tối ưu ngôn ngữ thứ hai

Có thể thấy rằng, để có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ thứ hai càng nhiều càng tốt, người học luôn ý thức tối đa việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai trong các lớp học ngoại ngữ. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tranh cãi để đưa ra quyết định tỷ lệ phù hợp như thế nào cho việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai trong lớp học. Tương tự, số lượng chính xác của việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai trong các lớp học để được xem là tối đa lại là một vấn đề đáng nghi ngờ vì rất ít nghiên cứu về điều này mặc dù có một số nhà nghiên cứu như Cajkler & Addelman (2000), Stern (1992) đã đưa ra yêu cầu một tỷ lệ tối đa của ngôn ngữ thứ hai trong các lớp ngôn ngữ.

Tóm lại, có hai quan điểm chính liên quan đến việc người học sử dụng ngôn ngữ nào trong lớp học ngoại ngữ. Đầu tiên người học phải được hỗ trợ sử dụng tối đa ngôn ngữ thứ hai mà không có ngôn ngữ thứ nhất. Đây được xem là thực tế khi người dạy và người học không có cùng tiếng mẹ đẻ. Thứ hai là hỗ trợ người học tối ưu hóa ngôn ngữ thứ hai với sự kết hợp của ngôn ngữ thứ nhất vì sự cần thiết của việc sử dụng ngôn ngữ thứ nhất trong các lớp học ngoại ngữ. Nghĩa là, sử dụng chuyển ngữ vẫn đáng được sử dụng trong lớp học ngoại ngữ. Tuy nhiên, việc sử dụng ngôn ngữ hai ở mức độ nào được coi là phù hợp và có thể chấp nhận được đối với người học vẫn còn đang gây nhiều tranh cãi cho các nhà nghiên cứu.

1.2.2 Ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh

Trong ngôn ngữ học, chuyển ngữ xảy ra khi hai hoặc nhiều ngôn ngữ được sử dụng xen kẽ nhau trong một cuộc hội thoại. Ở một lớp học ngôn ngữ như lớp học Nói tiếng Anh, hiện nay vẫn còn nhiều tranh cãi về việc có nên sử dụng chuyển ngữ hay không. Trong khi một số người thừa nhận rằng sử dụng chuyển ngữ thường có một vài nhược điểm, những người khác cho rằng chuyển ngữ mang lại nhiều lợi thế cho người sử dụng. Vì vậy, người học có thái độ vừa tích cực và tiêu cực đối với việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học ngôn ngữ việc sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học tiếng Anh (ESL/EFL) trên toàn thế giới (Abdolaziz & Shahla, 2015; Dar và cộng sự, 2014).

1.2.2.1 Ưu điểm

Nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra các quan điểm ủng hộ việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học tiếng Anh. Krashen (1982) cho rằng khi sử dụng chuyển ngữ trong lớp học song ngữ, người học có thể hiểu những gì giáo viên giảng dạy, vì vậy họ sẽ trở nên tự tin hơn khi thực hiện một bài tập hay một hoạt động giao tiếp trên lớp. Thật vậy, khi sử dụng chuyển ngữ, chúng ta có thể tạo ra một liên kết giữa ngôn ngữ đã biết (tiếng mẹ đẻ /ngôn ngữ thứ nhất) và ngôn ngữ thứ hai - ngôn ngữ chưa được biết, điều này có tác dụng tích cực đối với việc tiếp thu một ngoại ngữ. Nếu tiếp cận một ngôn ngữ mới mà dễ hiểu thì việc học sẽ dễ dàng thành công hơn, bởi vì nếu người học không thể hiểu những gì đã được đề cập, họ sẽ cảm thấy không thoải mái khi thực hiện một bài tập hoặc ghi nhớ bài học ở tại lớp (Krashen, 1982). Ngoài ra, chuyển ngữ không chỉ giúp người học tăng khả năng hiểu và áp dụng kiến thức đã học mà còn mang lại một môi trường học tập tích cực với sự giúp đỡ của bạn bè, giáo viên và là môi trường thân thiện với các mối quan hệ tốt giữa người dạy và người học (Moghadam, Samad, & Shahraki, 2012).

Đối với Sert (2005), chuyển ngữ có thể được sử dụng như một cách tự thể hiện và làm rõ ngôn ngữ với ý định của từng cá nhân, do vậy chuyển ngữ có ảnh hưởng tích cực và quan trọng đối với việc học ngoại ngữ bởi vì khi chúng ta sử dụng chuyển ngữ, chúng ta sẽ xây dựng một cầu nối giữa tiếng mẹ đẻ đã được biết với ngôn ngữ thứ hai chưa được biết.

Theo Metila (2009), chuyển ngữ giúp kích thích sự tham gia của người học bằng cách tạo ra bầu không khí học tập thoải mái cho phép người học thực hiện các bài tập tốt hơn. Abad (2005) đồng tình quan điểm của Metila khi khẳng định chuyển ngữ làm giảm sự căng thẳng và tạo mối quan hệ cũng như bầu không khí hòa đồng giữa người dạy và người học, vì vậy giúp người học có môi trường học dân chủ và hiệu quả hơn. Hơn nữa, Metila (2009) còn bổ sung rằng sử dụng chuyển ngữ trong lớp học song ngữ còn thực hiện chức năng giáo dục khi truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả bằng cách giải thích những vấn đề “hóc búa” bằng một cách dễ hiểu hơn cho người học. Như vậy, đồng tình với nghiên cứu Krashen (1982), Metila (2009) kết luận rằng ưu điểm của sử dụng chuyển ngữ là để giúp giải thích những khái niệm trừu tượng và các thuật ngữ khó hiểu một cách rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu hơn cho người học.

Tiếp nối các nghiên cứu trước đây về chuyển ngữ, Lee (2006) đã khẳng định trong nghiên cứu của mình rằng ngôn ngữ thứ nhất mà học sinh sử dụng bên ngoài lớp học cũng nên được phép sử dụng với các hoạt động thảo luận trong lớp học ngoại ngữ bởi vì sử dụng chuyển ngữ có thể giúp xóa bỏ những khoảng cách về văn hóa và xã hội trong quá trình thảo luận của người học. Như Bautista (1986) đã từng đưa ra quan điểm, sử dụng chuyển ngữ có thể biến lớp học từ một thế giới ngôn ngữ quá trang trọng thành một thế giới với ngôn ngữ thân mật, gần gũi, vì vậy góp phần cải thiện sự hợp tác của người học trong các hoạt động nhóm như đóng vai, trình bày, và thảo luận trong lớp học.

Nói tóm lại, sử dụng chuyển ngữ trong một lớp học song ngữ đem lại một số lợi ích cho người học khi cho phép họ giải thích các khái niệm phức tạp và xác định các thuật ngữ khó. Hơn nữa, chuyển ngữ còn cho phép người học dễ dàng tương tác với nhau trong lớp học và giúp họ hiểu nội dung bài học, các chủ đề được nêu cũng như các hướng dẫn và cấu trúc ngữ pháp của cả hai ngôn ngữ. Chuyển ngữ cũng giúp người học vượt qua sự khác biệt hay rào cản về khả năng giao tiếp khi chuyển đổi từ ngôn ngữ quá trang trọng thành ngôn ngữ thân mật làm cho người học có thể diễn đạt trôi chảy hơn trong phần diễn thuyết của mình trong lớp học. Cuối cùng, việc sử dụng chuyển ngữ có xu hướng cải thiện môi trường học tập trong lớp học song ngữ với mối quan hệ gần gũi giữa người dạy và người học hay giữa người học với nhau.

1.2.2.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm của sử dụng chuyển ngữ đã nêu ở trên, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra các quan điểm ngược lại. Việc sử dụng chuyển ngữ có ảnh hưởng đến vấn đề tập trung giao tiếp bằng ngoại ngữ trong các học song ngữ. Theo Krashen (1982), không nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học ngoại ngữ nhằm tập trung sử dụng duy nhất ngôn ngữ thứ hai. Ellis (2015) khẳng định rằng người học càng sử dụng ngoại ngữ nhiều thì càng học nhanh, có nghĩa là khi người học liên tục sử dụng ngôn ngữ thứ hai, họ sẽ có khả năng phản xạ và nói được ngôn ngữ đó nhanh hơn. Người học sẽ không mất thời gian chuyển nghĩa từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ thứ hai mỗi khi giao tiếp, vì vậy sẽ tiết kiệm thời gian tư duy.

Yataganbaba và Yildirim (2015) cũng cho rằng không nên thay thế ngôn ngữ mẹ đẻ bằng ngôn ngữ thứ hai trong khi tham gia lớp học ngoại ngữ, bởi vì mục đích của việc học ngoại ngữ nhằm đạt được kỹ năng giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ thứ hai. Theo các nhà nghiên cứu như Rukh, Javeed, & Mehmood (2014), sinh viên khoa tiếng Anh thường có thái độ phản đối việc sử dụng chuyển ngữ trong sinh viên các khoa khác không có ý kiến gì, điều đó có nghĩa

rằng sinh viên ngôn ngữ đã thấy được những hạn chế của sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học tiếng Anh.

Đối với Tsukamoto (2012), sinh viên thích học ở lớp đơn ngữ tiếng Anh để nâng cao chất lượng học tập và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh, vì vậy trong giờ học, người học chỉ nên chỉ sử dụng duy nhất tiếng Anh mà không dùng bất kỳ tiếng mẹ đẻ nào khác. Đồng tình với quan điểm này, một vài sinh viên tin rằng sử dụng chuyển ngữ không phải là một biện pháp hiệu quả để đạt được sự thành công trong việc học ngôn ngữ (Ling, Jin, Tong, Tarmizi, & Sahiddan, 2014).

Hơn thế nữa, trong nghiên cứu của Horasan (2014), một số giáo viên đưa ra ý kiến rằng chuyển ngữ chỉ nên được sử dụng khi trình độ của người học chỉ ở bậc sơ cấp hoặc tiền trung cấp, và nên hạn chế ở trình độ cao cấp. Trên thực tế, sinh viên dù có trình độ tiếng Anh ở bậc sơ cấp, họ cũng chỉ thích sử dụng tiếng Anh-ngôn ngữ thứ hai nhằm phát huy kỹ năng tiếng Anh của họ mà không bị tiếng mẹ đẻ can thiệp.

Ngoài ra, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tính năng động của việc sử dụng chuyển ngữ như một chiến lược học tập cũng tùy thuộc vào mức độ năng lực ngôn ngữ của người học. Ví dụ, sẽ rất hiệu quả đối với người mới bắt đầu học hoặc người học có trình độ ngoại ngữ thấp sử dụng chuyển ngữ như một chiến lược để học tập vì nó giúp họ nhanh chóng hiểu và dễ dàng tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, ngược lại, đây không phải là phương pháp học phù hợp và đúng đắn khi người học có trình độ ngoại ngữ ở bậc trung cấp và cao hơn, vì vậy sử dụng chuyển ngữ không được hầu hết các giảng viên và sinh viên ở các trường đại học chấp nhận hoặc đánh giá cao (Ling và cộng sự, 2014; Horasan, 2014).

Đánh giá về việc sử dụng chuyển ngữ ảnh hưởng đến năng lực ngoại ngữ của người học, Kaschula và Anthonissen (1995) tiết lộ rằng chuyển ngữ được coi là cách sử dụng ngôn ngữ kém, làm hỏng cả ngôn ngữ thứ nhất và có dấu hiệu cho thấy sự yếu kém về ngôn ngữ thứ hai do người học chưa có

khả năng quản lý tốt năng lực của từng ngôn ngữ, và dễ bị nhầm lẫn giữa hai ngôn ngữ.

Cuối cùng, với kết quả của nhiều nghiên cứu trái ngược nhau về vai trò của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học, Metila (2009) tuyên bố rằng nhiều sinh viên không được phép sử dụng chuyển ngữ trong lớp học ngoại ngữ. Vì vậy, việc sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học song ngữ có thể gồm nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng đến ý thức và kết quả tự học của sinh viên ở các trường đại học.

1.2.3 Các nghiên cứu trước đây

Như đã đề cập trong phần mở đầu về bối cảnh nghiên cứu, hiện tại đã có nhiều nghiên cứu về chuyển ngữ trong các lớp học EFL nói chung, tuy nhiên, rất ít nghiên cứu về sử dụng chuyển ngữ trong các hoạt động nói tiếng Anh nói riêng. Hầu hết các nghiên cứu trước đây về chuyển ngữ trong các lớp học song ngữ, trong đó tiếng Anh được xem là ngôn ngữ thứ hai như trong các nghiên cứu của Canagarajah (1995), Martin-Jones (1995), Merritt và cộng sự (1992) và tiếng Anh được xem là ngoại ngữ trong các nghiên cứu khác của Macaro (2014) và Söderberg & Jørgensen (2003).

Franklin và cộng sự (2018) đã thực hiện một nghiên cứu về ảnh hưởng và tần suất của sử dụng chuyển ngữ đến kết quả học tập của học sinh lớp 10 trong lớp học tiếng Anh ở Philippines, điều này cho thấy mối quan hệ tương đối đáng kể giữa tần suất sử dụng chuyển ngữ của người học với năng lực tiếng Anh đạt được.

Ngoài ra, Martin-Jones (1995) thực hiện một nghiên cứu định lượng trong lớp học song ngữ ở Hoa Kỳ khi đó đã diễn ra một cuộc tranh luận về giáo dục trong môi trường song ngữ. Martin-Jones (1995) đã khẳng định rằng nghiên cứu này đã mang lại một số kết quả liên quan đến việc sử dụng chuyển ngữ tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha trong lớp học ngôn ngữ. Trong giai đoạn tiếp theo, các nghiên cứu khác về chuyển ngữ trong lớp học tập trung vào việc

người học lựa chọn chuyển ngữ có thực sự gắn liền với các chức năng diễn ngôn hay không và bản chất của mối gắn kết này là gì.

Milk (1981) đã chứng tỏ rằng trong khi tiếng Tây Ban Nha được sử dụng với các chức năng xã hội trong lớp học, thì tiếng Anh, ngôn ngữ thứ hai được sử dụng dành cho các hoạt động giảng dạy. Thực vậy, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào cá nhân người tham gia hơn là cuộc thảo luận nhóm hoặc sự tương tác giữa người dạy và người học trong lớp học. Sau đó, giai đoạn cuối tập trung vào phân tích hội thoại có liên quan đến cách tiếp cận lĩnh vực dân tộc học nhằm phối hợp phân tích tình huống qua với các hoạt động dạy và học trong lớp học.

Một số nhà nghiên cứu tuyên bố rằng ngôn ngữ thứ nhất đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ, trong khi Macaro (2001) cho rằng ngôn ngữ thứ hai nên được sử dụng làm phương tiện giảng dạy. Ông tiếp tục khẳng định rằng không có nghiên cứu nào chỉ ra rằng việc loại bỏ sử dụng ngôn ngữ thứ nhất sẽ tăng cường khả năng học ngôn ngữ thứ hai. Trong khi Macaro tập trung vào chuyển ngữ trong quá trình giảng dạy của giáo viên, Söderberg và Jørgensen chỉ quan tâm chủ yếu vào việc sử dụng chuyển ngữ vào những người học. Theo Söderberg và Jørgensen (2003, tr.23), việc sử dụng chuyển ngữ gồm các thuật ngữ trong tài liệu rất đa dạng trong các tình huống khác nhau tùy thuộc vào người chuyển ngữ. Một số người cho rằng người học sử dụng chuyển ngữ là do họ thiếu từ vựng của ngôn ngữ thứ hai, trong khi một số người khác coi môi trường song ngữ chỉ dành cho những người sử dụng chuyển ngữ thành thạo và có năng lực.

Azlan và Narasumanb (2013) muốn tìm hiểu cách chuyển ngữ được sử dụng như một công cụ giao tiếp trong một lớp ESL tại một trường đại học ở Malaysia. Việc phân tích dữ liệu được thực hiện trên cơ sở khảo sát, quan sát và phỏng vấn. Kết quả đã chỉ ra rằng tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp chủ đạo trong khi chuyển ngữ được sử dụng để diễn đạt ý tưởng trong các tình huống cụ thể và để tăng cường sự gắn kết trong tiếng mẹ đẻ. Ba loại chuyển ngữ

chính bao gồm chuyển phụ cú, chuyển liên câu và chuyển ngang câu được coi là một công cụ giao tiếp chính trong sự tương tác giữa các học sinh và giữa học sinh và giáo viên trong các lớp học ngoại ngữ.

Nghiên cứu của Fitriyani vào năm 2013 theo hướng định tính mô tả, được xây dựng để điều tra các loại chuyển ngữ, chức năng của chuyển ngữ cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng chuyển ngữ của người học. Các phát hiện cụ thể cho thấy rằng loại chuyển ngữ được sử dụng nhiều nhất chuyển ngang câu 53,42%, tiếp theo là chuyển liên câu với 46,58%. Kết quả cũng chỉ ra rằng chức năng phổ biến nhất của chuyển ngữ là chức năng nhấn mạnh thông điệp chiếm 32,05%. Ngoài ra, chức năng lặp lại để làm rõ chiếm tỷ lệ cao nhất (34,25%) được coi là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ của người học. Nói tóm lại, việc lặp lại để làm rõ ý nghĩa của các từ, thuật ngữ hay cụm từ nhằm tránh sự hiểu lầm và tạo thêm điểm nhấn được xem là yếu tố quan trọng dẫn đến việc sử dụng chuyển ngữ của người học.

Cùng với các nghiên cứu trên thế giới, một số nghiên cứu về chuyển ngữ trong lớp học đã được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam. Nguyen (2013) đã nghiên cứu về việc sử dụng chuyển ngữ của 12 giảng viên tiếng Anh của một trường đại học ở Việt Nam. Trong nghiên cứu của mình, cô điều tra hành vi chuyển ngữ của các giảng viên trong lớp học tiếng Anh (EFL) từ bốn nguồn thông tin chính khác nhau bao gồm quan sát lớp học, ghi âm lớp học, phỏng vấn các giảng viên và ghi chép. Nghiên cứu cho thấy rằng các giảng viên sử dụng chuyển ngữ khá phổ biến trong khi giảng dạy tiếng Anh, vì họ thích truyền đạt bằng tiếng mẹ đẻ và giữ tình cảm thân thiện giữa người dạy và người học. Một nghiên cứu khác của Nguyen, Grainger và Carey (2016) về “*chuyển ngữ trong giảng dạy tiếng Anh: Đài Tiếng nói Việt Nam*” báo cáo rằng chuyển ngữ Anh-Việt không hạn chế đối với việc tiếp thu ngôn ngữ tiếng Anh; ngược lại, có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học tiếng Anh phổ thông ở Việt Nam. Việc sử dụng chuyển ngữ không chỉ là do người nói

thiếu năng lực ngôn ngữ để duy trì một cuộc trò chuyện bằng tiếng Anh; thay vào đó, nhằm đảm bảo một số chức năng dạy học như giải thích từ mới và các quy tắc ngữ pháp, đưa ra phản hồi, hay bình luận, so sánh giữa tiếng Anh và tiếng Việt, thiết lập mối quan hệ tốt đẹp giữa giáo viên và học sinh, tạo không khí lớp học thân thiện và hỗ trợ sự năng động của nhóm.

Ngoài ra, còn có nhiều nghiên cứu khác về chuyển ngữ Anh Việt, ví dụ, Thai (2005) đã tiến hành nghiên cứu chuyển ngữ trong cộng đồng Việt nam tại Úc và thảo luận rằng chuyển ngữ là một phương tiện để xác định sự giống nhau trong ngôn ngữ. Nghiên cứu của Cao (2016) về việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên trong các lớp học tiếng Anh chuyên ngành dành cho nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại Trường Cao đẳng Nghề du lịch Huế đã cho thấy tầm quan trọng cũng như tần suất sử dụng chuyển ngữ Anh-Việt trong các lớp học nói tiếng Anh khi cả giáo viên và sinh viên đều không phải là người bản ngữ; hơn nữa, sử dụng chuyển ngữ có thể giúp sinh viên dễ dàng hiểu một số khái niệm hay các món ăn, văn hóa của các quốc gia khác nhau.

Theo Nguyen và Phan (2019), nghiên cứu việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên ngành công nghệ thông tin trong giờ học nói tiếng Anh tại Đại học Phú Xuân Huế cũng đã được thực hiện nhằm tìm hiểu những lý do và những loại chuyển ngữ nào được sử dụng trong lớp tiếng chuyên ngành công nghệ thông tin tại một cơ sở đại học tại thành phố Huế. Qua đó, có thể thấy được đa số sinh viên CNTT nhận thức được lợi ích của việc sử dụng chuyển ngữ, vì thế họ thường xuyên sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học nghề để giải thích các một vài thuật ngữ chuyên ngành CNTT, hay nói về các chủ đề đặc biệt, nhấn mạnh, dùng câu cảm thán, lặp lại từ/cụm từ để làm rõ nghĩa chúng. Từ các kết quả nghiên cứu, có thể thấy sử dụng chuyển ngữ có thể giúp người học giao tiếp tiếng Anh tốt hơn. Ngoài ra, một nghiên cứu khác của Tran và Phan (2018) tập trung vào việc tìm hiểu sự hiểu biết và thái độ của sinh viên đối với sự chuyển ngữ trong ngành biên phiên dịch, cách sử dụng chuyển ngữ,

những thuận lợi cũng như bất lợi của sinh viên ngành biên phiên dịch khi sử dụng chuyển ngữ trong biên phiên dịch.

Tuy các nghiên cứu trước đây đã đi sâu tìm hiểu bối cảnh sử dụng chuyển ngữ, các loại chuyển ngữ được sử dụng (ở cấp độ trong một mệnh đề hay một câu; cấp độ giữa nhiều câu trong lời nói), những lợi ích và thách thức của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học tiếng Anh, vẫn chưa có nghiên cứu nào về hiện tượng chuyển ngữ xảy ra trong các giờ luyện kỹ năng nói của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh. Do vậy, nghiên cứu này rất thiết thực và có ý nghĩa thực tiễn trong môi trường học tiếng Anh tại Việt Nam nói chung và Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nói riêng.

Với ý nghĩa đó, nghiên cứu này cần khai thác toàn diện thông tin mới về chuyển ngữ của sinh viên trong hoạt động nói dưới góc độ nhận thức của họ về khái niệm chuyển ngữ, tần suất sử dụng chuyển ngữ, và các loại chuyển ngữ nào được sử dụng nhiều hơn các loại khác, những ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ trong các hoạt động Nói, và so sánh việc sử dụng chuyển ngữ của các sinh viên năm thứ nhất và thứ hai khác nhau như thế nào, vv.

1.2.4 Tóm tắt chương 1

Trong chương 1 này, chúng tôi đã trình bày hai vấn đề chính: Thứ nhất, các khái niệm về chuyển ngữ, sự phân biệt chuyển ngữ và trộn ngữ, sự phân loại chuyển ngữ chủ yếu dựa trên lĩnh vực ngôn ngữ học; tương tự, các chức năng của chuyển ngữ cũng được giới thiệu và mô tả. Thứ hai, vấn đề chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh được phân tích dựa trên các nghiên cứu về sự chuyển đổi giữa ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ) và ngôn ngữ thứ hai, những ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ. Mặc dù hiện nay vẫn còn nhiều tranh cãi về việc nên sử dụng hay không chuyển ngữ trong các lớp học song ngữ hay đa ngôn ngữ do những hạn chế nhất định đối với sự đánh giá và nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, không thể phủ nhận những ảnh hưởng tích

cực của chuyển ngữ trong việc tạo cho người học sự tự tin trong giao tiếp khi giải thích những thuật ngữ khó, đồng thời góp phần xây dựng một môi trường học tập thân thiện gần gũi và thoải mái cho người học. Sau đó, tìm hiểu những nghiên cứu trước đây ở trong và ngoài nước về sử dụng chuyển ngữ trong lớp học ngoại ngữ

để một lần nữa khẳng định đề tài này dựa trên những cơ sở lý luận vững chắc để nghiên cứu các vấn đề đã và đang được quan tâm, và cần bổ sung những khía cạnh chưa được khai thác hoàn toàn.

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chương này trình bày phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong quá trình thu thập dữ liệu khoa học cho đề tài nghiên cứu. Nội dung chủ yếu tập trung vào việc cung cấp thông tin về đối tượng, phạm vi và khách thể nghiên cứu, đồng thời lý giải việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu và công cụ thu thập dữ liệu.

2.1 Đối tượng, phạm vi và khách thể nghiên cứu

2.1.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài này tập trung nghiên cứu hiện tượng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh và thực trạng sử dụng chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh. Phạm vi nghiên cứu của đề tài được thực hiện tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Vì vậy, việc thu thập số liệu cũng chỉ được thực hiện tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

2.1.2 Khách thể nghiên cứu

Khách thể tham gia vào nghiên cứu bao gồm 174 sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh chia làm hai nhóm chính: (1) 78 sinh viên năm thứ nhất và (2) 96 sinh viên năm thứ hai từ Khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Thông tin về khách thể tham gia nghiên cứu được tóm tắt trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Thông tin chung về khách thể nghiên cứu

Khách thể	Tổng số	Nam	Nữ	Địa điểm đến từ		
				Tp Huế	Vùng lân cận của Tp Huế	Các tỉnh khác ở VN
SV năm 1	78	10	68	37	15	26
SV năm 2	96	4	92	22	18	56

Bảng 1 cho thấy nhóm 1 bao gồm 78 sinh viên năm thứ nhất từ Khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Những sinh viên ở nhóm 1 này lần đầu tiên theo học học phần Thực hành tiếng Nói 1 (mã học phần ANH4022) tại trường ĐHNN, ĐHH. Theo khảo sát ban đầu ở Bảng 2 dưới đây về thời gian học tiếng Anh của nhóm sinh viên năm thứ nhất này, có thể thấy rằng số lượng sinh viên đã học tiếng Anh trong thời gian từ 6-9 năm là cao nhất (34/78 em), con số này cũng gần bằng số lượng SV học tiếng Anh trên 9 năm (31/78), chỉ có 5 SV học tiếng Anh từ 1-2 năm và 8 SV học từ 3-5 năm. Như vậy, có thể thấy rằng đa số sinh viên đã được học tiếng Anh một thời gian khá lâu. Tuy nhiên, đây là học kỳ đầu tiên các sinh viên này tiếp cận với học phần Thực hành tiếng Nói 1 nên các em vẫn còn nhiều lúng túng và bối ngỡ khi thực hành kỹ năng Nói tại lớp.

Bảng 2. Thông tin về thời gian học tiếng Anh của khách thể

Khách thể	Tổng số	Thời gian học tiếng Anh của SV			
		1-2 năm	3-5 năm	6-9 năm	Trên 9 năm
SV năm 1	78	5	8	34	31
SV năm 2	96	3	10	49	34

Trong khi đó, nhóm 2 gồm 96 sinh viên năm thứ 2 cũng đến từ Khoa tiếng Anh ĐHNN, ĐHH. Những sinh viên này đã học xong các học phần Thực hành tiếng gồm Nói 1, Nói 2 (mã học phần ANH4022, ANH 4062) và đang theo học học phần Nói 3 (mã học phần ANH4102). Tương tự giống nhóm 1 của nhóm SV năm thứ nhất, nhóm SV năm thứ hai này có số lượng lớn nhất sinh viên học tiếng Anh trong thời gian từ 6-9 năm (49/96 SV) và 34/96 SV đã học tiếng Anh trên 9 năm. Thấp nhất vẫn là số SV học được 1-2 năm: chỉ có 3/96 SV học tiếng Anh 1-2 năm, 10/96 SV học từ 3-5 năm. Như vậy, đa số SV năm thứ hai cũng đã học tiếng Anh trong thời gian nhiều năm ở trường

PTCS và PTTT. Tuy nhiên, đây là học kỳ thứ 3 đối với sinh viên tham gia các học phần Thực hành tiếng Nghe-Nói-Đọc-Viết 3, trong đó Thực hành Nói 3 vẫn còn nhiều trở ngại đối với một số SV ít cơ hội giao tiếp bằng tiếng Anh trong thực tế.

Trong số 174 SV năm thứ nhất và năm thứ hai này, chúng tôi đã chọn ngẫu nhiên 10 sinh viên nhóm 1- năm 1 và 10 SV nhóm 2 - năm 2 tham gia phỏng vấn. Ngoài ra chúng tôi còn tham gia dự giờ 20 tiết học của 2 lớp thực hành Nói 1 và 20 tiết học của 2 lớp Thực hành Nói 3.

2.2 Phương pháp tiếp cận và công cụ thu thập dữ liệu

2.2.1 Phương pháp tiếp cận

Đề tài nghiên cứu này kết hợp cả hai phương pháp định lượng và định tính để thu thập số liệu nhằm trả lời các vấn đề nghiên cứu đặt ra. Phương pháp tiếp cận định lượng được lựa chọn nhằm khảo sát hiện tượng chuyển ngữ được sử dụng bởi số lượng sinh viên ở các lớp học tiếng Anh chuyên ngữ, tần suất sử dụng chuyển ngữ (bao nhiêu lần/tiết học) của các nhóm SV năm 1 và SV năm 2 để so sánh việc sử dụng chuyển ngữ của của các nhóm SV giống và khác nhau như thế nào, từ đó xác định những ảnh hưởng tích cực (ưu điểm) và các hạn chế của sử dụng chuyển ngữ đối với quá trình rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên.

Phương pháp tiếp cận định tính, cụ thể là dự giờ ghi âm lớp học được tiến hành nhằm phân tích lời thoại của các sinh viên trong lớp học để thấy được rõ ràng hơn thực trạng sử dụng chuyển ngữ trong các hoạt động nói tiếng Anh tại lớp, cũng như những ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ. Ngoài ra, phỏng vấn 20 sinh viên đại diện của hai nhóm năm 1 và năm 2 cũng được thực tiến hành nhằm lấy ý kiến sâu hơn của sinh viên ngoài những câu hỏi khảo sát đã điều tra đối với việc sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh.

2.2.2 Công cụ thu thập dữ liệu

Bảng hỏi

Bảng câu hỏi được dùng để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm chuyển ngữ và thực trạng sử dụng chuyển ngữ cũng như các vấn đề liên quan khác. Đây là một công cụ đo lường hữu ích để thu thập dữ liệu định lượng có hiệu quả cả về kinh tế và thời gian (Brown, 1988). Theo Hopkins (2002, tr. 118), ưu điểm chính của bảng câu hỏi trong nghiên cứu là thu được các câu trả lời định lượng cho các câu hỏi xác định trước một cách cụ thể, những câu hỏi này thường dễ quản lý, nhanh chóng hoàn thành và dễ theo dõi. Vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi đã thiết kế bảng câu hỏi nhằm phục vụ mục đích lấy dữ liệu với số lượng lớn.

Bảng câu hỏi khảo sát này gồm hai phần chính: (1) Thông tin cá nhân (gồm 4 câu hỏi) và (2) thông tin khảo sát gồm 10 nhóm câu hỏi với 53 lựa chọn theo thang điểm Likert 5 điểm. Bốn câu hỏi đầu tiên được thiết kế để hỏi thông tin cơ bản của sinh viên về giới tính, thời gian học tiếng Anh và địa điểm nơi sinh viên đến như thành phố Huế, vùng ngoại ô hay các tỉnh khác để nhà nghiên cứu có thể có nhận định chung về năng lực tiếng Anh cũng như điều kiện học tiếng Anh của sinh viên ở các vùng miền khác nhau.

Mười nhóm câu hỏi thứ hai gồm 53 lựa chọn nhằm khảo sát sự hiểu biết của SV về khái niệm chuyển ngữ (câu hỏi 1), sự phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn (câu hỏi 2), lý do sử dụng chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh (câu hỏi 3), tần suất sử dụng chuyển ngữ (câu hỏi 4), giai đoạn sử dụng chuyển ngữ trong lớp học (câu hỏi 5), các loại chuyển ngữ đã được sử dụng (câu hỏi 6), nhận thức về những ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh (câu hỏi 7,8,9) cũng như các đề xuất của SV đối việc sử dụng chuyển ngữ nhằm cải thiện việc học kỹ năng Nói tiếng Anh (câu hỏi 10) (xem Phụ lục 1).

Quan sát thu mẫu

Theo Richards & Lockhart (1994), quan sát trong lớp học, thường được gọi là “một cách thu thập thông tin về giảng dạy và học tập”, đây cũng là một phương pháp định lượng để đo lường các hành vi trong lớp học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành hành dự giờ quan sát 20 tiết học cho 2 lớp Thực hành Nói 1 và 20 tiết học cho 2 lớp Thực hành Nói 3 trong học kỳ 1 năm học 2020-2021 tại trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Qua quan sát lớp học, chúng tôi đã thu âm các hoạt động Nói của sinh viên bằng cả hai thiết bị ghi âm gồm 1 máy thu âm và 1 điện thoại để thu thập dữ liệu và đảm bảo số liệu đầy đủ và chính xác nhất cho nghiên cứu.

Phỏng vấn

Với phương pháp tiếp cận định tính, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sau khi điều tra khảo sát bằng bảng hỏi nhằm lấy thêm chi tiết và làm rõ các câu hỏi trong bảng khảo sát. Chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn ngẫu nhiên 10 sinh viên nhóm 1- năm thứ nhất và 10 sinh viên nhóm 2 – năm thứ hai trong thời gian từ tháng 11-12 năm 2020 vào học kỳ 1 của năm học 2020-2021.

Sự kết hợp của các thước đo định lượng và định tính của các phương pháp tiếp cận đã giúp nhóm nghiên cứu xác định rõ hơn sự hiểu biết của sinh viên về chuyển ngữ cũng như đảm bảo tính khách quan và chính xác của nghiên cứu. Thật vậy, các câu hỏi trong cuộc phỏng vấn sau (xem Phụ lục 2) đã cung cấp cho nhà nghiên cứu cái nhìn sâu sắc hơn về những lý do khác nhau của sinh viên khi sử dụng chuyển ngữ, những đánh giá mang tính khách quan và chủ quan về ưu khuyết điểm của việc họ sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện nói tiếng Anh cũng như các kiến nghị cụ thể và chi tiết hơn về việc sử dụng chuyển ngữ nhằm cải thiện chất lượng học kỹ năng Nói tiếng Anh cho người học.

2.3 Quá trình thu thập dữ liệu

Việc thu thập dữ liệu cho nghiên cứu này được tiến hành dưới các hình thức khác nhau vào các thời điểm khác nhau tùy theo các công cụ khảo sát.

Cụ thể, bảng câu hỏi điều tra được phân phát và thu trực tiếp từ các thành viên tham gia trong thời gian khoảng 45 phút cho mỗi nhóm và kéo dài 2 tuần vào cuối tháng 10 năm 2020 cho tất cả các nhóm (gồm hơn 78 sinh viên năm thứ nhất trong 2 lớp học và 96 sinh viên năm thứ 2 trong 3 lớp học).

Ngoài ra, quan sát dự giờ lớp học được ghi lại bằng các thiết bị ghi âm trong tổng số 20 tiết cho nhóm SV năm 1 và 20 tiết cho nhóm SV năm 2, cụ thể mỗi tiết học kéo dài 50 phút trong thời gian 10 tuần (từ cuối tháng 8 đến giữa tháng 11 năm 2020) cho mỗi lớp với tổng cộng 2 lớp học của nhóm sinh viên năm thứ nhất và 2 lớp học của nhóm sinh viên năm thứ hai.

Hơn nữa, các cuộc phỏng vấn sau cũng được thực hiện trực tiếp giữa đại diện nhóm nghiên cứu và người tham gia phỏng vấn. Nội dung liên quan đến dữ liệu được ghi âm lại bằng thiết bị máy ghi âm và điện thoại với sự cho phép của người tham gia phỏng vấn.

Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 10 sinh viên năm thứ nhất và 10 sinh viên năm thứ hai trong thời gian khoảng 10 phút cho mỗi cuộc phỏng vấn. Phỏng vấn này được tiến hành sau khi nhóm nghiên cứu nhận được bảng câu hỏi khảo sát trong thời gian khoảng 1 tháng vào tháng 11 năm 2020.

2.4 Quy trình xử lý và phân tích số liệu

Bộ dữ liệu định lượng thu thập được từ bảng hỏi sẽ được thống kê và trình bày trong bảng biểu để phân tích với hệ thống phần mềm SPSS dành cho các câu hỏi khảo sát theo thang điểm Likert 5 điểm như sau: 1-Phản đối kịch liệt, 2- Phản đối, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5- Hoàn toàn đồng ý. Thống kê mô tả sử dụng Trung bình (M) và Độ lệch chuẩn (SD) được sử dụng để phân tích dữ liệu.

Dữ liệu định tính được chia thành 2 bộ: 1 bộ dữ liệu gồm các tệp ghi âm các buổi dự giờ quan sát lớp học và 1 bộ dữ liệu gồm các tệp ghi âm cho các cuộc phỏng vấn.

Cả hai bộ dữ liệu này đã được nghe lại và chuyển sang dạng văn bản viết, được lược bỏ các nội dung không liên quan như các âm thanh nền, các

gián đoạn trong cuộc đối thoại do bên thứ ba can thiệp vào. Nội dung các văn bản viết ghi lại từ 2 bộ dữ liệu đã được tóm tắt và trình bày dưới dạng trích dẫn và được dán nhãn hay ký hiệu từng cuộc phỏng vấn, ví dụ file ghi âm phỏng vấn sinh viên năm thứ nhất được ký hiệu thành: [S1.Int.01], [S1.Int.02], vv., tương tự, phỏng vấn sinh viên năm thứ hai được dán nhãn: [S2.Int.01], [S2.Int.02], vv. Những dữ liệu này giúp nhóm nghiên cứu có thể sử dụng khi cần thiết nhằm làm rõ những vấn đề chưa được nêu trong bảng câu hỏi điều tra và quan sát dự giờ tại lớp học.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Chương này trình bày kết quả phân tích các bộ dữ liệu thu được từ bảng hỏi, quan sát dự giờ lớp học và phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu và thảo luận được trình bày thành 3 nội dung chính, theo 3 mục tiêu cụ thể để trả lời cho 3 câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra trong Phần Mở đầu của báo cáo.

3.1 Nhận thức về chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh

Bảng 3 dưới đây cung cấp các thống kê mô tả chung thông qua cuộc điều tra khảo sát về sự hiểu biết về khái niệm chuyển ngữ và những vấn đề khác liên quan đến việc sử dụng chuyển ngữ của 174 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai trong các nhóm đang theo học Thực Hành tiếng Nói 1 và Nói 3 ngành tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế trong học kỳ I của năm học 2020-2021.

Bảng 3. Thống kê mô tả toàn bộ khảo sát

Câu hỏi (Q)	Tổng số	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Q1a	174	1.00	5.00	3.4828	.78072
Q1b	174	1.00	5.00	3.2529	.85637
Q1c	174	1.00	5.00	3.5632	.89573
Q1d	174	1.00	5.00	3.5287	.98355
Q2a	174	1.00	5.00	2.3678	1.17404
Q2b	174	1.00	5.00	2.7471	1.17506
Q2c	174	1.00	5.00	2.7414	1.18117
Q2d	174	1.00	5.00	2.5000	1.20091
Q2e	174	1.00	5.00	2.6092	1.20554
Q2f	174	1.00	5.00	3.5230	1.12617
Q3a	174	1.00	5.00	3.5575	1.06148
Q3b	174	1.00	5.00	3.2931	1.12782

Q3c	174	1.00	5.00	3.1207	1.04374
Q3d	174	1.00	5.00	2.8851	1.04716
Q3e	174	1.00	5.00	3.6322	.91380
Q3f	174	1.00	5.00	3.1379	1.06084
Q4a	174	1.00	5.00	2.5230	1.12102
Q4b	174	1.00	5.00	2.8793	.98093
Q4c	174	1.00	5.00	3.2701	.92588
Q4d	174	1.00	5.00	2.9310	1.07835
Q4e	174	1.00	5.00	2.7299	1.30429
Q5a	174	1.00	5.00	3.3908	.95392
Q5b	174	1.00	5.00	3.2356	1.07343
Q5c	174	1.00	5.00	3.1092	1.07769
Q6a	174	1.00	5.00	2.8506	.89995
Q6b	174	1.00	5.00	3.0172	.97645
Q6c	174	1.00	5.00	3.0460	1.05795
Q7a	174	1.00	5.00	3.8851	.82484
Q7b	174	1.00	5.00	3.6782	1.03124
Q7c	174	1.00	5.00	3.7126	.89194
Q7d	174	1.00	5.00	3.6724	.86127
Q7e	174	1.00	5.00	3.6149	.87085
Q7f	174	1.00	5.00	3.4598	.99484
Q7g	174	1.00	5.00	3.5575	.91527
Q7h	174	1.00	5.00	3.5690	1.02193
Q8a	174	1.00	5.00	2.7011	1.01566
Q8b	174	1.00	5.00	2.8678	1.08580
Q8c	174	1.00	5.00	3.6034	.86565
Q8d	174	1.00	5.00	2.8563	1.05734
Q8e	174	1.00	5.00	3.1667	1.08102

Q8f	174	1.00	5.00	3.4310	1.01056
Q9a	174	1.00	5.00	3.3333	.99904
Q9b	174	1.00	5.00	3.5460	.90321
Q9c	174	1.00	5.00	3.7126	.89840
Q9d	174	1.00	5.00	3.3448	1.00090
Q9e	174	1.00	5.00	3.4540	.88380
Q9f	174	1.00	5.00	3.5575	.94019
Q10a	174	1.00	5.00	3.3966	1.00184
Q10b	174	1.00	5.00	3.3736	.81432
Q10c	173	1.00	5.00	3.4104	.92718
Q10d	174	1.00	5.00	3.6092	.91052
Q10e	174	1.00	5.00	3.3448	.92901
Q10f	174	1.00	5.00	3.3736	1.11924

Từ dữ liệu trong Bảng 3, chúng tôi thấy rằng hầu hết sinh viên tham gia khảo sát hoàn toàn đồng ý với tất cả 53 câu hỏi nằm trong 10 nhóm câu hỏi chính (từ 1a đến 10f) do 43 câu hỏi nhận được giá trị trung bình từ 3.0-3.8, chỉ có 10 câu hỏi có giá trị Trung bình từ 2.3 đến 2.8. Hơn nữa, độ lệch chuẩn khá thấp với phạm vi từ 0.78 đến 1.11. Điều đó có nghĩa là không có sự khác biệt đáng kể giữa các câu trả lời, tức là tất cả những người được khảo sát đều đưa ra câu trả lời đáng tin cậy cho các câu hỏi.

Để tìm hiểu nhận thức của sinh viên đối với câu hỏi nghiên cứu "Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh hiểu như thế nào về hiện tượng chuyển ngữ trong hoạt động nói?" Câu hỏi 1 được thiết kế để kiểm tra khả năng hiểu của sinh viên về việc sử dụng chuyển ngữ trong lớp học tiếng Anh. Câu hỏi khảo sát theo thang điểm Likert 5 điểm như sau: 1-Phản đối kịch liệt, 2- Phản đối, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5- Hoàn toàn đồng ý. Kết quả cho thấy nhiều sinh viên đã chọn định nghĩa chuyển ngữ là sự thay đổi cách sử dụng hai ngôn ngữ (thậm chí nhiều hơn hai ngôn ngữ) trong cùng một cùng một hội thoại trong

phạm vi từ, mệnh đề hoặc câu (51,7%) hay chuyển ngữ - một thuật ngữ chung dùng để thay thế hai hoặc nhiều ngôn ngữ, thậm chí cả phong cách nói (51,1%). Dữ liệu thu thập được từ các bảng câu hỏi được chứng minh trong Bảng 4 cho thấy rằng đa số sinh viên hiểu rõ khái niệm chuyển ngữ.

Bảng 4. Nhận thức về chuyển ngữ của SV trong giờ luyện Nói tiếng Anh

Câu hỏi 1. Nhận thức của sinh viên về khái niệm chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh như thế nào?	1	2	3	4	5
Định nghĩa	Tỉ lệ phần trăm (%)				
1a. Chuyển ngữ là sự thay đổi cách sử dụng hai ngôn ngữ (thậm chí hơn hai ngôn ngữ) trong cùng một hội thoại trong phạm vi từ, mệnh đề hay câu (Grosjean, 1982).	0,6	11,5	31,6	51,7	4,6
1b. Chuyển ngữ là một tập hợp các quy ước để chuyển đổi một hệ thống tín hiệu này thành một hệ thống khác trong ngôn ngữ (Crystal, 2003)	3,4	12,6	43,1	36,9	4,0
1c. Chuyển ngữ được định nghĩa là các hình thức ngôn ngữ nói được dùng trong quá trình học tập nhằm giới thiệu, khái quát và củng cố các mối quan hệ đặc biệt với môi trường và do đó tạo ra các hình thức mang ý nghĩa cụ thể (Bernstein, 1971)	2,9	8,0	29,9	48,3	10,9
1d. Chuyển ngữ là một thuật ngữ phổ biến được sử dụng để thay thế hai hoặc nhiều ngôn ngữ, nhiều loại ngôn ngữ hoặc thậm chí thay thế cách diễn đạt (Hymes, 1974)	4,6	10,0	22,4	51,1	10,9

Bên cạnh đó, trong quá trình dự giờ quan sát lớp học, chúng tôi đã nhận thấy phần lớn sinh viên cũng nhận thức được khái niệm chuyển ngữ nghĩa là sử dụng cả tiếng Anh và tiếng Việt trong lớp nói tiếng Anh để giải thích hoặc làm rõ một số từ, cụm từ trong câu nói của mình, ví dụ các trích đoạn trong hội thoại tại các giờ Nói tiếng Anh ở lớp:

“*Now we have to talk about some organizations in the world, tổ chức gì nhỉ?*”,
 “*Hầu hết tất cả mọi người là most of people, đi du lịch, go to travel or study*”,
Nơi ở, là accommodation. Trước tiên mình nói về study ở đâu, school nào, future job là cái gì?”

Khi đưa ra câu hỏi khảo sát sinh viên có thể phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn hay không, chúng tôi đã nhận được kết quả như sau:

Bảng 5. Phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn của SV năm 1 và năm 2

(1-Phản đối kịch liệt, 2-Phản đối, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5-Hoàn toàn đồng ý)

Q2	Những ví dụ nào sau đây đã sử dụng chuyển ngữ?	1	2	3	4	5
		Tỉ lệ phần trăm (%)				
2a	Could you open the book, <i>làm ơn!</i>	5,4	9,6	14,9	44,2	25,9
2b	I'm going to Hanoi tomorrow, <i>ái dà</i> (chỉ sự mệt mỏi)	4,6	26,4	24,2	27,6	17,2
2c	- Could you please show me the way to the railway station? - Are you Vietnamese?	6,8	14,8	21,5	32,8	24,1

	- Yes. <i>Đúng rồi</i> . Thật vui khi gặp được một người Việt ở đây					
2d	- Hi, <i>mọi người</i> . I am a new student here (in an English club)	3,4	15,5	18,3	38,5	19,0
2e	- Why were you absent from school yesterday, Mai? - I have been to a beauty's salon. I have just <i>xỏ lỗ tai</i> (ear piercing)...	4,4	17,9	18,3	36,8	22,4
2f	- What are some specialties in your hometown, Hong? - There is a variety of foods like <i>bún bò</i> (beef noodle), <i>chè</i> (sweet soup), <i>xôi</i> (<i>sticky rice</i>), and so on.	21,2	23,1	26,2	13,2	16,3

Như vậy, có thể thấy rằng tỉ lệ sinh viên phân biệt được từ vay mượn tiếng Việt khi giao tiếp bằng tiếng Anh cũng khá cao. 44,2% sinh viên đã đồng ý và 25,9 % hoàn toàn đồng ý với từ “làm ơn” là chuyên ngữ, đây là loại chuyên phụ cú. Những cụm từ khác như “ái dà”, “đúng rồi”, “xỏ lỗ tai” được sử dụng trong hội thoại tiếng Anh nhằm để thể hiện cảm xúc, sự đồng tình hay diễn tả một thuật ngữ khó không thể tìm được từ tương đồng bằng tiếng Anh

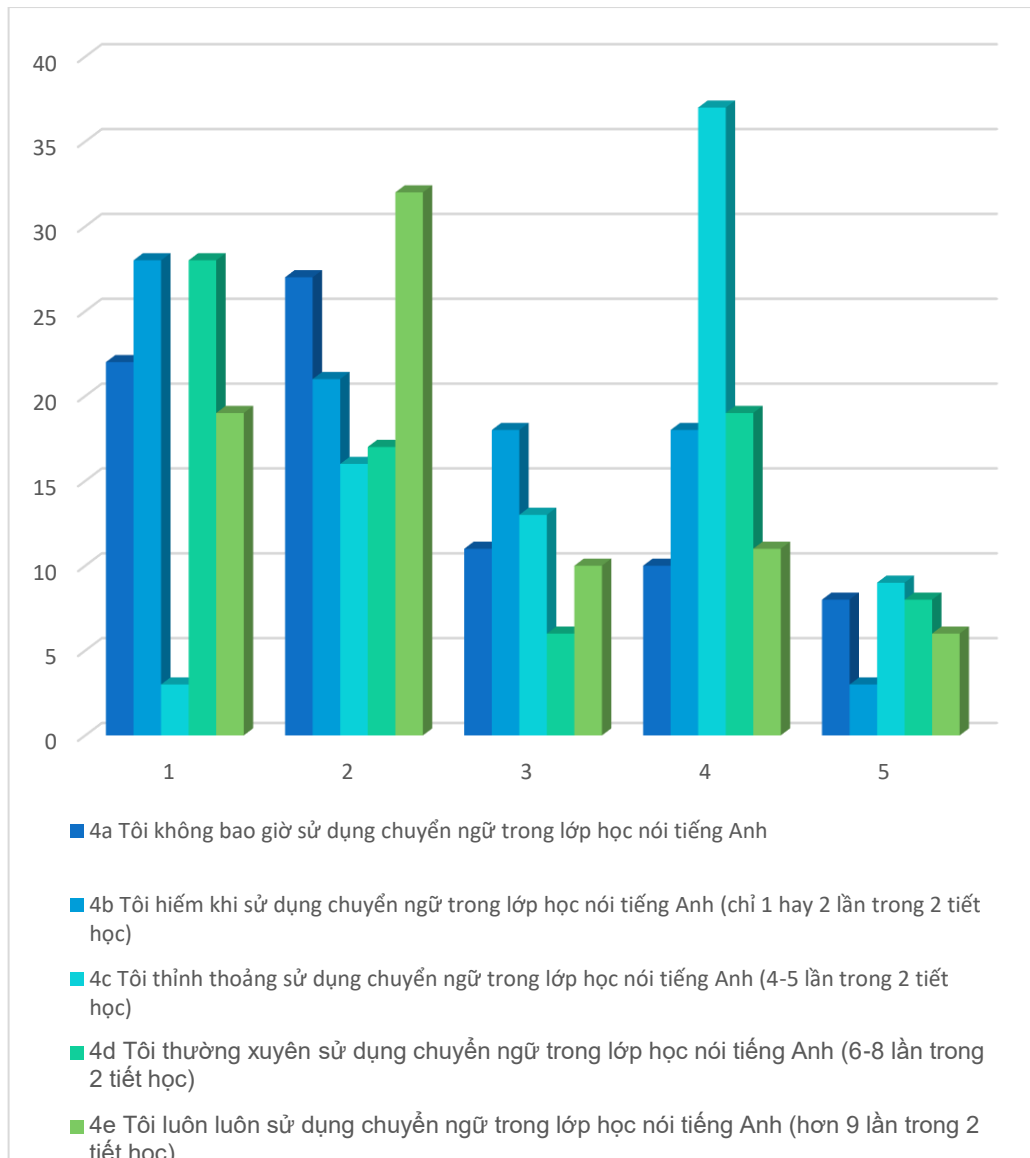
ngay trong cuộc hội thoại được nhiều sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến rằng đó là chuyển ngữ chứ không phải là từ vay mượn.

Tuy nhiên, khi giới thiệu các món ăn đặc sản ở Việt Nam, những từ vay mượn được sử dụng như sau: *bún bò* (beef noodle), *chè* (sweet soup), *xôi* (*sticky rice*). Ví dụ này cũng được đa số sinh viên (23,1 %) phản đối và phản đối kịch liệt (21,2%) khi cho rằng đó là chuyển ngữ, có nghĩa họ khẳng định chúng là những từ vay mượn từ tiếng Việt. Tuy nhiên, khái niệm từ vay mượn đôi khi cũng dễ bị nhầm lẫn với chuyển ngữ vì chức năng của chuyển ngữ để giải thích các khái niệm khó tìm từ tương đương bằng ngôn ngữ đích. Vì vậy, tỉ lệ sinh viên không xác định đó là chuyển ngữ hay từ vay mượn (26,2 %) cũng như đồng ý hay hoàn toàn đồng ý (13,2% +16,3%= 28,5%) là chuyển ngữ gần như bằng nhau.

3.2 Sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh

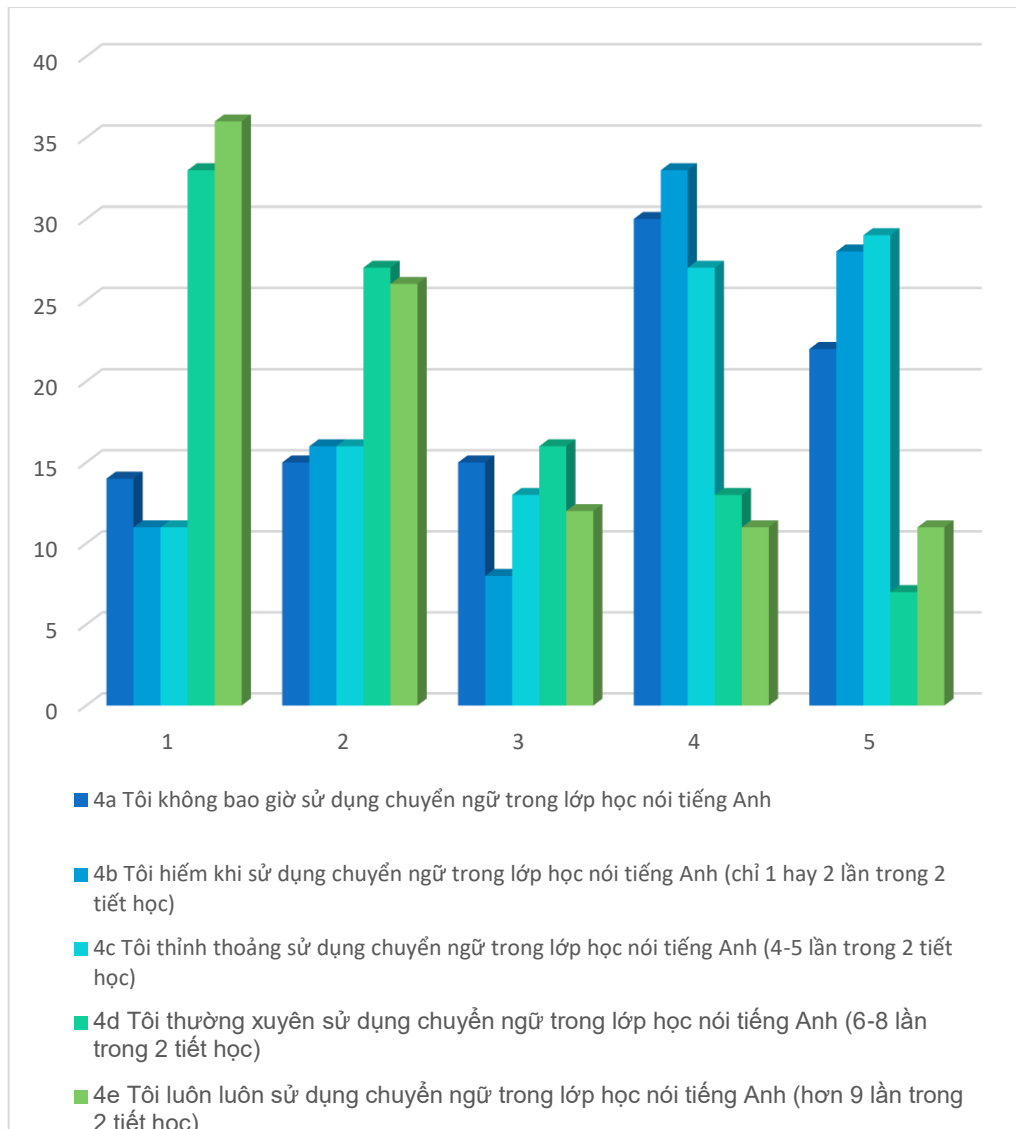
3.2.1 Tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên

Liên quan đến tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên năm thứ nhất, biểu đồ 1 cho thấy rằng tỉ lệ rất thấp sinh viên hoàn toàn đồng ý và đồng ý (khoảng 7% và 9%) “không bao giờ sử dụng chuyển ngữ”, nhưng tỷ lệ sinh viên đồng ý “thỉnh thoảng sử dụng chuyển ngữ khoảng 4-5 lần trong 2 tiết học” là cao nhất (xấp xỉ 37%). Điều đó có nghĩa là L1 hay tiếng mẹ đẻ vẫn được sử dụng trong lớp nhưng không hoàn toàn. Hơn nữa, hầu hết sinh viên không đồng tình rằng họ “hiếm khi sử dụng chuyển ngữ trong các lớp học nói tiếng Anh”, nghĩa là đôi khi họ vẫn sử dụng chuyển ngữ trong các hoạt động nói tiếng Anh tại lớp.



Biểu đồ 1. Tần suất sử dụng chuyển ngữ của SV năm 1 trong giờ luyện nói tiếng Anh

Trong khi đó, tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên năm 2 trong các giờ luyện nói tiếng Anh được thể hiện trong Biểu đồ 2 có sự khác biệt. Gần 30 % sinh viên đồng ý và 22 % hoàn toàn đồng ý “không bao giờ sử dụng chuyển ngữ trong các giờ học nói tiếng Anh”, tỉ lệ này cao hơn rất nhiều so với sinh viên năm thứ nhất. Tỉ lệ sinh viên không đồng ý và phản đối kịch liệt “thường xuyên sử dụng chuyển ngữ từ 6-8 lần (26% và 33%) hay cao hơn 9 lần (29% và 26%). Điều này chứng tỏ sinh viên năm thứ hai ít sử dụng chuyển ngữ thường xuyên hơn so với sinh viên năm thứ nhất (khoảng 15% phản đối và 25% chống đối kịch liệt việc sử dụng chuyển ngữ thường xuyên 6-8 lần).



Biểu đồ 2. Tần suất sử dụng chuyển ngữ của SV năm 2 trong giờ luyện nói tiếng Anh

Ngoài ra, từ dữ liệu thu thập được trong quá trình dự giờ quan sát lớp học trong 20 tiết mỗi lớp và các cuộc phỏng vấn với 10 sinh viên năm thứ nhất và 10 sinh viên năm thứ hai, chúng tôi phát hiện ra rằng nhiều sinh viên năm thứ nhất sử dụng chuyển ngữ nhiều hơn sinh viên năm hai (xấp xỉ 128 lần/20 tiết của sinh viên năm 1 so với 25 lần/20 tiết của sinh viên năm 2).

Ba sinh viên năm 1 khi được phỏng vấn cũng chia sẻ rằng họ thường sử dụng L1 trong các hoạt động nói tiếng Anh vì họ không thể tìm thấy các từ tương đương trong tiếng Anh hoặc họ gặp một số vấn đề với từ vựng và cách phát âm của mình. Trong khi đó, các sinh viên năm 2 tuyên bố rằng họ hiếm

khi sử dụng chuyển ngữ vì họ nghĩ rằng sử dụng ngôn ngữ thứ nhất (L1) sẽ làm cản trở việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của họ.

Một sinh viên năm hai được phỏng vấn cho biết:

“Em chỉ sử dụng chuyển ngữ trong một thời gian có hạn và khi thực sự cần thiết, vì em nghĩ đây là lớp nói tiếng Anh nên muốn cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, chỉ sử dụng duy nhất ngôn ngữ tiếng Anh, đặc biệt trong giờ học nói” [S2.Int.01]

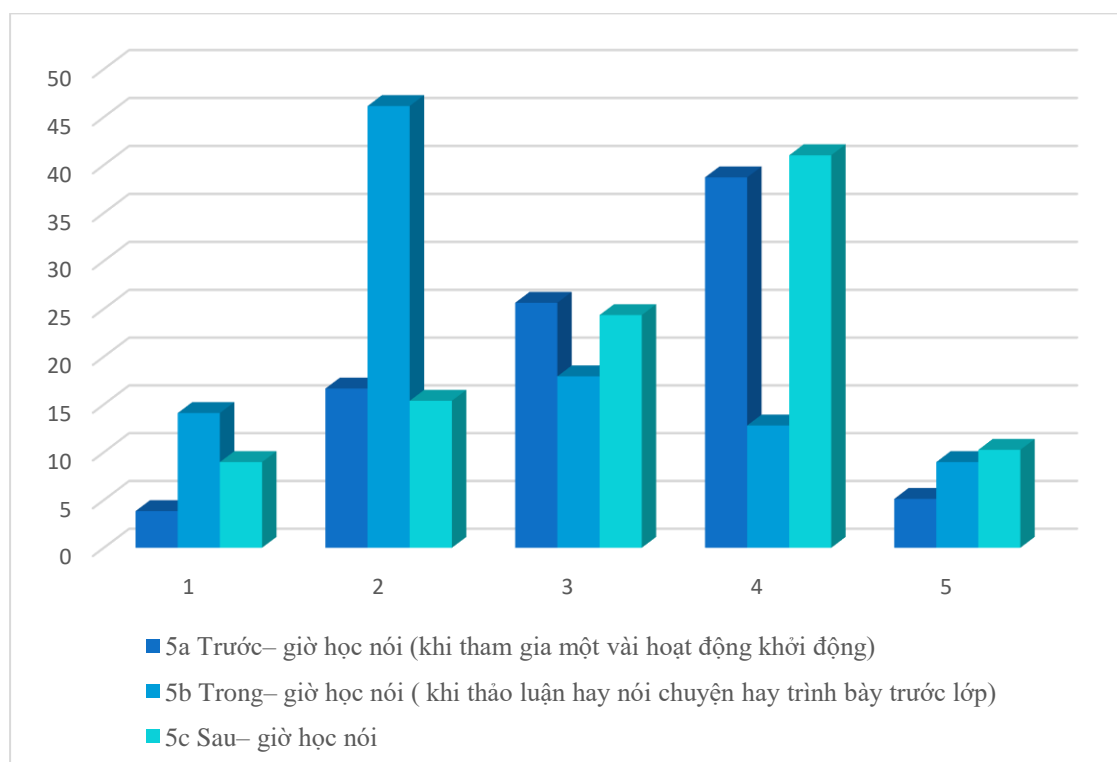
Như vậy, có thể thấy được sự khác biệt rõ rệt giữa sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm thứ hai về tần suất sử dụng chuyển ngữ trong các giờ nói tiếng Anh. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu khi đây là học kỳ đầu tiên sinh viên năm thứ nhất bắt đầu tiếp cận với học phần Thực hành tiếng Nói 1 nên còn nhiều bỡ ngỡ và lúng túng trong các giờ học thực hành Nói, họ sử dụng chuyển ngữ nhiều lần hơn trong các giờ luyện nói. Trong khi đó, sinh viên năm 2 đã hoàn tất 2 học phần thực hành Nói 1 và 2 trong năm học trước nên kỹ năng Nói tiếng Anh tốt hơn về phần phát âm, ngữ điệu, độ lưu loát trôi chảy cao hơn, đặc biệt ít sử dụng chuyển ngữ hơn.

3.2.2 Giai đoạn sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh

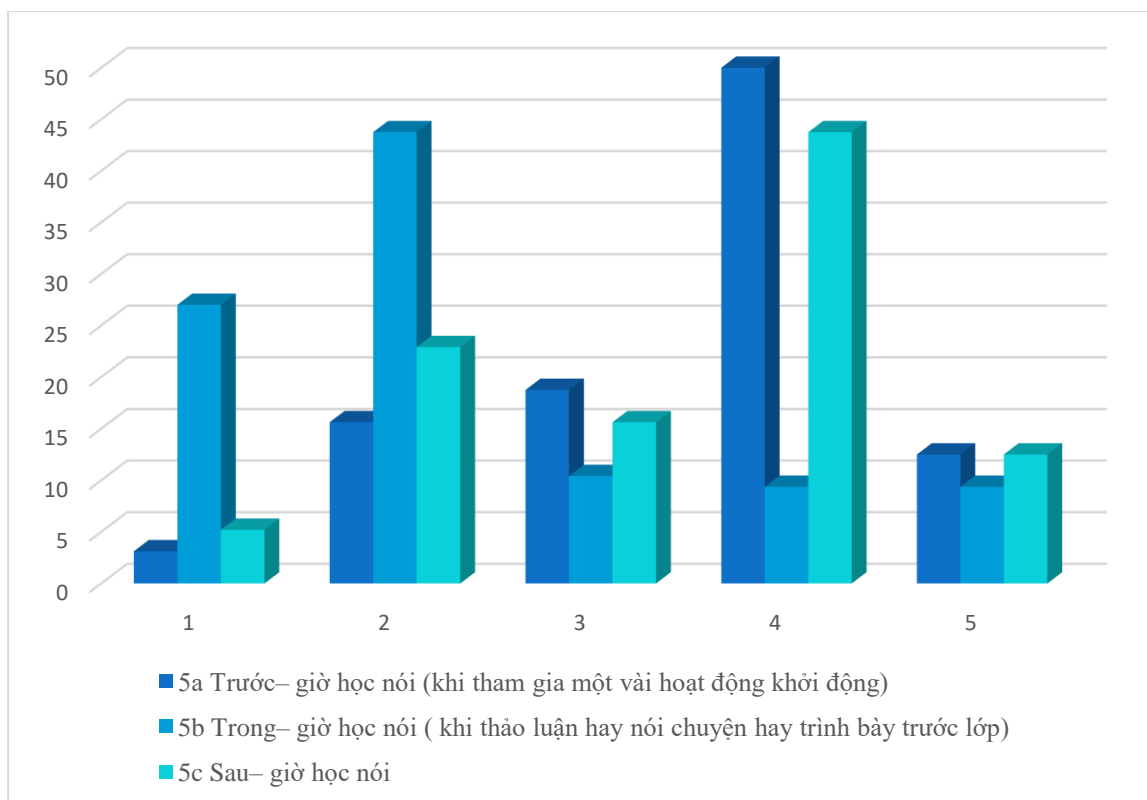
Sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong các giai đoạn khác nhau trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh. Qua điều tra khảo sát, chúng tôi thấy rằng đa số sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai đều sử dụng chuyển ngữ nhiều vào giai đoạn đầu tiên - **Trước giờ học** Nói. 38,71% và 5,12 % sinh viên năm 1 đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc họ thường sử dụng chuyển ngữ vào giai đoạn trước khi vào giờ luyện kỹ năng Nói. Tương tự, một tỉ lệ rất cao (50% và 12,5%) sinh viên năm 2 đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng họ cũng hay sử dụng chuyển ngữ trước giờ học Nói. Điều này là hiển nhiên vì sinh viên cần chuẩn bị từ vựng, ý tưởng trước khi tham gia một vài hoạt động khởi động.

Trong giai đoạn hai - **Trong– giờ học** Nói, sinh viên ít sử dụng chuyển ngữ hơn vì họ cần tập trung vào thảo luận hay trình bày trước lớp, do vậy sinh viên chủ yếu sử dụng hoàn toàn ngôn ngữ thứ hai – tiếng Anh theo yêu cầu của giảng viên cũng như là thời gian chính để rèn luyện kỹ năng Nói của bản thân. Tỷ lệ rất thấp sinh viên năm 1 đồng ý và hoàn toàn đồng ý việc sử dụng chuyển ngữ trong giai đoạn này (chỉ khoảng 12,8% và 8,97 %), trong khi cũng chỉ 9,37% sinh viên năm 2 đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng họ sử dụng chuyển ngữ trong giai đoạn hai- **trong giờ học**.

Giai đoạn thứ ba - **Sau giờ học** Nói, một tỷ lệ khá cao sinh viên sử dụng chuyển ngữ để thể hiện cảm xúc hay nhận xét, bình luận về kết quả bài học. 41 % 10,25 % sinh viên năm 1 đồng ý và hoàn toàn đồng ý sử dụng chuyển ngữ trong giai đoạn sau giờ học. Tỷ lệ tương tự đối với sinh viên năm 2 (43,75% và 12,5%) thể hiện sự đồng ý và hoàn toàn đồng ý sử dụng chuyển ngữ trong giai đoạn Sau giờ học Nói. Kết quả thu được từ khảo sát được trình bày qua Biểu đồ 3 và Biểu đồ 4 dưới đây:



Biểu đồ 3. Các giai đoạn SV năm 1 sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện Nói tiếng Anh



Biểu đồ 4. Các giai đoạn SV năm 2 sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện Nói tiếng Anh

3.2.3 Lý do sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh

Có nhiều lý do sử dụng chuyển ngữ trong các giờ học nói tiếng Anh. Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho biết tỷ lệ sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao nhất (51,1% và 10,6%) với lý do thường lặp lại một số từ trong ngôn ngữ thứ nhất (L1) để làm rõ nghĩa của chúng. Hơn nữa, đa số sinh viên (41,5% và 18,1%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng việc sử dụng chuyển ngữ bắt nguồn từ việc họ thiếu vốn từ vựng trong L2. Ngoài ra, một số lượng lớn sinh viên đồng tình và nhất trí cao với việc họ cảm thấy tự do và thoải mái hơn khi sử dụng chuyển ngữ để thể hiện cảm xúc của mình. Bên cạnh đó, để trình bày bài thuyết trình một cách trôi chảy và nhanh hơn và trích dẫn những câu nói nổi tiếng, đa số sinh viên có khuynh hướng sử dụng ngôn ngữ thứ nhất hay tiếng mẹ đẻ.

Bảng 6. Lý do SV sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh

(1-Phản đối kịch liệt, 2-Phản đối, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5-Hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi	Lý do sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)
3						
3a	Thiếu từ vựng trong ngôn ngữ thứ hai khiến SV phải dùng chuyển ngữ (tiếng mẹ đẻ) (e.g. I have just <i>xỏ lỗ tai</i> ...)	5,3	11,7	23,4	41,5	18,1
3b	Cảm thấy tự do và thoải mái hơn khi thể hiện cảm xúc của SV bằng ngôn ngữ hàng ngày của họ (tiếng mẹ đẻ) (e.g. What a boring day! Uhm, <i>chán như con gián</i> (I was bored to death)	6,4	13,8	26,6	39,4	13,8
3c	Trích dẫn hoặc nói một câu nói nổi tiếng bằng tiếng mẹ đẻ (ví dụ: -I don't know how to deal all these problems. -Don't worry! <i>Cái khó ló cái khôn</i> (Adversity	7,4	16,0	36,2	33,0	7,4

	is the mother of wisdom)					
3d	Thán từ (chèn một số từ hoặc câu trống, ví dụ, <i>Đạ</i> , I understand what you (the teacher) say)	8,5	28,7	30,9	25,5	6,4
3e	Lặp lại một số từ để làm rõ (ví dụ, Could you tell me what <i>com hén</i> means in English, <i>com hén nghĩa là gì?</i>)	3,2	8,5	26,6	51,1	10,6
3f	Để nói trôi chảy và nhanh hơn (e.g. The speaking topic today is Love. When you love two persons at the same time, what will happen? - <i>Lắm mới tới năm không</i> , it means you won't be loved by anyone.	5,3	12,8	38,3	34,0	9,6

Trả lời cho các câu hỏi “Tại sao sinh viên nên sử dụng ngôn ngữ thứ nhất trong các giờ luyện nói tiếng Anh?” hoặc “những tình huống nào người học nên sử dụng tiếng Việt trong các giờ luyện nói tiếng Anh?”, ba sinh viên năm thứ nhất và hai sinh viên năm thứ hai nói rằng việc tiết kiệm thời gian để hiểu bài và cải thiện kỹ năng giao tiếp trôi chảy và tự nhiên bằng cách sử dụng

L1 trong lớp nói tiếng Anh đều rất có lợi.

Đôi khi em sử dụng chuyển ngữ để đỡ mất thời gian suy nghĩ, do vậy em có thể nói nhanh hơn, ví dụ, our class is divided into 4 groups, let bốc xăm! Em không nghĩ ra từ “Bốc xăm” tiếng Anh là gì nên nói bằng tiếng Việt luôn cho tiện. [S2.Int.04].

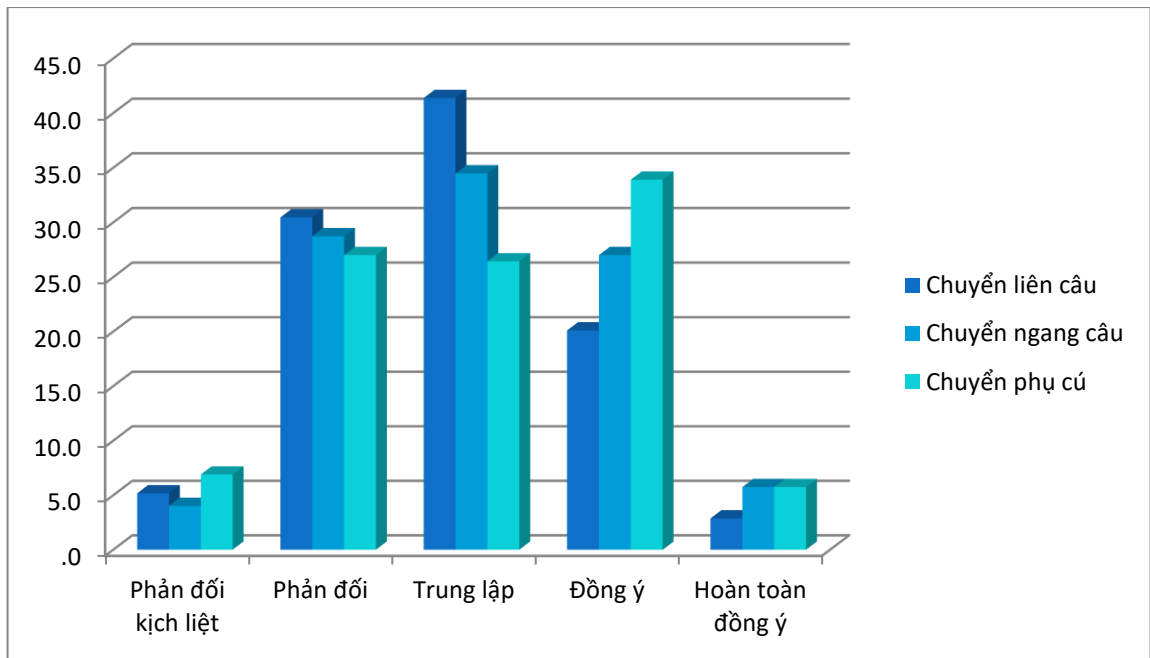
Chủ đề Nói 3 theo quyển giáo trình Northstar này khó quá, nên em thỉnh thoảng sử dụng chuyển ngữ để giải thích một số thuật ngữ cho bạn em hiểu mà thảo luận nhóm, ví dụ, “We use aphorism, cách ngôn hay ngôn ngữ, to express wisely our opinion”. Nếu không dùng chuyển ngữ trong trường hợp này, chắc phải rất lâu bạn em mới hiểu nghĩa từ aphorism là gì. [S2.Int.05]

Khi còn là học sinh phổ thông trung học, em hay dùng chuyển ngữ để giải thích từ vựng khó, bây giờ em có thói quen vẫn dùng chuyển ngữ để giảng bài lại cho bạn nếu bạn hỏi, hơn nữa chuyển ngữ giúp em tự tin hơn khi truyền đạt kiến thức em học được cho người khác. [S1.Int.02]

Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Abdullah (2010) về thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng chuyển ngữ như một phương tiện dạy học ở trường Đại học Khoa học về sức khỏe khi chỉ ra rằng một số lượng lớn những người tham gia (khoảng 53% và 35%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tuyên bố “chuyển ngữ đã làm cho khóa học trở nên dễ dàng và ít bị hạn chế trong việc tiếp thu kiến thức”. Nói cách khác, L1 có thể được sử dụng trong lớp học ngôn ngữ để tăng cường khả năng nắm bắt ngôn ngữ L2 như tiếng Anh cho người học.

3.2.4 Các loại chuyển ngữ sinh viên sử dụng

Kết quả về sự hiểu biết của sinh viên đối với câu hỏi 6 “Loại chuyển ngữ nào em/bạn chủ yếu sử dụng trong các giờ luyện nói của mình?” được minh họa trong Biểu đồ 5 dưới đây.

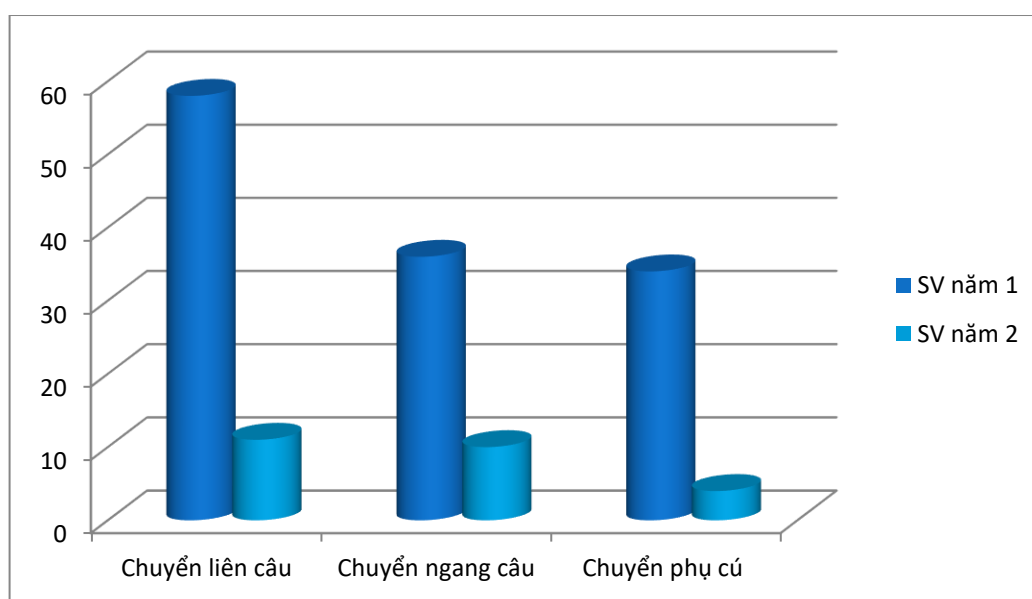


Biểu đồ 5. Các loại chuyển ngữ sinh viên sử dụng trong giờ luyện Nói tiếng Anh

Biểu đồ 5 đã minh họa ba loại chuyển ngữ được sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai sử dụng trong các hoạt động nói tiếng Anh: chuyển phụ cú, chuyển liên câu, và chuyển ngang câu. Tỷ lệ sinh viên bày tỏ ý kiến trung lập, chủ yếu sử dụng “chuyển liên câu” là cao nhất, chiếm khoảng 40%. Gần 34% sinh viên tuyên bố sử dụng “chuyển ngang câu” trong các hoạt động nói; trong khi đó, 34% và 5% đồng ý sử dụng “chuyển phụ cú”. Một tỷ lệ rất nhỏ sinh viên không đồng ý với việc sử dụng “chuyển phụ cú” trong hoạt động nói và họ dường như không nghĩ rằng nó rất hữu ích cho hoạt động nói của họ.

Vấn đề này cũng được chứng minh trong cuộc phỏng vấn khi sinh viên được yêu cầu đưa ra các ví dụ về chuyển ngữ, cụ thể sinh viên số 4, số 5, và số 6 (ký hiệu dữ liệu thu được từ ba sinh viên này là [S1.Int.04], [S1.Int.05] và [S1.Int.06]) đã sử dụng “chuyển phụ cú”. Dưới đây là một số ví dụ mà sinh viên đã cung cấp khi được hỏi về việc sử dụng chuyển ngữ trong cuộc phỏng vấn: “In my opinion people are afraid of dogs, people, public speaking, *sợ chi nữa hè?*” (*What else am I afraid of?*) (S4); What is the name of the organization “Sao Bắc Đẩu”? *nói tên tiếng Anh hay tiếng Việt rứa?* (*Do we say the name in English or Vietnamese?*)”

Ngoài ra, việc sử dụng các loại chuyển ngữ của sinh viên năm 1 và năm 2 trong các giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh cũng tương đối khác nhau. Để so sánh sự khác nhau này, chúng tôi đã tiến hành thu âm các cuộc đàm thoại khi quan sát lớp học trong suốt 20 tiết/mỗi lớp của sinh viên năm thứ nhất và 20 tiết/lớp của sinh viên năm thứ hai. Biểu đồ 6 dưới đây đã minh họa tỉ lệ ba loại chuyển ngữ mà sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai đã sử dụng trong các giờ luyện Nói tiếng Anh.



Biểu đồ 6. So sánh sử dụng các loại chuyển ngữ của SV năm 1 và năm 2 trong các giờ luyện Nói tiếng Anh

Từ dữ liệu thu thập từ các quan sát được ghi lại trong 20 tiết học cho 2 lớp Thực hành Nói 1 của sinh viên năm 1 và 20 tiết cho 2 lớp Thực hành Nói 3 của sinh viên năm 2, chúng tôi đã thống kê được sinh viên năm 1 sử dụng chuyển ngữ tổng cộng 128 lần trong khi sinh viên năm 2 sử dụng chuyển ngữ 25 lần trong các giờ nói tiếng Anh. Loại chuyển ngữ liên câu được sử dụng 58 lần bởi sinh viên năm 1, nhưng chỉ được sử dụng 11 lần bởi sinh viên năm thứ hai. Tương tự, việc sử dụng hai loại chuyển ngữ khác như chuyển ngữ ngang câu và chuyển phụ cú của sinh viên năm một và năm hai là hoàn toàn khác nhau. Sinh viên năm 1 sử dụng chuyển ngữ ngang câu 36 lần trong khi sinh viên năm 2 sử dụng loại chuyển ngữ này chỉ 10 lần, và sinh viên năm 1 sử dụng chuyển phụ cú đến 34 lần trong khi sinh viên năm 2 sử dụng loại chuyển

ngữ này chỉ 4 lần. Chính vì vậy, từ các dữ liệu về tần suất sử dụng chuyển ngữ và các loại chuyển ngữ được sử dụng trong các giờ luyện nói tiếng Anh, chúng ta thấy có sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên năm 1 và năm 2 chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

3.3 Những ảnh hưởng của sử dụng chuyển ngữ đến việc thực hành Kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên

3.3.1 Ảnh hưởng tích cực

Qua điều tra khảo sát cũng như quan sát dự giờ lớp học và phỏng vấn sau, chúng tôi nhận thấy cả sinh viên năm 1 và năm 2 đều hai đều chia sẻ quan điểm về một số ảnh hưởng tích cực và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ đến việc thực hành kỹ năng Nói tiếng Anh của họ.

Thật vậy, không thể phủ nhận một số tác động tích cực mà việc sử dụng chuyển ngữ mang lại cho người học tiếng Anh trong bối cảnh người nói tiếng Anh không phải là bản xứ như ở Việt Nam. Qua khảo sát về việc sử dụng chuyển ngữ của các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại ĐHNH, Đại học Huế, chúng tôi nhận thấy rằng đa số người tham gia (57,5% và 19,5%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng việc sử dụng chuyển ngữ có thể giúp họ giải thích các từ mới một cách dễ dàng. Tương tự, một tỷ lệ khá cao sinh viên cho rằng việc sử dụng chuyển ngữ giúp họ hiểu bài tốt hơn (55,2% và 12,1%). Tỷ lệ cao thứ ba của các sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc sử dụng chuyển ngữ có thể giúp họ trong việc đưa ra hướng dẫn hoặc nhận xét, bình luận về sinh viên khác trong các hoạt động nói. Những kết quả này được chỉ rõ trong Bảng 7 dưới đây.

Bảng 7. Ảnh hưởng tích cực của việc sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh

(1-Phản đối kịch liệt, 2-Phản đối, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5-Hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi 7. Ưu điểm của sử dụng chuyển ngữ	1	2	3	4	5
7a. Giải thích từ mới	1,1	5,7	16,1	57,5	19,5
7b. Giải thích các điểm ngữ pháp	4,0	10,9	17,2	48,9	19,0
7c. Hướng dẫn các hoạt động	2,3	6,9	23,6	51,7	15,5
7d. Kiểm tra mức độ hiểu bài	1,7	8,6	22,4	55,2	12,1
7e. Bình luận hoặc cho ý kiến nhận xét các SV khác	1,7	9,8	24,7	52,9	10,9
7f. Đùa giỡn với các SV khác	4,0	13,8	25,3	46,0	10,9
7g. Thảo luận với các SV khác	1,7	12,1	27,0	47,1	12,1
7h. Dịch các bài tập	3,4	12,1	25,9	41,4	17,2

Cùng với kết quả bảng khảo sát điều tra ở trên, qua quan sát dự giờ lớp học trong các giờ luyện nói tiếng Anh, chúng tôi cũng phát hiện rằng sinh viên đã sử dụng chuyển ngữ trong một số tình huống như sau: Trong trường hợp giải thích một từ mới, ví dụ, , “*I have some phobia, nghĩa là nỗi sợ, I scare something I don’t know why*”, “*How do you feel when you have an acrophobia, là sợ độ cao đó*”; ở đây, để giải thích thuật ngữ “phobia” hay “acrophobia”, người nói dùng chuyển ngữ “nghĩa là nỗi sợ” hay “sợ độ cao”, vì đó là cách nhanh nhất để diễn đạt ý nghĩa của những thuật ngữ này.

Kết quả này tương đối giống với kết quả của cuộc phỏng vấn với các sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai khi cho rằng họ sử dụng chuyển ngữ nhằm làm rõ nghĩa của các từ mới hay thuật ngữ khó giải thích bằng ngôn ngữ thứ hai. Điều này có thể giúp họ tiết kiệm rất nhiều thời gian và có thể nói trôi chảy ngôn ngữ thứ hai - tiếng Anh hơn mà không cảm thấy do dự hay ngại

ngừng trong khi đàm thoại với các thành viên khác trong lớp.

Một sinh viên năm thứ nhất cho nói rằng “*Minh trở nên tự tin hơn trong việc sử dụng tiếng Anh ở lớp học nói chung và trong các giờ học nói nói riêng, vì đôi khi mình sử dụng L1 hay tiếng mẹ đẻ để giải thích từ vựng mới và hiểu bài học một cách dễ dàng hơn*”. [S1.Int.01].

Đối với câu hỏi nghiên cứu thứ ba – Những ảnh hưởng nào của sử dụng chuyên ngữ đến việc rèn luyện kỹ năng Nói, kết quả của bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn cho thấy ưu điểm đầu tiên và quan trọng nhất là chuyên ngữ đã giúp sinh viên tìm ra cách diễn đạt các thuật ngữ tương đương trong ngôn ngữ thứ hai cũng như xử lý các khái niệm trừu tượng và các cụm từ khó. Điều này phù hợp với quan điểm của Metila (2009) khi cho rằng việc sử dụng chuyên ngữ trong lớp học song ngữ có thể giúp đạt được chức năng học ngôn ngữ vì nó giúp người học có thể hiểu được một vấn đề khó. Như vậy, sử dụng chuyên ngữ trong lớp học dường như có lợi thế vì có thể giúp người nói giải thích các khái niệm trừu tượng hoặc đưa ra định nghĩa các thuật ngữ phức tạp cho người học.

Cuối cùng, một tỷ lệ cao các sinh viên (47,1% & 12,1% và 46,0% & 10,9%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến “Sử dụng chuyên ngữ giúp người học nói đùa và thảo luận với các bạn khác trong một số hoạt động nói trên lớp”. Đây có thể được coi là một trong những ảnh hưởng tích cực giúp người học cảm thấy thoải mái, dễ chịu, không bị căng thẳng trong một lớp học thân mật, gần gũi giữa các thành viên trong lớp. Chính điều này đã khuyến khích và động viên người học tham gia tích cực hơn vào các hoạt động Nói khác trong lớp như đóng vai, thảo luận theo nhóm hay thuyết trình. Như vậy, sử dụng chuyên ngữ trong trường hợp này góp phần nâng cao động lực học ngoại ngữ cho sinh viên.

3.3.2 Hạn chế

3.3.2.1 Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ đối với sinh viên theo đánh giá của giáo viên

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực đến việc rèn luyện kỹ năng Nói như đã nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ trong hoạt động nói tiếng Anh. Kết quả khảo sát về ý kiến của sinh viên đối với câu hỏi 8 " Những hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ với đánh giá của giảng viên trong các hoạt động nói tiếng Anh của SV là gì?" được mô tả trong bảng 8 sau đây. Ở đây, những hạn chế của sử dụng chuyển ngữ gắn liền với những yêu cầu, quy định mà giảng viên đưa ra đối với sinh viên có sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh.

Bảng 8. Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ với đánh giá của GV đối với SV trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh

(1-Phản đối kịch liệt, 2-Phản đối,3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5-Hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi 8. Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ với đánh giá của GV	1	2	3	4	5
8a. SV không được phép sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh	11,5	32,8	33,3	19,0	3,4
8b. SV không thường xuyên được GV hỗ trợ khi sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	9,8	32,8	22,4	31,0	4,0
8c. SV được yêu cầu cần tránh sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh	1,1	8,6	32,2	44,8	13,2
8d. SV thường được GV cho điểm thấp vì luôn sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	9,2	31,6	28,2	26,4	4,6

8e. Sử dụng chuyển ngữ được đánh giá là không thể cải thiện kỹ năng nói cho SV	8,6	18,4	27,6	38,5	6,9
8f. Sử dụng chuyển ngữ khiến SV quá phụ thuộc vào tiếng mẹ đẻ và bị hạn chế khi giao tiếp bằng tiếng Anh.	4,0	13,8	29,9	39,7	12,6

Trong sáu điểm hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ được đề cập trong bảng câu hỏi, tất cả các câu hỏi đều liên quan đến việc đánh giá của giáo viên đối với kiến thức ngôn ngữ của người học qua việc đưa ra nhận xét hoặc phản hồi cho người học đối với việc sử dụng chuyển ngữ để người học có thể tránh sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh. Ví dụ, giảng viên không cho phép sinh viên sử dụng tiếng mẹ đẻ/ngôn ngữ thứ nhất trong lớp nói tiếng Anh; giảng viên không thường xuyên hỗ trợ sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh; giảng viên thường cho điểm thấp đối với những sinh viên luôn sử dụng chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh, vv. Tỷ lệ cao nhất (44,8% và 13,2%) của sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc giảng viên thường đưa ra nhận xét hoặc phản hồi với sinh viên đã sử dụng chuyển ngữ để SV đó có thể tránh sử dụng chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh càng nhiều càng tốt.

Ngoài ra, Bảng 8 còn cho thấy một tỉ lệ rất cao những người tham gia khảo sát (39,7% & 12,6% và 38,5% & 6,9%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý với đánh giá của giảng viên rằng việc sử dụng chuyển ngữ khiến sinh viên quá phụ thuộc vào ngôn ngữ thứ nhất/tiếng mẹ đẻ, và không cải thiện kỹ năng nói của người học, do vậy họ sẽ thiếu cơ hội phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

3.3.2.2 Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ theo đánh giá của sinh viên

Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ là những ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực ngoại ngữ theo đánh giá của sinh viên thường xuyên sử dụng chuyển ngữ. Sau khi khảo sát những ảnh hưởng tiêu cực do sử dụng chuyển ngữ của sinh viên, chúng tôi đã nhận được kết quả như Bảng 9 sau đây:

Bảng 9. Hạn chế của sử dụng chuyên ngữ theo đánh giá của SV trong giờ luyện nói tiếng Anh

(1-Phản đối kịch liệt, 2-Phản đối,3-Trung lập, 4-Đồng ý, 5-Hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi	Những hạn chế của sử dụng chuyên ngữ theo đánh giá của SV đối với kỹ năng nói tiếng Anh?	1	2	3	4	5
		N= 174				
9a	Khả năng ngoại ngữ của SV còn hạn chế do thường sử dụng chuyên ngữ trong lớp nói tiếng Anh	3	37	47	71	16
9b	Thiếu tự tin khi nói tiếng Anh	4	15	55	81	19
9c	Thiếu sự trôi chảy trong khi Nói tiếng Anh với các SV hoặc giáo viên khác trong lớp nói tiếng Anh	5	10	41	93	25
9d	Kết quả học tập của học phần Nói tiếng Anh không tốt nếu SV sử dụng chuyên ngữ quá nhiều lần	8	24	57	68	17
9e	Sinh viên cảm thấy lo lắng hoặc căng thẳng nếu họ sử dụng chuyên ngữ trong lớp nói tiếng Anh	2	25	54	79	14
9f	SV gặp một số khó khăn trong việc đánh vần các thuật ngữ mới hoặc từ mới do sử dụng chuyên ngữ	4	21	53	72	24

Với tổng số 174 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai chuyên ngành ngôn ngữ Anh tham gia khảo sát, đa số sinh viên (76 SV đồng ý và 16 SV hoàn toàn đồng ý) đều cho rằng việc sử dụng chuyên ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh đã làm cho khả năng tiếng Anh của họ bị hạn chế. Kết quả này cũng trùng khớp với kết quả phỏng vấn 10 sinh viên năm 2 với câu hỏi “ Những hạn chế nào của sử dụng chuyên ngữ theo đánh giá của SV đến việc rèn luyện

kỹ năng Nói tiếng Anh?”, 8/10 sinh viên đã cho rằng việc sử dụng chuyển ngữ đã có ảnh hưởng nhiều đến khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của họ, chẳng hạn do mất thời gian để chuyển những từ, cụm từ chỉ khái niệm khó từ tiếng Việt sang tiếng Anh, họ chọn nói ngay bằng tiếng mẹ đẻ khi đang diễn ngôn bằng tiếng Anh. Vì vậy, họ bắt đầu hình thành thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích từ hay cụm từ khó, dẫn đến tình trạng nói chậm, hay bị ngắt quãng hay dừng đột ngột trong khi giao tiếp với người đối thoại trong các hoạt động nói tiếng Anh tại lớp.

Ngoài ra, đối với sinh viên năm thứ hai, khi sử dụng chuyển ngữ nhiều lần, sinh viên có thể đạt kết quả thấp trong những lần kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ. 85 sinh viên được khảo sát cho biết họ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến này. Rõ ràng rằng kết quả cuối cùng cho việc sử dụng chuyển ngữ nhiều lần trong các giờ thực hành Nói của hai nhóm sinh viên là sinh viên sẽ thiếu tự tin hay luôn cảm thấy lo lắng và căng thẳng trong khi nói tiếng Anh do lo sợ bạn bè coi thường, sợ giảng viên phê bình, và sợ không đạt điểm cao trong các bài kiểm tra và kỳ thi.

Tóm lại, những kết quả thu được từ bảng khảo sát, quan sát dự giờ và phỏng vấn từ nghiên cứu này đã cho thấy thực trạng của việc sử dụng chuyển ngữ cũng như nhận thức về điểm mạnh và điểm yếu về sử dụng chuyển ngữ của sinh viên khi thực hành kỹ năng nói tiếng Anh. Dẫu nhận biết những mặt hạn chế của sử dụng chuyển ngữ, nhưng sinh viên không thể tránh khỏi việc sử dụng này vì chuyển ngữ có thể giúp người học ngoại ngữ nói nhanh và lưu loát hơn, giải thích thuật ngữ khó hiểu dễ dàng hơn, tạo môi trường học tập thoải mái, gần gũi với giảng viên và bạn bè hơn, nhờ vậy có thể nâng cao động lực học tập. Tuy nhiên, sử dụng chuyển ngữ nhiều sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng ngoại ngữ của người học, ví dụ, kiến thức ngôn ngữ của người học sẽ bị hạn chế do tư duy bằng tiếng mẹ đẻ, kỹ năng diễn đạt các khái niệm thuật ngữ thiếu sự tự nhiên, không trôi chảy, tâm lý người học đối mặt với sự

thiếu tự tin, hay lo lắng sợ hãi khi không thể truyền đạt ý tưởng hay nội dung bài giảng bằng tiếng nước ngoài.

PHẦN KẾT LUẬN

NHỮNG KẾT QUẢ CHÍNH, Ý NGHĨA, HẠN CHẾ VÀ CÁC ĐỀ XUẤT

1. Kết quả nghiên cứu chính

Nghiên cứu này được thực hiện với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất và năm thứ hai của Khoa tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ Huế nhằm tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm chuyển ngữ, sự phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn, các loại chuyển ngữ, việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên năm 1 và năm 2 có sự khác nhau đáng kể về tần suất sử dụng, các loại chuyển ngữ đã được sử dụng và sự hiểu biết về những lợi ích và hạn chế của việc sử dụng chuyển ngữ. Thông qua việc trình bày và phân tích kết quả thu được đã nêu trong Chương 3, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số kết luận sau:

Nhận thức về chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh

Qua khảo sát điều tra 174 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2 cũng như phỏng vấn 20 sinh viên về nhận thức của họ đối với khái niệm chuyển ngữ, sự phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn, kết quả cho thấy đa số sinh viên hiểu rõ khái niệm chuyển ngữ, tỉ lệ sinh viên phân biệt được từ vay mượn tiếng Việt khi giao tiếp bằng tiếng Anh cũng khá cao. Tuy vậy, khái niệm từ vay mượn đôi khi cũng dễ trùng lặp với chuyển ngữ nên có nhiều sinh viên thấy khó xác định trường hợp nào là chuyển ngữ và trường hợp nào là vay mượn. Điều này cho thấy rằng sinh viên chuyên ngành tiếng Anh nhận thức tốt về khái niệm chuyển ngữ khi đưa ra các ví dụ cụ thể, nhưng vẫn còn mơ hồ khi phân biệt khái niệm chuyển ngữ và từ vay mượn.

Thực trạng sử dụng chuyển ngữ của sinh viên

Việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên thể hiện qua việc so sánh tần suất sử dụng chuyển ngữ và các loại chuyển ngữ đã được sử dụng của SV năm

1 và SV năm 2. Nghiên cứu cho thấy rất ít sinh viên “không bao giờ sử dụng chuyển ngữ” trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh (khoảng 7% và 9%), ngược lại, số lượng sinh viên “thỉnh thoảng sử dụng chuyển ngữ khoảng 4-5 lần trong 2 tiết học” chiếm tỉ lệ cao nhất (gần 37 %). Hay nói cách khác, L1 hay tiếng mẹ đẻ vẫn được sinh viên năm 1 và năm 2 sử dụng trong giờ luyện Nói nhưng không hoàn toàn. Hơn nữa, tỉ lệ sinh viên năm thứ nhất sử dụng chuyển ngữ cao gấp 5 lần so với sinh viên năm thứ hai (128 lần/20 tiết của sinh viên năm nhất so với 25 lần/20 tiết của sinh viên năm hai). Với lý do gặp khó khăn trong việc tìm từ vựng tương đương trong tiếng Anh hoặc có vấn đề về cách phát âm từ vựng nên sinh viên năm 1 sử dụng chuyển ngữ cao hơn nhiều lần so với sinh viên năm 2. Ngoài ra, nhiều sinh viên năm 2 nghĩ rằng sử dụng ngôn ngữ thứ nhất ảnh hưởng đến việc rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh nên họ tránh sử dụng chuyển ngữ càng nhiều càng tốt, vì vậy tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên năm 2 hiển nhiên ít hơn so với sinh viên năm 1 rất nhiều.

Các loại chuyển ngữ được sử dụng bởi sinh viên năm 1 và sinh viên năm 2 cũng khá khác nhau. Qua quan sát được ghi lại trong các giờ luyện kỹ năng Nói của 2 lớp Nói 1 và 2 lớp Nói 3, chúng tôi thấy rằng sinh viên năm 1 sử dụng chuyển ngữ liên câu nhiều gấp 5 lần sinh viên năm 2. Tương tự, sinh viên năm 1 sử dụng chuyển ngữ ngang câu hơn 3 lần sinh viên năm 2; còn chuyển phụ cú thì sinh viên năm 1 sử dụng nhiều hơn gấp 9 lần so với sinh viên năm 2. Vì vậy, tần suất sử dụng chuyển ngữ và các loại chuyển ngữ được sử dụng trong các giờ luyện nói tiếng Anh có sự khác nhau đáng kể giữa sinh viên năm 1 và năm 2 chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Về giai đoạn sử dụng chuyển ngữ, cả hai nhóm sinh viên năm 1 và năm 2 đều có ý kiến gần giống nhau. Hầu hết các sinh viên năm 1 và sinh viên năm 2 đều thường sử dụng chuyển ngữ vào giai đoạn **Trước giờ học** Nói vì sinh

viên cần chuẩn bị từ vựng, ý tưởng trước khi tham gia một vài hoạt động khởi động. Nhưng sinh viên lại ít sử dụng chuyển ngữ hơn ***Trong giờ học*** Nói do được giảng viên yêu cầu cũng như ý thức bản thân chỉ sử dụng ngôn ngữ thứ hai - tiếng Anh trong khi thảo luận hay trình bày trước lớp. Trong giai đoạn thứ ba - ***Sau giờ học*** Nói, nhiều sinh viên năm 1 và năm 2 có khuynh hướng sử dụng chuyển ngữ để đưa ra những bình luận hay nhận xét về những gì được học. Điều này cũng thể hiện tác động tích cực của sự dụng chuyển ngữ tạo nhằm tạo không khí thân mật, vui vẻ trong lớp học và tăng động lực học tập của sinh viên.

Những ảnh hưởng của sử dụng chuyển ngữ đến việc rèn luyện kỹ năng nói của sinh viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói vừa có những ảnh hưởng tích cực đến việc học Nói của sinh viên, nhưng không thể tránh khỏi những hạn chế. Trước tiên, sử dụng chuyển ngữ có thể giúp sinh viên giải thích các từ mới hay thuật ngữ khó một cách dễ dàng, diễn đạt trong các thảo luận hay thuyết trình trước đám đông trôi chảy và lưu loát hơn, có cảm giác tự nhiên và thoải mái khi đưa ra nhận xét, bình luận về người khác trong giờ luyện nói. Ngoài ra, còn có thể tiết kiệm thời gian để nắm được nội dung bài giảng và nâng cao động cơ học tập khi tạo ra bầu không khí gần gũi, thân thiện và thoải mái nơi mà mọi người có thể hiểu nhau hơn khi sử dụng chuyển ngữ.

Tuy nhiên, việc sử dụng chuyển ngữ vẫn mang nhiều hạn chế và có những ảnh hưởng tiêu cực đến việc rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên. Hầu như sinh viên không được giảng viên cho phép sử dụng tiếng mẹ đẻ hay ngôn ngữ thứ nhất trong lớp nói tiếng Anh. Nếu sinh viên sử dụng chuyển ngữ, họ sẽ không nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên vì không tuân theo nội quy đặt ra của một số giáo viên trong giờ luyện nói – *Không sử dụng tiếng mẹ đẻ*. Hơn nữa, sử dụng chuyển ngữ có ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập

của sinh viên như điểm số đạt được trong bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ của sinh viên sử dụng chuyển ngữ thường thấp hơn so với những sinh viên không sử dụng chuyển ngữ. Ngoài ra, khi sử dụng chuyển ngữ, sinh viên sẽ bị phụ thuộc quá nhiều vào ngôn ngữ thứ nhất/tiếng mẹ đẻ, hay trở nên lười biếng và thụ động nên không thể phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Cuối cùng, sử dụng chuyển ngữ làm cho người học thiếu tự tin vào kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ của bản thân, luôn cảm thấy lo lắng và căng thẳng trong khi nói tiếng Anh với nhiều lý do, chẳng hạn, sợ bạn bè coi thường về sự hạn chế ngôn ngữ của bản thân, sợ giảng viên phê bình và khiển trách vì không tuân theo quy định của một số giảng viên đưa ra nhằm khuyến khích sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt, và đặc biệt sợ không đạt kết quả học tập tốt.

2. Một số đề xuất về việc học kỹ năng Nói tiếng Anh

Qua khảo sát điều tra nghiên cứu, phân tích các kết quả đạt được với những kết luận được rút ra trong báo cáo, nhóm nghiên cứu nhận thấy việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh vừa có những ưu điểm nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Vì vậy, để góp phần cải thiện việc rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên, nhóm nghiên cứu đã chia các đề xuất thành ba nhóm: 1/ dành cho người học; 2/ dành cho người dạy; 3/ dành cho cơ sở đào tạo hay nhà trường

Đối với người học (sinh viên)

Thứ nhất, sinh viên cần nắm vững khái niệm chuyển ngữ trong lĩnh vực ngôn ngữ học, giáo dục học để có thể nhận biết hay đưa ra các ví dụ cụ thể về chuyển ngữ được sử dụng như thế nào trong khi học ngoại ngữ. Sinh viên phải phân biệt được các loại chuyển ngữ và xác định những loại nào họ đã sử dụng để tự đánh giá bản thân về kiến thức ngôn ngữ.

Thứ hai, sinh viên phải nhận thức được những ưu điểm và hạn chế hay những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của sử dụng chuyển ngữ đối với việc rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh. Từ đó, có thể quyết định những trường hợp

nào nên sử dụng chuyển ngữ và trường hợp nào tránh sử dụng chuyển ngữ.
Cụ thể:

+ Trong trường hợp giao tiếp bằng tiếng Anh với người nước ngoài có nền văn hóa khác, để tránh hiểu nhầm trong cuộc trò chuyện, sinh viên không nên sử dụng chuyển ngữ thường xuyên. Khi sử dụng chuyển ngữ, người nói cần trang bị kiến thức ngôn ngữ và văn hóa của cả hai ngôn ngữ đang sử dụng, bảo đảm rằng người giao tiếp (nước ngoài) hiểu được ý nghĩa của từ vựng hay cụm từ, câu bằng ngôn ngữ thứ nhất của người nói (sinh viên);

+ Trong các giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh, sinh viên không nên sử dụng chuyển ngữ thường xuyên vì sẽ ảnh hưởng đến kỹ năng ngôn ngữ như cách phát âm từ vựng hay thuật ngữ khó, tính trôi chảy lưu loát khi diễn đạt và thuyết trình bằng tiếng Anh trước đám đông;

+ Sinh viên phải xây dựng thói quen sử dụng ngôn ngữ thứ hai- tiếng Anh một cách hoàn toàn trong các giờ luyện Nói tại lớp và ngay cả ở nhà, tránh sử dụng chuyển ngữ - tiếng mẹ đẻ càng nhiều càng tốt. Phương pháp này sẽ giúp sinh viên có phản xạ nhanh khi giao tiếp bằng tiếng Anh với các sinh viên khác hay với giáo viên tại lớp;

+ Ngoài các giờ học trên lớp, sinh viên cần tự rèn luyện thêm kỹ năng Nói tại nhà với phương pháp độc thoại hay hội thoại với bạn bè, những người xung quanh có thể sử dụng tiếng Anh. Trong trường hợp này, sinh viên không nên sử dụng chuyển ngữ mà luôn phải cố gắng tự giải thích những thuật ngữ hay cụm từ bằng tiếng Anh, thậm chí có thể sử dụng từ điển Anh- Anh.

+ Sinh viên cần tham gia nhiều hoạt động ngoài lớp học như câu lạc bộ tiếng Anh, các cuộc thi hùng biện tiếng Anh ở cấp Khoa, cấp trường và cấp cao hơn để có thể rèn luyện kỹ năng Nói tốt cũng như trang bị kiến thức giao tiếp bằng tiếng Anh tốt hơn.

Tuy vậy, sinh viên có thể cân bằng việc sử dụng chuyển ngữ trong một số trường hợp sau đây:

+ Trong thời gian có giới hạn (50 phút/tiết học), với nội dung bài giảng dài với những khái niệm, thuật ngữ khó hiểu, sinh viên nên sử dụng chuyển ngữ để tiết kiệm thời gian giải thích từ vựng khó, ngoài ra có thể hiểu bài dễ dàng hơn ngay tại lớp học;

+ Khi luyện tập với những sinh viên có năng lực tiếng Anh kém hơn, nên thỉnh thoảng sử dụng chuyển ngữ để có thể giúp hay hỗ trợ sinh viên đó cùng phát triển kỹ năng Nói, như vậy sinh viên có năng lực ngôn ngữ kém hơn sẽ cảm thấy tự tin hơn và có động lực học tập cao hơn.

Đối với người dạy (giảng viên)

Nhằm giúp sinh viên nâng cao tính tự học, sự sáng tạo và động cơ học tiếng Anh tốt, giảng viên cần có kiến thức về chuyển ngữ cũng như hiểu biết về ưu nhược điểm để có thể sử dụng chuyển ngữ một cách hiệu quả nhất. Nói cách khác, giảng viên cần nhận thức được tiềm năng của chuyển ngữ trong dạy học ngôn ngữ.

+ Thứ nhất, việc lồng ghép chuyển ngữ vào quá trình giảng dạy ngôn ngữ nói chung và vào việc rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng cũng cần được xem xét để xác định ngữ cảnh nào có thể sử dụng chuyển ngữ mà không ảnh hưởng chất lượng giảng dạy tiếng Anh của giảng viên. Chẳng hạn, trong trường hợp phải giải thích những thuật ngữ hay khái niệm từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại, giảng viên có thể sử dụng chuyển ngữ để tiết kiệm thời gian cũng như truyền đạt kiến thức một cách dễ hiểu hơn cho sinh viên. Vì vậy, cần phải khuyến nghị giảng viên sử dụng chuyển ngữ hay tiếng mẹ đẻ trong những trường hợp giải thích khái niệm hay thuật ngữ mới chứ không nhất thiết chỉ hoàn toàn sử dụng 100% tiếng Anh trong lớp học.

+ Thứ hai, giảng viên nên cân nhắc mức độ sử dụng chuyển ngữ bao nhiêu trong giờ luyện nói tiếng Anh cho phù hợp và hiệu quả đối với sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất và năm thứ hai. Giảng viên cần phải tự quyết định việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong từng lớp học, từng đối tượng sinh viên và từng chủ đề bài giảng một cách thích hợp nhất. Ví dụ, đối với sinh viên năm thứ nhất, giảng

viên có thể sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện nói nhiều hơn so với năm thứ hai do kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên năm 1 mới vào trường còn nhiều hạn chế hơn.

+ Thứ ba, như đã đề cập ở chương mở đầu, kỹ năng Nói tiếng Anh là một trong những kỹ năng khó đối với cả giảng viên và sinh viên do môi trường dạy học ở Việt Nam thiếu người bản xứ nói tiếng Anh, vì vậy giảng viên cần đưa vào bài giảng nhiều tài liệu thực như sách báo, hình ảnh, video, phim,... trong đó tiếng Anh được sử dụng hoàn toàn để giảng viên có thể giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng Nói một cách tự nhiên, chính xác và tự nhiên như người bản xứ. Trong trường hợp này, giảng viên cần phải hạn chế tối đa việc sử dụng chuyển ngữ trong giờ học nói tiếng Anh.

+ Thứ tư, giảng viên nên hạn chế sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức tối đa. Giảng viên có thể dùng các hình thức khen thưởng như cho điểm tốt, tặng quà lưu niệm, bình chọn sinh viên có tài hùng biện, vv. để khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh càng nhiều càng tốt, đồng thời hạn chế sinh viên có thể lạm dụng chuyển ngữ để nói tiếng Việt nhiều qua việc phải hoàn thành một số bài tập hay nhiệm vụ khác trong giờ học.

+ Thứ năm, giảng viên cần phải chủ động phân chia hoạt động nhóm sinh viên bao gồm cả sinh viên giỏi và yếu kém để có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau luyện tập kỹ năng Nói tiếng Anh một cách tự nhiên. Trong trường hợp này, việc sử dụng chuyển ngữ được phát huy tối đa nhằm tạo không khí học tập thoải mái, gần gũi cho sinh viên, nâng cao động lực học tập của sinh viên cũng như cải tiến giờ dạy của giảng viên trở nên hấp dẫn, có chất lượng hơn.

+ Thứ sáu, bản thân người giảng viên cần thường xuyên tự rèn luyện bản thân sử dụng tiếng Anh, tránh thói quen tư duy bằng tiếng mẹ đẻ trong khi sử dụng ngôn ngữ thứ hai, đồng thời không ngừng học hỏi và tham gia các khóa học trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ sư phạm và chuyên môn.

Đối với cơ sở đào tạo

Cơ sở đào tạo nên thường xuyên lên kế hoạch, tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn và khóa học bồi dưỡng chuyên môn ngay từ đầu năm học để giúp giảng viên trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, chia sẻ những khó khăn gặp phải trong quá trình giảng dạy tiếng Anh

+ Trong thời gian do đại dịch Covid-19 hoành hành, khoa chuyên môn và nhà trường cần thống nhất chương trình và nội dung giảng dạy kỹ năng Nói trực tuyến, giới thiệu một số phần mềm ổn định và ít mắc lỗi cho giảng viên và sinh viên để hỗ trợ việc thực hành kỹ năng Nói

+ Đối với cơ sở vật chất dạy học, cơ sở đào tạo nên chuẩn bị máy tính và các thiết bị khác có nối mạng Internet với đường truyền ổn định để giảng viên có thể sử dụng để dạy kỹ năng Nói vừa trực tuyến và trực tiếp tốt;

+ Trong công tác phát triển chuyên môn, đặc biệt nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh, nhà trường cần khuyến khích giảng viên tham gia hay thực hiện các đề tài nghiên cứu sâu hơn nữa về việc sử dụng chuyển ngữ trong kỹ năng Nói tiếng Anh nói riêng và các kỹ năng ngôn ngữ khác như Nghe, Đọc, Viết nói chung. Việc giảng dạy luôn luôn đi kèm với việc nghiên cứu khoa học để có thể vận dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn một cách thiết thực và hiệu quả.

+ Tổ chức nhiều cuộc thi hùng biện tiếng Anh, Olympic tiếng Anh, tạo điều kiện câu lạc bộ tiếng Anh hoạt động có hiệu quả hơn tại trường để động viên sinh viên tích cực tham gia nhằm cải thiện và phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh cùng với các kỹ năng xã hội khác.

3. Ý nghĩa của nghiên cứu

Mặc dù đã có những công trình nghiên cứu về chuyển ngữ của các trường đại học khác của sinh viên các chuyên ngành khác như du lịch, công nghệ thông tin, vv., nghiên cứu này là công trình đầu tiên về vấn đề sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện nói tiếng Anh của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Công trình đã nghiên cứu nhiều vấn đề về sử dụng chuyển ngữ: thứ nhất, nhận thức của sinh viên về chuyển ngữ; thứ hai, thực trạng sử dụng chuyển ngữ của sinh viên liên quan đến tần

suất sử dụng, các loại chuyển ngữ được sử dụng, giai đoạn sử dụng trước-trong-sau giờ học của hai nhóm sinh viên khác nhau nên kết quả thu được cũng khác nhau; và thứ ba, ảnh hưởng của sử dụng chuyển ngữ đến việc rèn luyện kỹ năng Nói của sinh viên. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị đã đưa ra đối với sinh viên- người học, giảng viên- người dạy và cả cơ sở đào tạo trong việc sử dụng chuyển ngữ một cách hiệu quả nhằm cải thiện kỹ năng Nói cho sinh viên khoa tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nói riêng và các trường đại học tại Việt Nam nói chung.

4. Hạn chế của đề tài và định hướng nghiên cứu

Nghiên cứu này chỉ đề cập sử dụng chuyển ngữ của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh trong các giờ thực hành Nói 1 và Nói 3 nên vẫn còn một số hạn chế do ở các lớp thực hành Nói, một số giảng viên không khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giờ lớp học Nói, còn một số giảng viên để sinh viên tự do chọn lựa cách nói tự nhiên, vì vậy kết quả thu được ở các lớp cùng nhóm, ví dụ các lớp cùng nhóm 1 hay các lớp cùng nhóm 2 có kết quả không hoàn toàn cân xứng.

Hơn nữa, nghiên cứu chỉ mới được thực hiện đối với một kỹ năng Nói nên chưa khái quát được việc sử dụng chuyển ngữ trong các kỹ năng ngôn ngữ khác, đặc biệt kỹ năng Viết cũng sử dụng chuyển ngữ khá phổ biến.

Ngoài ra, thời gian thực hiện đề tài trong giai đoạn đại dịch Covid-19 bùng nổ ở Việt Nam cũng như trên thế giới, vì vậy việc lấy số liệu và dự giờ quan sát lớp học cũng gặp một số trở ngại cho nhóm nghiên cứu do một số lớp có tình trạng nhiều sinh viên vắng mặt. Mặt khác, số lượng sinh viên trong giờ luyện kỹ năng Nói quá đông (trên 40 sinh/lớp) nên nhóm nghiên cứu gặp trở ngại trong việc thu âm tất cả các hoạt động nói của toàn bộ sinh viên.

Định hướng nghiên cứu

Trong tương lai, đề tài nghiên cứu này còn có thể tiếp tục áp dụng cho các kỹ năng ngôn ngữ khác như kỹ năng Viết và khách thể nghiên cứu có thể

phát triển hơn về số lượng cũng như về các cấp độ ngôn ngữ khác nhau từ cấp độ B1, B2 và C1 theo khung tham chiếu đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu. Vì vậy, kết quả nghiên cứu thu được sẽ phong phú và đa dạng hơn cho các khách thể với các cấp độ năng lực ngôn ngữ khác nhau. Như vậy sẽ đóng góp vào việc cải thiện chất lượng dạy học ngành ngôn ngữ tiếng Anh cho sinh viên Đại học Ngoại ngữ Đại học Huế nói riêng và các đại học khác ở Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abad, L. (2005). Code-switching in the classroom: A clash of two languages. *Faculty Research Journal of Miriam College*. 36-52.
2. Abdolaziz, R., & Shahla, S. (2015). Teachers and students' perceptions of code switching in aviation language learning courses. *International Journal of Research Studies in Language Learning*, 5(3), 3-18.
3. Abdullah, A. A. (2010). Students' language attitude towards using code-switching as a medium of instruction in the college of health sciences: An exploratory study. *ARECLS*. Vol 7, 1-22
4. Auer, P. (1998). *Code switching in conversation: language, interaction and identity*. London:Routledge
5. Azlan N., M. N. I. and Narasumanb, S. (2013). The Role of Code-Switching as a Communicative Tool in an ESL Teacher Education Classroom. *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 90, 458 – 467.
6. Baker, C. (2006). Foundations of Bilingual Education and Bilingualism. *Multilingual Matters LTD*.
7. Bautista, M. L. (1986). English-Pilipino contact: A case study of reciprocal borrowing. *English in contact with other languages*, 491-510.
8. Blom, J. P., & Gumperz, J. J. (1972). Social meaning in linguistic structure: Code-switching in Norway. In J. J. Gumperz & D. Hymes (Eds.), *Directions in social linguistics: The ethnography of communication* (pp. 424-426). New York, NY: Holt, Rinehart and Winston.
9. Blom, J. P., & Gumperz, J. J. (2000). Social meaning in linguistic structure: Code-switching in Norway. In L. Wei (Ed.), *The bilingualism reader* (pp. 111-136). London, UK: Routledge.

10. Bloomberg, D. (2004). Code switching. English (ESL) Weblog. Retrieved February 21, 2020 from <http://www.usingenglish.com/weblog/archives/000157.html>.
11. Brown, H. D. (2000). *Principles of language learning and teaching* (4th ed.). White Plains, NY: Addison Wesley Longman.
12. Cajkler, W., & Addelman, R. (2000). *The practice of foreign language teaching* (2nd ed.). London, Great Britain: David Fulton Publishers.
13. Canagarajah, A. S. (1995). Functions of Code switching in ESL Classrooms: Socializing Bilingualism in Jaffna. *Journal of Multilingual and Multicultural Development*. 16(3), 173-195.
14. Cao, H.N.T (2016). Nghiên cứu việc sử dụng chuyển ngữ của sinh viên trong các lớp học tiếng Anh chuyên ngành dành cho nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại Trường Cao đẳng nghề du lịch Huế. *Luận văn Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh*.
15. Cheng, L., Butler, K. (1989). Code-switching : a natural phenomenon vs language “ deficiency”. *World Englishes*. DOI:10.1111/J.1467-971X.1989.TB00670.
16. Cole, S. (1998). The use of L1 in communicative English classrooms. *The Language Teacher*, 22,11-13.
17. Cook, V. (2001a). Using the first language in the classroom. *The Canadian Modern Language Review*, 57(3), 402-423. doi: 10.3138/cmlr.57.3.402
18. Cook V. (2001b). *Second language learning and language teaching*. Beijing: Foreign Language Teaching and Research Press and Edward Arnold (Publishers) Limited 2000.
19. Cook, V. (2008). *Second language learning and language teaching* (4th ed.). London, UK: Hodder Education.

20. Crawford, J. (2004). Language choices in the foreign language classroom: Target language or the learners' first language? *Regional Language Centre Journal*, 35(1), 5-20.
21. Dahl, T. I., Rice, C., Steffenson, M., & Amundsen, L. (2010). Is it language relearning or language acquisition? hints from a young boy's code-switching during his journey back to his native language. *International Journal of Bilingualism*, 490-510.
22. Dar, M. F., Akhtar, H., & Khalid, H. (2014). Code-switching in Pakistani English language classrooms: perceptions of English language teachers. *Journal of Social Sciences and Interdisciplinary Research*, 2 (2), 16–26.
23. Eastman, C. M. (1992). "Code switching as an Urban Language-Contact Phenomenon". *Journal of Multilingual and Multicultural Development* 13(1-2):1-17
24. Ellis, R. (2015). Oal: Understanding second language acquisition. (2nd edition: *Oxford applied linguistics*. Oxford University Press.
25. Fitriyani, I. D. (2013). Code-switching used by students in a speaking class activity. *LANGUAGE CIRCLE Journal of Language and Literature* Vol. VIII. Dian Nuswantoro University Semarang.
26. Forsyth, S. (2019). Code Switching in the ESL Classroom, retrieved from <https://eduhup.com/blog/code-switching-esl-classroom>.
27. Franklin, T.C. , Maricon, R.C. (2018). Code-switching and Students' Performance in English. *International Journal of English and Education*. ISN: 2278-4012, 7(4),406-419
28. Gardner-Chloros P. (2009). *Code-Switching*. Cambridge: Cambridge University Press; <https://doi.org/10.1017/CBO9780511609787>
29. Gumperz, J. J. (1982). *Discourse strategies* (Vol. 1). Cambridge University Press.

30. Hamers, F. & Blanc, M. (2000). *Bilinguality and Bilingualism*. Cambridge University Press: Cambridge.
31. Haugen, E. (1956). *Bilingualism in the Americas: A Bibliography and Research Guide*. Montgomery, AL: University of Alabama Press.
32. Hoffmann, C. (1991). *An introduction to bilingualism*. New York, NY: Longman.
33. Hopkins, D. (2002). *A Teacher's Guide to Classroom Research* (3rd ed.). Open University Press
- Horasan, S. (2014). Code-switching in EFL classrooms and the perceptions of the students and teachers. *Journal of Language and Linguistic Studies*, 10 (1), 31–45.
34. Horasan, S. (2014). Code-switching in EFL classrooms and the perceptions of the students and teachers. *Journal of Language and Linguistic Studies*, 10 (1), 31–45.
35. Jenkins, J. (2009). *World Englishes: A Resource Book for Student* (2nd Ed.). London: Routledge.
36. Kang, D.M. (2013). EFL teachers' language use for classroom discipline: A look at complex interplay of variables. *System*, 20, 1-15. doi: 10.1016/j.system.2013.01.002
37. Kaschula, R. & Anthonissen, C. (1995). " Code switching and code mixing ". In *Communicating across cultures in South Africa*. Johannesburg: Hodder & Stoughton.
38. Karen, K. Y. C. (2003). Code-switching for a purpose: Focus on pre-school Malaysian children. *Multilingua*, 22, 59-77.
39. Krashen, S. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Oxford Pergamon. Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Addison-Wesley Longman Ltd Lightbown PM. L2 Instruction: time to teach. *TESOL Q* 2001, 2(35), 598-99.

40. Lee, C. (2006). *Language for learning Mathematics: Assessment for learning in language*. New York: Open University Press, McGraw Hill.
41. Levine, G. (2003). Student and instructors beliefs and attitudes about target language use, first language use, and anxiety: Report of a questionnaire study. *The Modern Language Journal*, 87(3), 343-364.
42. Ling, L. Y., Jin, N. Y., Tong, C. S., Tarmizi, M. A., & Sahiddan, N. (2014). Influence of an English Lecturer's code-switching practice on Students' Confidence in the subject. *International Journal of Asian Social Science*, 4(2), 226-233.
43. Liu, D., Ahn, G. S., Baek, K. S., & Han, N. O. (2004). South Korean High School English Teachers' Code Switching: Questions and Challenges in the Drive for Maximal Use of English in Teaching. *TESOL QUARTERLY*, 38(4), 605-638.
44. Macaro, E. (2000). Issues in target language teaching in K. Field (Ed.). *Issues in Modern Foreign Language Teaching*, London: Routledge, 171-189.
45. Macaro, E. (2001). Analysing Student Teachers' Codeswitching in Foreign Language Classrooms: Theories and Decision Making. *The Modern Language Journal*, 85(4), 531-548.
46. Macaro, E. (2014). Overview: Where should we be going with classroom code-switching research? In R. Barnard & J. McLellan (Eds.), *Code-switching in university English-medium classes*. Bristol, UK: Multilingual Matters, 10-23.
47. Martin-Jones, M. (1995). Codeswitching in the Classroom: Two Decades of Research. In L. Milroy, P. Muysken. (Eds.), *One speaker, two languages: Cross-disciplinary perspective on code-switching*. Cambridge: Cambridge University Press, 90-111.

48. Metila, R. A. (2009). Decoding the Switch: The Functions of Code switching in the Classroom. *Education quarterly*. 67 (1), 44-61.
49. Merritt, M. et al. (1992). Socialising Multilingualism: Determinants of Codeswitching in Kenyan Primary Classrooms. *Journal of Multilingual and Multicultural Development*. 13 (1&2), 103-121.
50. Milk, R. (1981). An analysis of the functional allocation of Spanish and English in a bilingual classroom. *C. A. B. E. Research journal* 2(2), 11-26.
51. Moghadam, S. H., Samad, A. A., & Shahraki, E. R. (2012). Code Switching as a Medium of Instruction in an EFL Classroom. *Theory and practice in Language studies*, 2 (11), 2219-2225.
52. Moore, D. (2002). Code Switching and learning in the classroom. *International Journal of Bilingual Education and Bilingualism*, 279-293.
53. Myers-Scotton, C. (1988). Code Switching as Indexical of Social Negotiations. In M. Heller (Ed.). *Code-switching: Anthropological and sociolinguistic perspectives*. Berlin, Germany: Mouton de Gruyter, 151-186.
54. Muysken, P. (2004). Two linguistic systems in contact: Grammar, phonology and lexicon. In K. T. Bhatia & C. W. Ritchie (Eds.), *The handbook of bilingualism*. Malden, MA: Blackwell, 147-168.
55. Nguyen, H. T., Grainger, P. & Carey, M. (2016). Code-switching in English Language Education: Voices from Vietnam.
56. Nguyen, Q.T. (2014). English-Vietnamese Code-switching in Tertiary Context in Vietnam. *Asian Englishes – An International Journal of the Sociolinguistics of English in Asia/Pacific*. 15(2). 4-29.
57. Nguyen, T.H. (2013). Vietnamese University EFL teachers' code-switching in classroom instruction. *A PhD thesis in Institute of Culture, Discourse and Communication School of Language and Culture at Auckland University of Technology*.

58. Nguyen, T.P (2012). English-Vietnamese bilingual code-switching in conversations: How and why. *Hawaii Pacific University TESOL Working Paper Series* 10, 40-53. Website: <http://www.hpu.edu>
59. Nguyen, T.T.T., & Phan, T.T.T. (2019). An investigation into code-switching by EFL students in information technology classes at Phu Xuan University, Hue City. Viettesol 2019. *MA Dissertation of Theory and TESOL methodology*.
60. Poplack, S. (1980). Sometimes I'll start a sentence in Spanish Y TERMINO ESPANOL: Toward a typology of code-switching. *Linguistics*, 18(7-8), 581-618. doi: 10.1515/ling.1980.18.7-8.581.
61. Richards, J. C. & Lockhart, C. (1994). *Reflective teaching in second language classrooms*. New York: Cambridge University Press.
62. Rukh, S. (2014). A comparative study of students' attitude towards EFL teachers' code-switching/ code-mixing to L1: A case of Commerce and English Discipline students. *International Journal of Research in Social Sciences*, 4(3), 526-538.
63. Rukh, S., Saleem, N., Javeed, H. G. M., & Mehmood, N. (2014). Students' Attitudes towards Teachers' Code-Mixing/Code-Switching to L1 and Its Influence on Their L2 Learning: A Case of Business Students in Sargodha. *International Journal of Science and Research*, 3(5), 1111–1116.
64. Sert, O. (2005). The functions of code switching in ELT classrooms. *The Internet TESL Journal*, Vol. XI, No. 8. Retrieved February 27, 2010, from <http://iteslj.org/Articles/Sert-CodeSwitching.html>.
65. Söderberg A. J. and Jørgensen, J. N. (2003). Code-switching as a Communication, Learning, and Social Negotiation Strategy in First-year Learners of Danish. *International Journal of Applied Linguistics*. 13(1), 23-53.

66. Stern, H. H. (1992). *Issues and options in language teaching*. Oxford, UK: Oxford University Press.
67. Thai, D.B. (2005). Preliminary observations on a “migrant Vietnamese. *Faculty of Asia Studied*. The Australia National University.
68. Tran, T. A.T. (2018). Translation –Interpretation students’ perception and practice of code-switching in translation classes at Hue University of Foreign Languages. *Bachelor dissertation at HUFL*.
69. Tran, T.C. (2012). Code -mixing of English in Hoa Hoc Tro magazine in Vietnam: Patterns and readers’ attitudes. *MA thesis of English Linguistics*.
70. Tran, T. T. P. (2013). A study on Vietnamese- English code-switching as a communication device in conversations at workplaces. *Master of Arts in social sciences and humanities*.
71. Tsukamoto, M. (2012). Students’ perception of teachers’ language use in an efl classroom. Retrieved from <http://ir-lib.wilmina.ac.jp/dspace/bitstream/10775/2438/1/d201108.pdf>.
72. Valdes-Fallis, G. (1977). Code-switching among bilingual Mexican-American women: Towards an understanding of sex- related language alternation. *International Journal of the Sociology of Language*, 7, 65-72.
73. Van Lier, L. (1996). Conflicting voices. In K. Bailey and D. Nunan (eds) *Voices from the Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
74. Wardhaugh, R. (1992). *An introduction to sociolinguistics* (2nd ed.). Oxford, UK: Blackwell.
75. Yataganbaba, E., & Yildirim, R. (2015). EFL Teachers’ Code Switching in Turkish Secondary EFL Young Language Learner Classrooms. *International Journal of Linguistics*, 7(1), 82-96.

76. Yamat, H., Maarof, N., Maasum, T., Zakria, E., & Zainuddin, E. (2011). Teachers' codeswitching as scaffolding in teaching content area subjects'. *World Applied Science Journal*, 18-22.
77. Yletyinen, H. (2004). *The functions of codeswitching in EFL classroom discourse*, p. 53-95
78. Yusuf, Y. Q. (2009). A pragmatics analysis of a teacher's code-switching in a bilingual classroom. *The Linguistics Journal*, 4(2), 6-39.

Weblinks:

Wikipedia, The free encyclopaedia, 2009. Vietnamese language. [Online]. Available at: http://en.wikipedia.org/wiki/Vietnamese_language [Accessed 12 January 2010]

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BẢNG KHẢO SÁT DÀNH CHO SINH VIÊN

Bảng khảo sát tình hình sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh nhận biết và sử dụng chuyên ngữ trong các giờ luyện kỹ năng Nói tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Chào các bạn sinh viên!

Nhằm thu thập dữ liệu cho đề tài nghiên cứu khoa học “*Khảo sát việc sử dụng chuyên ngữ tại các lớp Nói tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*”, chúng tôi mong muốn các bạn cung cấp thông tin qua phiếu khảo sát bên dưới.

Các bạn vui lòng chọn những câu trả lời phù hợp nhất với thực tế học tập và việc sử dụng chuyên ngữ của các bạn trong lớp học Nói tiếng Anh. Mỗi câu hỏi có 5 lựa chọn được đánh số từ 1-5. Các câu trả lời sẽ hoàn toàn được giữ kín và chỉ phục vụ cho mục đích của đề tài nghiên cứu này.

Sự hợp tác của các bạn là những đóng góp rất quan trọng cho sự thành công của đề tài này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các bạn.

Nhóm nghiên cứu

Mã của người trả lời:....

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Vui lòng cung cấp một số thông tin cá nhân cho những câu hỏi sau:

1. Giới tính : Nam Nữ
2. Bạn đang học năm học nào:
 Năm thứ nhất Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 4
3. Bạn đã học tiếng Anh bao nhiêu năm trước khi tham gia khóa học này??
 1-2 năm 3-5 năm 6-9 năm trên 9 năm
4. Bạn từ đâu đến?
 Thành phố Huế Ngoại thành Huế Các tỉnh thành khác

B. THÔNG TIN KHẢO SÁT:

Xin đánh dấu x vào câu trả lời được chọn:

1. Kiến thức của sinh viên về chuyên ngữ (CS) trong lớp nói tiếng Anh?
(1- Hoàn toàn không đồng ý 2- Không đồng ý 3- Trung lập 4 - Đồng ý
5- Hoàn toàn đồng ý)

	Định nghĩa	1	2	3	4	5
a	Chuyển ngữ là sự thay đổi cách sử dụng hai ngôn ngữ (thậm chí hơn hai ngôn ngữ) trong cùng một cuộc đàm thoại trong phạm vi từ, mệnh đề hay câu (Grosjean, 1982).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	Chuyển ngữ là một tập hợp các quy ước để chuyển đổi một hệ thống tín hiệu này thành một hệ thống khác trong ngôn ngữ (Crystal, 2003)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Chuyển ngữ được định nghĩa là các hình thức ngôn ngữ nói được dùng trong quá trình học tập nhằm giới thiệu, khái quát và củng cố các mối quan hệ đặc biệt với môi trường và do đó tạo ra các hình thức mang ý nghĩa cụ thể (Bernstein, 1971)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Chuyển ngữ là một thuật ngữ phổ biến được sử dụng để thay thế hai hoặc nhiều ngôn ngữ, nhiều loại ngôn ngữ hoặc thậm chí thay thế cách diễn đạt (Hymes, 1974)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2. Phân biệt chuyển ngữ và từ vay mượn

	Những ví dụ nào sau đây đã sử dụng chuyển ngữ	1	2	3	4	5
a	Could you open the book, <i>làm ơn!</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	I'm going to Hanoi tomorrow, <i>ái dà</i> (chỉ sự mệt mỏi)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	- Could you please show me the way to the railway station? - Are you Vietnamese? - Yes. <i>Đúng rồi</i> . Thật vui khi gặp được một người Việt ở đây	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	- Hi, <i>mọi người</i> . I am a new student here (in an English club)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	- Why were you absent from school yesterday, Mai?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	- I have been to a beauty's salon. I have just <i>xỏ lỗ tai</i> (ear piercing)...					
f	- What are some specialities in your hometown, Hong? - There is a variety of foods like <i>bún bò</i> (beef noodle), <i>chè</i> (sweet soup), <i>bánh bèo</i> , <i>bánh lọc</i> , and so on.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3. Lý do sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong lớp học Nói tiếng Anh

a	Thiếu từ vựng trong ngôn ngữ thứ hai khiến SV phải dùng chuyển ngữ (tiếng mẹ đẻ) (e.g. I have just <i>xỏ lỗ tai</i> ...)	1	2	3	4	5
b	Cảm thấy tự do và thoải mái hơn khi thể hiện cảm xúc của SV bằng ngôn ngữ hàng ngày của họ (tiếng mẹ đẻ) (e.g. What a boring day! Uhm, <i>chán như con gián</i> (I was bored to death)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Trích dẫn hoặc nói một câu nói nổi tiếng bằng tiếng mẹ đẻ (ví dụ: -I don't know how to deal all these problems. -Don't worry! <i>Cái khó ló cái khôn</i> (Adversity is the mother of wisdom)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Thán từ (chèn một số từ hoặc câu trống, ví dụ, <i>Đạ</i> , I understand what you (the teacher) say)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Lặp lại một số từ để làm rõ (ví dụ, Could you tell me what <i>com hén</i> means in English, <i>com hén nghĩa là gì?</i>)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f	Để nói trôi chảy và nhanh hơn (e.g. The speaking topic today is Love. When you love two persons at the same time, what will happen? - <i>Lắm mới tới năm không</i> , it means you won't be loved by anyone.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

4. Tần suất sử dụng chuyển ngữ của sinh viên trong các giờ luyện nói tiếng Anh

		1	2	3	4	5
a	Tôi không bao giờ sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	Tôi hiếm khi sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh (một hay hai lần trong 2 tiết)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Thỉnh thoảng tôi sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh (4-5 lần trong 2 tiết)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Tôi thường xuyên sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh (6-8 lần trong 2 tiết)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Tôi luôn luôn sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh (hơn 9 lần trong 2 tiết)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5. Trong giai đoạn nào của giờ học tiếng Anh sinh viên sử dụng chuyển ngữ?

		1	2	3	4	5
a	Trước– giờ học nói (khi tham gia một vài hoạt động khởi động)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	Trong– giờ học nói (khi thảo luận hay nói chuyện hay trình bày trước lớp)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Sau– giờ học nói	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

6. Các loại chuyển ngữ được sinh viên sử dụng trong các giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh

		1	2	3	4	5
a	Chuyển ngữ liên câu xảy ra khi điểm chuyển rơi vào ranh giới giữa các mệnh đề hay câu - Please install this software, I think it goes smoothly. -What do you mean? Nó chạy mượt lắm!	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

b	Chuyển ngữ ngang câu xảy ra khi điểm chuyển trong ranh giới của mệnh đề hoặc câu <i>I feel tired today, mệt muốn chết đi được!</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Chuyển phụ cú- Tag switching- xảy ra hoặc ở cuối câu, hay từ hoặc cả hai. <i>If you finish your homework, please give me a hand, ai dà!</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7. Ích lợi của việc sinh viên sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện nói tiếng Anh

a	Giải thích từ mới	1	2	3	4	5
b	Giải thích các điểm ngữ pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Hướng dẫn các hoạt động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Kiểm tra mức độ hiểu bài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Bình luận hoặc cho ý kiến nhận xét các SV khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f	Đùa giỡn với các SV khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g	Thảo luận với các SV khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
h	Dịch các bài tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8. Hạn chế của sử dụng chuyển ngữ với đánh giá của GV đối với SV trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh

		1	2	3	4	5
a	SV không được phép sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	SV không thường xuyên được hỗ trợ từ GV khi sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	SV được yêu cầu cần tránh sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

d	SV thường được nhận điểm thấp vì luôn sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện kỹ năng Nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Sử dụng chuyển ngữ không thể cải thiện kỹ năng nói cho SV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f	8f. Sử dụng chuyển ngữ khiến SV quá phụ thuộc vào tiếng mẹ đẻ và bị hạn chế khi giao tiếp bằng tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

9. Những hạn chế của sử dụng chuyển ngữ theo đánh giá của SV trong giờ luyện kỹ năng nói tiếng Anh?

		1	2	3	4	5
a	Khả năng ngoại ngữ của SV còn hạn chế do thường sử dụng chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b	Thiếu tự tin khi nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Thiếu sự trôi chảy trong khi Nói tiếng Anh với các SV hoặc giảng viên khác trong lớp nói tiếng Anh Học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Sinh viên thường đạt điểm thấp trong bài kiểm tra hoặc kỳ thi nếu họ sử dụng chuyển ngữ quá nhiều lần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Sinh viên cảm thấy lo lắng hoặc căng thẳng nếu họ sử dụng chuyển ngữ trong lớp nói tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f	Sinh viên có thể cải thiện kỹ năng nói bằng cách sử dụng chuyển ngữ trong trường hợp họ gặp một số khó khăn trong việc đánh vần các thuật ngữ mới hoặc từ mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

10. Kiến nghị của SV về việc sử dụng chuyển ngữ trong giờ luyện nói tiếng Anh

		1	2	3	4	5
a	Để tránh hiểu nhầm trong cuộc trò chuyện, không nên sử dụng chuyển ngữ khi bạn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	giao tiếp với người nước ngoài có văn hóa khác					
b	Chuyển ngữ nên được sử dụng như một phần không thể thiếu trong các giờ học tiếng Anh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c	Sử dụng chuyển ngữ trong một trường hợp nào đó khi bạn gặp khó khăn khi tiếp tục trò chuyện bằng ngôn ngữ thứ hai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d	Trước khi sử dụng chuyển ngữ, bạn nên xem xét kỹ năng lực ngôn ngữ, nền tảng và các tình huống xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e	Chuyển ngữ không được sử dụng trong các lớp học chuyên môn tiếng Anh vì kỹ năng tiếng Anh sẽ bị giảm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f	Chuyển ngữ có thể giúp sinh viên cải thiện kỹ năng giao tiếp khi thuyết trình trước đám đông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHỤ LỤC 2. CÂU HỎI PHÒNG VẤN CHÍNH

Cám ơn các em đã tham gia vào quá trình phỏng vấn, cung cấp thông tin thực tế về bản thân và nhận thức, hiểu biết và thực trạng sử dụng chuyển ngữ trong các giờ học Nói tiếng Anh. Các thông tin các em cung cấp sẽ góp phần vào việc thực đề tài nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng sử dụng chuyển ngữ trong việc luyện kỹ năng Nói tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Mọi thông tin cá nhân sẽ được giữ tuyệt mật.

Người được phỏng vấn: Khoảng thời gian:phút

Địa điểm: Phỏng vấn bắt đầu:

Ngày tháng:

Phỏng vấn kết thúc: Khoảng thời gian thực của phỏng vấn:phút

1. Em có thường xuyên sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh không? Tại sao có/ Tại sao không?
2. Nếu không, tại sao sinh viên không nên sử dụng chuyển ngữ (tiếng mẹ đẻ) trong các giờ luyện nói tiếng Anh?
3. Nếu có, sinh viên nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các giờ luyện nói tiếng Anh trong những trường hợp nào? (gợi ý: để giải thích từ mới/giải thích các điểm ngữ pháp/ đưa ra hướng dẫn...Đặc biệt khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong những trường hợp nào?)
4. Tại sao sinh viên nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong những tình huống này? (gợi ý: giúp học sinh hiểu rõ hơn / tiết kiệm thời gian hơn)
5. Tần suất mà sinh viên nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các giờ luyện nói tiếng Anh như thế nào? (gợi ý: hiếm khi / đôi khi / thường xuyên...)
6. Em thấy được những ích lợi nào khi sử dụng tính năng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh?
7. Em thường gặp khó khăn gì khi sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh?

9. Những hạn chế nào của việc sử dụng chuyển ngữ mà em gặp phải?
8. Em có những đề xuất gì về việc sử dụng chuyển ngữ trong các giờ luyện nói tiếng Anh ? Tại sao?

PHỤ LỤC 3

CÁC LOẠI CHUYỂN NGỮ ĐƯỢC SINH VIÊN NĂM 1 SỬ DỤNG TRONG GIỜ LUYỆN NÓI TIẾNG ANH

STT	CHUYỂN NGỮ	LOẠI
1.	Today I, I tell you about my best friend, <i>bạn thân hả?</i>	Chuyển ngang câu
2.	<i>Nơi ở, là accommodation, đúng không?</i>	Chuyển ngang câu
3.	<i>Hầu hết tất cả mọi người là most of people, đi du lịch, go to travel or study</i>	Chuyển ngang câu
4.	I feel happier. Can you tell me more, <i>được không...?</i>	Chuyển ngang câu
5.	Then you can give your opinion. <i>Đừng nói dài quá.</i>	Chuyển liên câu
6.	Who will talk? <i>Đại diện một người nói</i>	Chuyển liên câu
7.	Being dependent makes everyone nervous. <i>Còn chi nữa không?</i>	Chuyển liên câu
8.	<i>Trước tiên nói về study ở đâu, school nào, future job là cái gì</i>	Chuyển ngang câu
9.	Making friends plays an important role in people's life. <i>Bây giờ mình cho ví dụ.</i>	Chuyển liên câu
10.	I would like to tell you about my friends. <i>Hỏi cái chi trước hè?</i>	Chuyển liên câu
11.	My best friend comes from Thanh Hoa, <i>địa chỉ mô hè?</i>	Chuyển liên câu
12.	À, where is she from?	Chuyển phụ cú
13.	Let make a conversation. <i>Làm hội thoại 4 người à?</i>	Chuyển liên câu
14.	Today we will talk about the friendship. <i>Bạn hỏi hay mình hỏi trước?</i>	Chuyển liên câu
15.	I think friendship is very necessary in our life. Xong rồi. Making friends is good way.	Chuyển phụ cú
16.	What do you think about friendship? <i>Nói giống như cô nói...</i>	Chuyển liên câu
17.	<i>Bạn thân là người play and understand được.</i>	Chuyển ngang câu
18.	We know each other, <i>biết nhau, hoặc quen nhau...about 10 years</i>	Chuyển ngang câu
19.	We have known each other, <i>dùng thì Hiện tại hoàn thành chơ.</i>	Chuyển liên câu

20.	<i>Ri-ra thì</i> We have known each other for 10 years.	Chuyển phụ cú
21.	<i>Hôm qua cô ấy có chuyến bay vào SG,</i> là yesterday she flew or travelled to SG by plane?	Chuyển ngang câu
22.	Today I will introduce my best friend, <i>ý mình nói,</i> her name is Lan.	Chuyển phụ cú
23.	<i>Mình sẽ hỏi tên chơi?</i> No, you will ask me first.	Chuyển liên câu
24.	<i>Sau đó bạn hỏi, tên gì, quen được bao lâu,</i> what's her name? How long have you known each other?	Chuyển liên câu
25.	What's your best friend's name? How long have you known each other? <i>nói ri-ra được chưa?</i>	Chuyển liên câu
26.	My best friend is Nhi. We've known for 5 year. <i>Nói đại nói khan ri-ra.</i>	Chuyển liên câu
27.	She is the first year student, <i>năm thứ nhất,</i> at the university.	Chuyển ngang câu
28.	<i>Xong rồi hỏi,</i> which university is she studying at?	Chuyển phụ cú
29.	<i>Sau đó hỏi,</i> how long have you known each other?	Chuyển phụ cú
30.	Open the book, <i>hôm ni học Unit 3 rồi</i>	Chuyển phụ cú
31.	Describe a special thing in your life. <i>Mình mới mở đầu, chưa mô tả...</i>	Chuyển ngang câu
32.	Special thing là cái chi hè?	Chuyển ngang câu
33.	A special gift, <i>như là,</i> a book, a smartphone, a watch?	Chuyển phụ cú
34.	Initial nghĩa là ban đầu đúng không?	Chuyển ngang câu
35.	“Some international organizations” phải nói gì hè?	Chuyển ngang câu
36.	We have to say about some clubs, <i>gồm thành viên, hoạt động</i>	Chuyển ngang câu
37.	<i>Thì nói</i> there are 15 members in our club, they are students	Chuyển phụ cú
38.	They often do some voluntary work at weekend, such as clean the streets and rivers, <i>xong rồi thì...</i>	Chuyển phụ cú
39.	They support our school's activities, <i>làm gì hè?</i>	Chuyển ngang câu
40.	What is the name of the organization “Sao Bắc Đẩu”? <i>nói tên tiếng Anh hay tiếng Việt ri-ra?</i>	Chuyển liên câu
41.	How many people are there in this organization? <i>300 người, hay 8-9 trăm</i>	Chuyển liên câu
42.	This organization is located in Hue, <i>à của Đại học Huế</i>	Chuyển liên câu

43.	Which skills? <i>Kỹ năng chi mi?</i>	Chuyển liên câu
44.	They organize some activities, for example, games, <i>các hoạt động ngoại khóa, ...</i>	Chuyển ngang câu
45.	They organize <i>các buổi thiện nguyện</i>	Chuyển ngang câu
46.	They organize outdoor activities, <i>hoạt động ngoài trời</i>	Chuyển ngang câu
47.	They can dance, sing, <i>các kiểu loại đó...</i>	Chuyển ngang câu
48.	When was this organization founded? In October, <i>năm mấy hè?</i>	Chuyển liên câu
49.	<i>Kỹ năng gì nhi?</i> Leadership skills	Chuyển liên câu
50.	Could you tell me some tips to make friends with other people? <i>Mẹo ấy!</i>	Chuyển phụ cú
51.	If I am a, <i>kiểu người khép kín, quiet person</i>	Chuyển ngang câu
52.	If I am a shy people, <i>câu ni nói trước</i>	Chuyển liên câu
53.	Describe a personality <i>và Hobbies</i>	Chuyển phụ cú
54.	If I receive a lot of information, <i>mình không biết nói gì.</i>	Chuyển liên câu
55.	<i>Hội là society, đúng không?</i>	Chuyển ngang câu
56.	It's easy to interact, <i>nghĩa là?</i>	Chuyển ngang câu
57.	Get more opportunities to <i>kiếm việc làm.</i>	Chuyển ngang câu
58.	Have more opportunities, to get a job, <i>ko nhớ ghi sao nữa.</i>	Chuyển liên câu
59.	<i>Còn bắt kịp sự phát triển cũng được,</i> to keep up with the development	Chuyển liên câu
60.	<i>Tôi chưa có cơ hội, nhưng</i> in the future I will have	Chuyển liên câu
61.	In your country, do students have art class, <i>học vẽ ở trường?</i>	Chuyển liên câu
62.	Yes, they learn it in primary school <i>và secondary school students được...</i>	Chuyển phụ cú
63.	They are taught drawing, <i>mỹ thuật.</i>	Chuyển ngang câu
64.	<i>Hỏi đi!</i> I think Yes, in my opinion, art class in school helps student relax, improves drawing skill and makes students happy.	Chuyển phụ cú
65.	<i>Tiểu học là elementary hoặc primary school?</i>	Chuyển ngang câu

66.	Do students learn much art at <i>trường tiểu học</i> ?	Chuyển ngang câu
67.	Yes, primary school and junior high school students are taught how to draw, <i>đúng không cô?</i>	Chuyển ngang câu
68.	Does your country have a traditional type of art? <i>Kiểu nghệ thuật đó</i>	Chuyển liên câu
69.	Tell what material do people use to make it? I think it's made of oil material, <i>tranh sơn dầu là sao?</i>	Chuyển liên câu
70.	Oil painting , <i>chắc rứa.</i>	Chuyển phụ cú
71.	<i>Hỏi tiếp</i> , so is it important to have art class at school?	Chuyển phụ cú
72.	I will take glasses. Why? Because I can't see anything without glasses. <i>Kính là vật đặc biệt của tôi.</i>	Chuyển phụ cú
73.	You have bring one thing with you, <i>Của đi thay người</i>	Chuyển liên câu
74.	<i>Còn mình</i> , I will take smartphone maybe because I can't contact someone	Chuyển phụ cú
75.	You have to answer question. <i>Mỗi đưa ghi 1 câu</i>	Chuyển ngang câu
76.	<i>Hỏi giống như cô nói:</i> What will you bring with you when the storm?	Chuyển liên câu
77.	What do you like to draw? <i>Tôi chưa có cơ hội</i> , but in the future I will draw a portrait	Chuyển ngang câu
78.	You can draw whatever you like, <i>ngoại trừ</i> , landscape	Chuyển phụ cú
79.	Hi Thu, do children in your country have art class at school? <i>Học vẽ ở trường?</i>	Chuyển liên câu
80.	Do they join the art class at school? <i>Có không nhĩ?</i>	Chuyển liên câu
81.	<i>Có mà.</i> Yes, in my primary school and secondary school, students are taught how to draw.	Chuyển phụ cú
82.	<i>Ừ</i> , I remember students are taught about famous artists and how to draw. How about your school?	Chuyển phụ cú
83.	<i>Mình chọn 1 trong 3 chủ đề ni thôi.</i> In my opinion, art class in school helps student relax, improve drawing skills	Chuyển liên câu
84.	And art makes students happy. <i>Hỏi lại đi!</i>	Chuyển liên câu
85.	I know they don't like drawing, but they want to see other drawing. <i>Sao nữa?</i>	Chuyển liên câu
86.	<i>Câu ni nè</i> , in primary school students study art.	Chuyển phụ cú
87.	It's established in <i>ở đây à?</i>	Chuyển ngang câu

88.	It's established in 2010. <i>Nói năm thôi.</i>	Chuyển liên câu
89.	Have you finished? Yes? <i>bạn xong chưa?</i>	Chuyển liên câu
90.	I will tell you about phobia, <i>nỗi ám ảnh</i>	Chuyển liên câu
91.	Which problems does the only child, <i>con một</i> , have?	Chuyển phụ cú
92.	Any thing else? <i>Còn gì không hè?</i>	Chuyển ngang câu
93.	Why do people scare something? <i>Vì sao sợ?</i>	Chuyển liên câu
94.	I think it's a genetic problem. <i>Di truyền.</i> Many people in my family are afraid of blood.	Chuyển ngang câu
95.	Right. Some people are afraid of dogs, <i>vì vậy</i> , they cannot go out at night. Others scare snakes.	Chuyển phụ cú
96.	<i>Chịu</i> , I don't know.	Chuyển phụ cú
97.	This video talks about phobia, <i>trong video nó nói về sợ máy con</i>	Chuyển liên câu
98.	Many people are afraid of ghost. <i>Sợ chi?</i>	Chuyển liên câu
99.	The best way to deal with phobia là ...	Chuyển phụ cú
100.	It makes them nervous, <i>ý mình là phobia</i>	Chuyển phụ cú
101.	What are you afraid of ? <i>Sợ ma? Ko mình sợ lớn lên</i>	Chuyển liên câu
102.	When I grow up, I am afraid of... <i>bữa nay lớn rồi, thì sợ cô, sợ lớn, sợ trưởng thành</i>	Chuyển liên câu
103.	<i>Suy nghĩ</i> measure nào! Which one do you think is more common?	Chuyển phụ cú
104.	In my opinion people are afraid of dogs, people, public speaking, <i>sợ chi nữa hè?</i>	Chuyển liên câu
105.	The best way to deal with is that people can find their family's support, <i>hỗ trợ</i>	Chuyển ngang câu
106.	It makes them confident, <i>ý mình sự hỗ trợ</i>	Chuyển liên câu
107.	A lot of people have phobia with public speaking, <i>nói trước đám đông</i>	Chuyển liên câu
108.	I am afraid of listening story about ghosts, <i>mình sợ nghe chuyện ma</i>	Chuyển liên câu
109.	Play the role as a doctor and a patient dealing with the phobia disease. <i>Đóng vai à?</i>	Chuyển liên câu
110.	I have some phobia, I scare something, I don't know How did you feel? <i>cái này không trả lời hiện tại mà quá khứ chơ?</i>	Chuyển liên câu
111.	I felt nervous. <i>Đúng không?</i>	Chuyển liên câu
112.	<i>Trả lời xong thì nói</i> Why should I do now?	Chuyển ngang câu

113.	I should prepare something, <i>trình bày lý do hả?</i>	Chuyển ngang câu
114.	<i>Rồi hỏi bác sĩ: “ What are you worried about your phobia?”</i>	Chuyển ngang câu
115.	I have a phobia, I scare of public speaking, I feel so nervous when I stand in front of many people. My heart beat quickly, I am so nervous, I fail, <i>hay fell hề?</i>	Chuyển phụ cú
116.	Fail <i>Thất bại ấy</i>	Chuyển liên câu
117.	So could you give some advice? <i>Khuyên đi!</i>	Chuyển liên câu
118.	<i>Nhưng</i> what do I do to solve that problem?	Chuyển phụ cú
119.	In front of mirrors, <i>gương</i> , you should repeat something many times.	Chuyển phụ cú
120.	Describe, <i>mô tả</i> , something that’s very important and contribute to improve your life.	Chuyển phụ cú
121.	It’s very important to me, <i>cái chi hề?</i>	Chuyển liên câu
122.	I have a habit of collecting things. <i>Hỏi đi.</i>	Chuyển liên câu
123.	What do you collect? <i>À</i> what kind of things do you often collect?	Chuyển phụ cú
124.	If storm occurs in your city, what will you collect? <i>Trả lời đi!</i>	Chuyển liên câu
125.	I will collect smart phone, because it <i>là phương tiện duy nhất</i> , to contact other people	Chuyển ngang câu
126.	And they can know my problems and where I am, <i>mình muốn nói</i>	Chuyển phụ cú
127.	and they know my situation, <i>nói thêm chi nữa?</i>	Chuyển liên câu
128.	I think so, <i>mình nghĩ giống bạn.</i>	Chuyển liên câu

PHỤ LỤC 4

CÁC LOẠI CHUYỂN NGỮ ĐƯỢC SINH VIÊN NĂM 2 SỬ DỤNG TRONG GIỜ LUYỆN NÓI TIẾNG ANH

1.	Do you know any aphorism, <i>là gì nhỉ?</i>	Chuyển liên câu
2.	We use aphorism, <i>cách ngôn hay ngôn ngữ</i> , to express wisely our opinion.	Chuyển phụ cú
3.	Today I will talk about some extreme sports such as cliff diving, rappelling, sky diving, parasailing, it means " <i>dù lượn</i> "	Chuyển phụ cú
4.	Can you describe this kind of sport, <i>dù lượn</i> , I can't imagine.	Chuyển phụ cú
5.	What about "rappelling"? Mountain climbing? <i>Nghĩa là leo dốc?</i>	Chuyển liên câu
6.	What do you think about criminal identity theft nowadays? <i>à ha, a common problem.</i>	Chuyển phụ cú
7.	Is there any technology that can be used to help people avoid , <i>gì nhỉ</i> , phishing?	Chuyển ngang câu
8.	What are the effects of space exploration? <i>Đề tài này hơi khó đó!</i>	Chuyển liên câu
9.	We are divided into four groups: Groups 1-Finance and Economy; Groups 2- Environment, Group 3 Innovation and Development; Group 4: Human Relations. <i>Bốc xăm đi!</i>	Chuyển liên câu
10.	IRIS, LADEE, <i>khó hiểu</i> , Interface Region Imaging Spectograph	Chuyển ngang câu
11.	Asteroid mining, means stars exploration, <i>khám phá thiên thạch chứ</i> , that's right?	Chuyển ngang câu
12.	Space problem, <i>về ô nhiễm không gian</i> space pollution	Chuyển ngang câu
13.	Minimize <i>Giảm thiểu</i> , giống như hạn chế	Chuyển liên câu
14.	Mission of solving background pollution like debris, satellites, <i>còn gì nữa không?</i>	Chuyển liên câu
15.	Euphemism <i>nghĩa là gì?</i>	Chuyển liên câu
16.	Use some word to reduce the feeling, <i>nói giảm là một cách nói để giảm nhẹ...</i>	Chuyển liên câu
17.	For example, die, pass away, <i>qua đời</i>	Chuyển ngang câu

18.	<i>băng hà</i> is used for emperor	Chuyển ngang câu
19.	to meet his ancestor, <i>về với tổ tiên</i>	Chuyển liên câu
20.	rest in peace, stay in peace, <i>yên giấc ngàn thu</i>	Chuyển liên câu
21.	go to the paradise, means <i>lên thiên đường</i>	Chuyển ngang câu
22.	We use Euphemism <i>lời hay ý đẹp</i>	Chuyển liên câu
23.	<i>Tiếp theo</i> , to PR or persuade customers buy products	Chuyển ngang câu
24.	Some examples of slang in Vietnamese; <i>swong, FA, trẻ trâu, OK?</i>	Chuyển ngang câu
25.	Here are some examples of jargon, Slang, <i>tiếng lóng</i> , exaggeration: <i>nói phóng đại, nổ</i>	Chuyển ngang câu

PHỤ LỤC 5: SẢN PHẨM KHOA HỌC

PHỤ LỤC 6: SẢN PHẨM ĐÀO TẠO

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI